



Truyện ngắn: BỒI YÊU THƯƠNG

Bao giờ qua cửa Sáu Tâm cũng cần nhẩn. Bao giờ qua cửa anh cũng thấy Diệp lúi húi dọn dẹp, nấu nướng gì đó, “Mấy chuyện lật vật, để tôi làm, sao không chịu nằm nghỉ không biết”. Bữa nay thì tới lượt chị nhẩn, Sáu Tâm về nhà với đôi đầu gối bê bết máu:

- Tâm lại té à. Đi đường phải cẩn thận chứ.
- Không - Anh bảo - Hôm nay dạy con San nó đi gối .
- Tuồng gì?.
- Phàn Lê Huê.

Chị bắt anh ngồi xuống giường, khẽ khàng vén ống quần lên, tháo cái chân giả ra, băng bó lại đầu gối cột chông chơ vẫn còn tươu máu. Sáu Tâm nghe một giọt nước mặn nhỏ xuống làm rát bỏng chỗ vết thương, anh cảm râm (như tía chị); “Khóc cái gì. Chút xíu vậy cũng khóc “.

Hồi trưa này, San cũng ôm đầu gối anh mà khóc.

San là học trò của anh, nó làm tiếp viên ở quán Mây Lang Thang. Trưa nào, anh kéo cái bội khăn đi ngang cũng thấy nó ngồi băng đá đằng trước sân ngõ cuộc đời. Sơn tô, phấn trát đậm như mấy người lên đồng. Có bữa anh dừng lại chỗ gốc bàng, đứng rao: “Mười ngàn năm cái khăn. Khăn Mỹ ... Tho có ho như thầy Minh cũng không rách. Mua khăn cô nhỏ. Khăn mới lau tủ cũ, cũ lau xe ...”, anh thấy nó cười. Một bữa nó hỏi, có phải ngày xưa Sáu Tâm từng làm kép hát không? Sáu Tâm tự trào, tôi mặt rỗ như “ga-mo-qua-xa-ky” (gà mổ quá xá kỹ), đầu tóc bù xù, xi cà que, mình mấy lúc nào cũng hôi mồ hôi mà là kép chánh sao? Nói chơi hoài.

Nhưng San tin. Hồi đó đoàn Mây Mùa Thu về hát ở đình Tân Thuận. Hôm ấy, đoàn hát vở *Đời cô Lựu* thiết khuya. Ông bán khăn này còn trẻ lắm, ông đóng vai Luân, mặc bộ đồ bà ba vá chằng vá đụp, quần thì xắn ống thấp ống cao. Lúc xả giàn là tới đoạn Luân quỳ xuống ngang gối, ôm cô Lựu ngẩng mặt lên, kêu mẹ. Trời ơi, San bung rỏ khoai ế đứng nhìn mà rung rung nước mắt, sao mà cô Lựu ôm Luân gọn gàng tridu mền đến như vậy, sao Luân hạnh phúc và sung sướng đến như vậy.

Đó là lúc San ước mơ sau này lớn lên sẽ trở thành đào hát. Ừ, trở thành đào hát, không cần phải đóng vai chánh, nổi tiếng làm gì, hát phụ cũng được, đóng vai ác, vai hầu gái, cung nữ, bà già cũng được... Nhưng San mê vai có má nhất. Dù người mẹ nghèo bị hắt hủi cỡ nào, người mẹ giàu tàn nhẫn cỡ nào để chia cắt duyên con (như mấy tuồng cải lương bây giờ hay hát), nhưng có làm gì thì hết thấy đều vì quá thương con mình.

San hai mươi bốn tuổi, hai mươi bốn năm má mất. Bà chết vì sinh khó. Cha San thường sau rượu, lúc say phà cái mùi hèm khăm khăm vô mặt San, “Tại cái con vô dụng này nên tao mới khổ sở như vậy, vợ cũng chết, tiền cũng hết”.

San cố sống để khỏi phải là đứa vô dụng. Áo cha rách, San khâu. Cha kêu buồn ối, San chạy lấy thau lại hứng, đắp khăn nóng cho người. Sáu tuổi nó đã ề ạch nách cái rỗ khoai lang luộc, xách thùng mía lạnh rảo chân khắp làng trên xóm dưới. Mười hai tuổi nó xin chạy bàn, rửa chén ở quán “Mây Lang Thang”, mười tám tuổi nó lấy chồng. Phải lấy chồng mới có tiền lễ để cha nó đổi chiếc xích lô lấy cái Honda. Mà, đời kỳ thiết, San lấy ngay cái thằng hồi nhỏ nó ghét cay ghét đắng. Nó nhớ như in những lần na cái thùng mía lạnh ngang qua nhà, thằng chồng nó lúc đó chừng mười, mười hai tuổi chuyên chặn nó lại, giật mía mà ăn. Có bữa San cự, thằng nọ vạch quần ra đái tòn tòn vô thùng mía, vừa đái vừa cười ha hả. Hôm đó,

San về nhà mà trong tay không có tiền. Dì nắm tóc nó mà đánh, San có nói gì thì dì cũng không tin. Bây giờ lại lấy nhau, mỗi lần thấy chồng tuột quần, lòng San dậy lên một nỗi căm thù. Được hai tuần, San thôi, lại bỏ về quán Mây Lang Thang, nhưng không còn rửa chén mà ngồi trong mấy cái buồng vuông vuông nhỏ nhỏ để tiếp khách.

Ước mơ xưa chưa bao giờ trở thành hiện thực. Những khi quán vắng, San cố ngủ cho nhiều, ngủ là khỏi thấy lòng buồn, má hy sinh cho cái phận bọt bèo này làm chi không biết. Ngủ để coi có mơ thấy mình trở thành đào hát không. Ngủ vì không thích tùm lại với chị em để đánh bài, bàn số đề, giũa móng tay, nặn mụn hay đi mua sắm áo dây, váy ngắn.

Mất gần một tháng Sáu Tâm mới nghe hết câu chuyện đời của nó. Mỗi bữa ngồi đụt nắng dưới gốc cây còng trước quán, San kể anh nghe một đoạn. Nhưng anh kếp cũ không nhắc gì đến vàng hào quang cũ, chỉ San ngồi nhắc hoài, nó kêu anh dạy nghề. Sáu Tâm bảo, “Nghề hát bạc lắm”. San bảo, nghề của em còn bạc hơn, bạc tại chỗ, những thằng mần nắn mình, kêu mình bà xã ơi, cưng ơi, toàn là tụi coi khinh mình như rác. Dứt khoát, em phải trở thành đào hát, như đào Điệp ở đoàn chú vậy .

San nhớ, cô đào thiệt hiền, dân dã, tan buổi diễn để nguyên bộ áo dài nâu, cái đầu bới ngồi ăn cháo vịt. Thấy San cứ tần ngần nhìn, cô hỏi San đói không. San gật đầu, không đói nhưng vẫn gật đầu. Cô gọi thêm một tô cháo, biểu San ăn đi, ngồi kể cô mà ăn. San ngồi trước tô cháo nhưng cứ nhìn cô, chỉ mong được nép vô lòng kêu tiếng má. Đào Điệp hỏi, con bán khoai hủ, sao tan hát rồi mà không về? Khoai còn hết? Cô mua cho. Ăn xong, con mau về đi, tan hát rồi, đường tối lắm.

San nhớ hoài cái khuôn mặt dịu dàng đó, bao giờ nó cũng nghĩ, má mình còn sống dứt khoát giống cô ấy. Nó kết luận, chỉ gặp một lần thôi mà em thương cô suốt đời.

Câu chuyện làm cho Sáu Tâm xúc động, gương mặt đen đúa trầm lặng như tượng gỗ bỗng mềm lại. Anh bảo anh sẽ dạy. Ở đâu ư? Tại cái sân dưới gốc cây bàng này. Sân chật đầy lá rụng có bữa bỗng dựng biến thành sân triều. Sáu Tâm gọi, “Cung nữ!”, San dạ, te te đi ra tay dâng chén rượu ngang mày. Người đời qua lại, có cười.

Đám khách nhậu trong quán biết Sáu Tâm là anh kếp hết thời, cứ đòi nghe cho được. Mấy lần bà chủ quán ra biểu anh, “hát vài câu đi rồi có tiền” (như bà mẹ biểu đứa con nít ăn cơm đi rồi cho kẹo), lần nào Sáu Tâm cũng lắc đầu. Bà phật lòng, nghèo còn sĩ diện, nghèo mà không biết nghe lời người có tiền. San hỏi, anh bảo:

- Có làm gì, đi đâu, chưa bao giờ tôi quên mình là nghệ sỹ, nghệ sỹ là người của công chúng, người ta yêu mình bởi họ thấy mình cao quý hơn họ, tôi không thể vì tiền mà sống hèn được. Cô nhỏ, sau này có trở thành đào hát, cô nhớ lời tôi nghe.

Mỗi ngày, Sáu Tâm ghé chỗ San chừng mười mười lăm phút. Thời gian còn lại anh kéo cái bội đàn bằng nan tre có gắn mấy cái bánh xe đi bán khăn, áo đạo. Anh cần tiền, nhiều tiền. Nhưng anh cũng muốn về nhà. Nên lúc nào trong lòng anh cũng như lửa đốt.

Nhà Sáu Tâm ở xóm Gò Mả. Xóm nhỏ tụm lại trên nền nghĩa địa cũ. Những ngôi nhà cửa trước luôn mở về phía nội ô như bị người ta lấn tới nên giạt lùi đến đây. Nhà anh cất kê chòm mả lạng, anh không sợ, ma cũng như người, mình tử tế với họ thì họ cũng tử tế với mình. Chỉ ngại, những lúc anh không ở nhà, chị thể nào cũng mở cửa ra, nhìn những chòm cỏ xa xanh kia và nghĩ về cái chết.

Điệp càng ngày càng yếu. Chị ốm, mỏng như hột cơm dẹp. Tóc đã rụng đến nỗi ở xa chừng mười bước có thể đếm được từng sợi, từng sợi còn sót lại. Chị thôi xót xa rồi. Thôi từ cái bữa Sáu Tâm đã làm vỡ gương, chị nhắc hoài anh chưa mua lại. Thôi từ cái bữa mơ màng thấy anh nhặt tóc chị rụng trên giường đem đi giấu ở cái thùng đan hồi trước đựng đồ nghề vá xe. Chị níu lấy anh, vùi nước mắt vô ngực anh mà ướm:

- Tâm ơi! Tâm khổ vì tôi chi vậy?.

Đâu mà biết nà. Tại duyên nợ. Điệp lớn hơn Tâm tròn con giáp. Lúc anh mới vô đoàn hát, anh gọi Điệp bằng chị, xưng em. Điệp toàn hát vai má anh, ráng lắm thì cũng vai em trai, loại em chuyên đi đưa thơ cho người yêu chị gái mình. Vậy mà yêu, yêu treó căng ngồng, cũng không biết để lòng thương lúc nào, ghê lắm cái lối thương thâm, thấy đầm đầm vậy chứ rút không ra. Lúc đầu thì Điệp thấy buồn cười lắm, chị cứ theo chọc anh hoài, thí dụ tụi mình làm vợ chồng, phải gọi làm sao, Tâm ha?.

Cho tới cái bữa về hát Vàm Lèo, nửa đêm trái chiếu nằm ngủ dưới khăn đài, sàn diễn đổ sập xuống, Sáu Tâm đẩy Điệp ra, chỉ anh là còn kẹt lại trong đống đổ nát. Xương ống quyển bị dập. Đau lắm, nằm một chỗ, không xoay mình được. Ông bầu cũng nghèo, tiếc tiền, cứ bảo, trặc chân chút đỉnh rồi sai người đi hái thuốc về bó, đắp thuốc tới khúc chân bị hoại, lây lưa, người ta mới đưa anh đến bệnh viện. Tháo khớp. Nỗi đau không nói được bằng lời, lia khúc chân là mãi mãi đứt lìa sân khấu.

Đó là những năm sân khấu cải lương lâm vào cảnh khó khăn. Đoàn hát phải biểu diễn khắp cùng quê xó, phải trưng dụng những dụng cụ phụ diễn đã bị nắng mưa làm mục nát. “Mưa Mùa Thu” rã gánh, ông bầu bảo, còn ai hát hò gì nữa, tới Hồng Diệp cũng phải bỏ nghề rồi, trông mong gì. Diệp cùng Sáu Tâm dúi dẩy nhau đến cái xóm Gò Mả này. Chị không hối tiếc, cuộc đời người ta ngoài ăn với ngủ, thời gian còn lại là đi tìm một nửa của chính mình. Chị thì có anh.

Hai người, hai đôi tay hồi nào giờ chỉ quen múa guom, lấy roi, sảy ngựa với ba cái chân để kiếm sống. Cực khổ nhọc nhằn nhưng không nguôi thương nhớ nghề xưa. Diệp xin từ ông bầu rất nhiều món đồ diễn, đem về cất kỹ, thỉnh thoảng, chị mặc áo đính kim sa hát Mạnh Lệ Quân với anh. Lúc đó Diệp vẫn chưa phát bệnh.

Bây giờ chị không còn sống bao lâu nữa. Khối u ở cổ đã đi vào não. Gương mặt xinh đẹp của chị biến đổi, nhiều bữa ngủ thức dậy, đôi mắt sưng húp, mũi chảy máu ròng ròng. Tai bắt đầu ù ù không nghe rõ. Nếu không phải trang trải tiền thuốc cho chị, Sáu Tâm đã không lang thang ngoài đường. Anh muốn được ở nhà, ở bên chị, nắm nuôi từng giây từng phút, để lúc chị đau anh giúp cho ly nước, vốc thuốc, cái khăn ướt lau mặt, để ôm ghì chị vào lòng mỗi khi lên cơn vật vã. Nhiều bữa mưa dầm đụt ở mái hiên nhà nào đó, Sáu Tâm thêm được khóc. Anh nhìn mãi đôi tay mình. Đôi tay từng đi làm mướn, đi bốc mả, vá xe, đôi tay từng bung bê ở nhà hàng này, quán nhậu nọ sao lại bất lực không thể níu giữ người mình thương.

Nhưng bao giờ anh cũng về nhà với khuôn mặt tươi cười. Cười không phải vì vui. Anh nghĩ, may mình là nghệ sỹ, nếu không, sao có thể cười giòn khi đang tan nát lòng đau. Nhiều khi, về tới đầu xóm, Sáu Tâm phải dừng lại, đốt điếu thuốc để lắng cảm xúc của mình lại.

Anh sợ cả lúc bước vào nhà thấy chị đang nằm ngủ, Diệp biết hết. Nên mệt mỏi thế nào chị cũng làm cái gì đó để đợi anh về. Chị thương anh quá.

May mà có San. Câu chuyện của nó làm cho cả hai người nhận ra họ đã sống một đời nghệ sỹ đầy ý nghĩa. Như San, họ chưa thay đổi được cuộc đời bất hạnh của nó nhưng đã an ủi nó nhiều. Diệp bảo:

- Em không tiếc gì đâu. Tâm đừng buồn cho em nữa, ghen.

Chị dặn, đừng nói cho San biết chị sống với anh, lại bệnh hoạn như vậy, “nó đã giữ trong lòng một hình ảnh đẹp để ước mơ, mình đừng phá hư đi”. Nhưng rồi một đêm chị không ngủ mà nằm nghe trái tim anh đập từng nhịp gấp rã, anh đang

sống, chị nói với lòng, cái cơ thể này đang sống, mình nữ nào để anh tận hưởng theo mình. Vô tình, chị nghĩ đến San.

Bất ngờ, một buổi trưa, San tới. Hôm đó Sáu Tâm không đi bán mà ở nhà lợp lại cái mái che đằng trước, lúc này trời trở gió, mưa cứ tạt vô nhà. Anh còn kịp chạy lại lấy cái khăn vắt đầu giường đội lên đầu cho chị như vẫn thường làm khi khách đến nhà. San hơi khựng lại, nhưng nó nhận ra cô đào Điệp năm nào. Vẫn còn đó một đôi mắt hiền, hơi ướt, dịu dàng:

- San phải không?.

Và còn đó một giọng nói mềm như lá lụa non.

Đó là một ngày trời oi nắng, mây đứng trơ trọi trên trời. Đó là ngày San nhận ra, trước người đàn bà đau ốm này đây, mình vô tình gây nên tội, tội đẹp. Và tìm nó thất lại một cái đau nhói, vậy ra, người đàn ông bán khăn áo dạo không ở một mình. Không biết làm gì, San lại mở cửa sổ ra, nhìn những chòm cỏ xa xanh, nó kêu lên, “trời ơi, ở đây bảnh thật, em thích một căn nhà như vậy lắm”, lòng vừa đau vừa thẹn thứa cười cái cộc đi kiểm con trâu.

Sau này, mỗi khi rảnh, dù Sáu Tâm có kéo cái bội khăn lang thang trên đường phố, San cũng lại nhà. Căn nhà mà hồi mới thấy xa xa, nó tưởng là nhà của mình. Bây giờ, lại đó, San quét nhà, nấu cơm, đợi Điệp ngủ San kéo mềm tới cầm cho chị rồi lược những sợi tóc buồn xơ xác như những chiếc lá lìa cành đem đi giấu. Bữa trưa đầy gió, chị biểu San đem lược lại chị chải tóc cho. Nó có mái tóc hết chị ngày còn trẻ. “Tụi mình có nhiều cái giống nhau ghê. Chị cũng không có má, lớn lên trong trại mồ côi. Chị đến với sân khấu để vay mượn những thâm tình mà mình chưa hề có. Hồi nhỏ chị cũng cực lắm, nhưng không đến nỗi sa chân như San. Chị em mình còn một chuyện giống nhau nữa, đó San biết, tụi mình cùng thương anh Sáu, thương lắm, phải không?”.

San ngơ ngác hết mấy giây rồi lắc đầu. Chị bảo đừng giấu chị. “Ừ, nếu không chê Tâm tàn tật thì bao giờ chị đi cho chị gởi lại. Em làm lại cuộc đời đi, Tâm rộng lòng lắm, không chấp nhứt chuyện này nọ đâu. Tâm dễ tánh. Mặc gì cũng được, ăn gì cũng xong. Con người đáng hoàng, nghệ sỹ mà đáng hoàng, không phù phiếm, buông thả. Kiếm người tin được không phải dễ đâu, San”.

San không trả lời, không thể nói dối lòng rằng “Thôi! “, nhưng cũng không thể gạt đầu cái rụp. Có phải là trao trái chanh trái bưởi cho nhau đâu mà một người đàn bà trao người mình thương yêu nhất cho một người đàn bà.

Sáu Tâm không biết chuyện này. Tối lại nằm gối đầu lên tay anh, chị bảo, “San nó thương anh lắm”. Anh cười, “Tôi bây giờ đã thành ông già, còn cô nhỏ đó ...” Chị cũng cười, “Có sao, như Tâm với em”. Sáu Tâm biểu, “Ngủ à nghe”. Nhưng chị biết anh vẫn thức bởi những ý nghĩ mới mẻ trong lòng. Chị thì ngủ, giấc cuối cùng, sâu thiết là sâu. Đắp cỏ muôn đời.

... San bỏ quán Mây Lang Thang, chiều chiều ngồi bán chuối, khoai lang nướng mỡ hành bán ngoài cổng nhà văn hoá. Hỏi về giấc mơ trở thành đào hát. Nó cười đã bỏ lâu rồi. Đi hát lỡ nổi tiếng, thí dụ thôi nhen, người ta biết lúc trước tôi từng làm tiếp viên quán bia thì nhen danh cả một giới nghệ sỹ, làm người ta mất cảm tình với cái lương, vậy khác nào hại cả nền sân khấu nước nhà.

Cũng giống như phim tình cảm, đôi khi người ta vì yêu mà rút ruột lìa xa người mình yêu. Biết làm sao, hoàn cảnh vậy mà .

Truyện ngắn: CÁI NHÌN KHẮC KHOAI

Khoa điện thoại cho tôi từ phòng lab:

- Hình xong rồi, đã lắm. Mà kiểm đầu ra ông già ngon vậy?

Tôi cười, gác máy rồi xách xe chạy lại chỗ Khoa. Những tấm ảnh đen trắng treo trên dây còn đọng nước, giọt rất tròn và trĩu. Khoa nghiêng đầu ngắm:

- Mà coi, hình như, trong mắt ông già này có nước.

- Mà cận bao nhiêu độ rồi?

Khoa mắc cỡ tháo cặp kính ra, đôi mắt đờ đẫn.

- Hôm trước ba rưỡi, bây giờ chắc ba tám rồi.

- Mắt mà cũng còn ngon lắm.

Khoa lại hỏi tôi cái câu ban nãy, “mà kiểm ông này ở đâu mà thần thái vậy?”. Tôi không trả lời, ngược mắt nhìn về những bức ảnh của tôi. Trong mảng tối sáng trong vắt, khuôn mặt một người đàn ông hiện lên, trầm lặng mà sâu sắc.

Và tôi lại thấy mình ở trong một căn chòi chắn vệt cát dựa mé kinh Chiếu. Căn chòi đầy khói. Cái mẻ un ám khói chất đầy giỏ dừa khô. Khói ngùn ngụt khói. Ngồi trên cái sạp ghe đóng thừa bằng tre chẻ thẻ, một người đàn ông ngồi nhìn ra cửa. Cô độc. Gió vút vút vô chòi. Ông làm nghề nuôi vịt đẻ chạy đồng. Hôm nay ở đồng Rạch Mũi, ngày mai ở Nhà Phấn Ngọn, xa nữa lại dạt đến Cái Bát không chừng. Ông đậu ghe, dựng lều, lùa vịt lên những cánh đồng vừa mới gặt xong, ngó chừng

chùng sang những cánh đồng lúa vừa mới chín tới và suy nghĩ về một vạt đồng khác lúa vừa no đòng đòng. Đời của ông là một cuộc đời lang bạt. Một cuộc sống trên đồng khơi. Chòi cắm ở đâu cũng được, miễn có chỗ khô ráo cho ông nằm. Buổi sáng, ông lừa bầy vịt ra đồng, tay cầm cây trúc không róc đọt, bù xù. Bầy vịt ngàn hai trăm con, ngoi quẫy, vẫy vùng, rúc vào những nùi rạ mới, nhặt từng hạt lúa. Con vịt xiêm tên Cộc cũng ào ra cùng bọn chúng, những lúc đó, không phải vì bụng đói, mà vì mùi rạ thơm quá, ngọt quá, ngụp mỏ vào thấy sướng người. Ông ngồi bệt trên bờ mấu, khăn sọc cũ quần đầu, nón vải nâu lốm đốm mủ chuối. Ông ngó lũ vịt và vắn điệu thuốc châm lửa, phà khói lên trời. Và trời rất xa xanh, trong. Ông kêu:

- Cộc, biểu!

Con Cộc chạy lại, vẫy nước và cọ đầu vào bắp đùi đen bóng của ông.

Buổi tối buồn lắm. Đêm nào cũng như đêm nầy, lừa vịt vô chuồng, tắt tấp qua loa, ông khom lưng thổi phù phù vô cái bếp un cho căn chòi đầy khói rồi nằm đưa võng. Gió vụt vụt vô chòi. Con Cộc lò mò ra đồng rơm đập dềnh dưới mé kinh, vùi mình vào đó ngủ một giấc. Nó tưởng lâu vậy, dài vậy mà lúc ngó lên vẫn thấy chao chát ngọn đèn đỏ lờm. Ông kêu:

- Cộc, giận gì mà xuống đó vậy mày?

Cộc lạch bạch đi lên. Nó ghé ngang cái lưới bao rào vịt, thò mỏ vào mỏ một con vịt ta khác. Gây chuyện chơi cho vui. Nó là con vịt chúa gây chuyện. Ngoài những lúc này, nó khá cộc cằn, tư lự. Mấy người bạn lang bạt của ông chụm lại nhậu lần nào cũng nhắc: “Cha nội sống như vậy rầu thấy mẹ, mai một con vịt xiêm đó chết rồi, cha sống với ai”. Ông cười, “còn thằng con tao”. Nó ở chợ. Lâu lắm mới về thăm ông một lần, về tới, ngoài việc kêu ông bán bầy vịt ra ngoài sống với nó, còn chuyện ông cưới vợ, nó nói, nó con trai, biết cô đơn là cái gì rồi, khổ lắm, buồn lắm. Nó giục ông từ năm nó mười hai tuổi. Ông ngạc nhiên lắm. Nhưng rồi ông biết rằng, nó đã học được ông cái tánh rộng lòng đồng khơi, như trời cao. Ông vò đầu nói với nó, cũng khó khăn thiệt, nhưng ông quen rồi. Nghề nuôi vịt mà, nghèo, lang thang, đeo mang người nữa, không đành.

Tháng Tám. Ông trở về kinh Mười Hai, quê ruột của ông. Chèo gần tới nhà ông thấy một người phụ nữ ngồi dưới bậc cỏ đọt tàu. Chiều rồi, tàu cuối chạy lúc ba giờ rưỡi đi qua đã lâu lắm. Dưới ghe ngó lên, mặt người phụ nữ buồn so, buồn như sắp đắm đầu xuống sông mà chết. Ông chèo lững khựng cho ghe đi tới. Qua khỏi đám lá, ông quạt chèo trở lại. Ông hỏi chị nọ đi đâu, chị khóc như mưa bắc, “Tôi

cũng không biết mình đi đâu”. Lãng xẹt vậy đó. Ông ngại ngần ngó những tia nắng đỏ cuối cùng đậu phía dưới đám dừa nước:

- Cô có sao không?

Người phụ nữ lắc đầu. Ông biểu chị xuống ghe cho quá giang. Chị vẫn khóc.

- Tôi biết đi đâu mà quá giang bây giờ. Hay... làm ơn cho tôi theo anh đêm nay nghen.

Ông suy nghĩ rất lâu và trả lời một câu nhỏ xíu trong khi tụi vịt đập đầu chen nhau dưới sạp ghe bằng tre đóng thưa thớt rộ lên lạc cạc inh ỏi. Đôi chân đàn bà dè dặt bỏ xuống đầu ghe, con Cộc cuối đầu không nói không rằng lùi lại tính mở một cái vô chân chị mừng chơi nhưng ông la: “Cộc! Bị đòn nghe mậy”. Nó dừng lại, đứng đĩnh qua đi. Chị khịt mũi cái sột, lau nước mắt kêu: “Trời, vịt gì mà khôn quá vậy?”. Con vịt ngoắc ngoắc cái đầu lại, ý nói, Vịt Xiêm chứ vịt gì, thiệt tình.

Qua thêm ba đám lá dày nữa là về tới nhà ông. Nhà vắng, vườn hoang, lúc chạng vạng buồn hiu hắt. Ông đi năm ba tháng về một lần, về đúng vạt đồng sau vừa chín. Hồi đi, con tắc kè ếch bụng kêu ề ề, hồi về đã thấy đeo trên cột nhà mấy con tắc kè con, da chưa bông chưa hoa, mốc cời, đầu chờ vờ như cá lóc gặp nước mặn. Ông đẩy cửa bước vô trước, tay quơ mớ văng nhện lưng nhùng, đốt cái đèn, thổi lù lù mớ củi ướn. Chị ôm cặp đồ ngồi gá nhẹ mép ván, ngó quanh. Ông lượm xượng, “Nhà bỏ lâu, bê bối quá chừng”. Rồi khói bay lên, ấm áp.

Ở căn nhà lá cũ mềm này, ông có nhiều kỷ niệm. Mỗi khi trở về nó lại chảy thành dòng dịu ngọt trong ông, nó chảy khẽ giữa những mạch máu. Những ngày thơ ông có ba má, những ngày trẻ ông có người chẵn gối cùng. Có cây lựu bên hè làm chứng, mỗi lần nhà đổ bánh xèo, vợ ông ra hái đợt lựu, đứng tần ngần, “phải ảnh có nhà để ăn”. Chiến tranh, ông đi biên biệt. Ngày về, chỉ còn đứa con trai. Nó khóc, kể, “Bữa đó cúng đình, có cải lương, má rũ con đi. Tuồng Thoại Khanh Châu Tuấn đó ba. Hát chưa xong khúc Thoại Khanh ngồi đòn cho công chúa Châu Tuấn nghe, thì pháo đằng đồn Chệt bắn lại, má con chết luôn”. Mùa đó lựu ra lá từng chùm trắng xanh, non nhuột. Ông bắt thêm ứa nước mắt. Cũng thằng con ông, sau này nó nhắn: “Chuyện buồn mà ba nhớ làm chi cho tới già vậy không biết. Ông bảo ông có nhớ gì đâu. Thiệt đó, thằng nhóc, có nhớ gì đâu. Thằng con chép miệng, “Khổ quá!”

Người phụ nữ ông lượm chiều đó còn khổ hơn. Chị quê Cây Khô, lỡ thời, thương thằng (xin lỗi!) thợ gặt miệt Bình An đổ xuống. Không biết gốc gác, cội nguồn

người ta mà thương gì ác hơn vậy không biết. Làm vợ thợ gặt, sống đòi thợ gặt. Chị ngồi vắn vạt áo: “Ai cũng nói em ngu, cực cỡ nào em cũng chịu, miễn là mình thương người ta”. Vậy mà thằng đó (xin lỗi!) tệ thiệt, làm ít, nhậu nhiều. Tới đây, nhậu nhết, nợ nần, chị ra gánh trả. Nợ nhiều quá, mấy cái quán tạp hóa đòi lấy xuống, nửa đêm chồng chị trốn đi, bỏ chị lại. Không biết quê chồng, không về được quê mình, chị ra bờ sông ngồi khóc.

- Cô Út không ngại, cứ ở lại đây, chừng nào có hướng đi đâu, mần ăn gì thì đi, ghen.

Nghe xong câu chuyện của chị, ông bập một hơi thuốc lá, nói một câu, bập hơi nữa thì hết điếu.

Chị chịu ở lại. Buổi sáng, chị thức dậy bắc ấm nước lên bếp cho ông uống trà, xong lửa vọt ra đồng. Thả vịt ruộng gần, chị đem cơm ra tới chỗ, dọn trên bờ mầu, ngồi nhìn trời, nhìn đất, nhìn vịt, chờ ông ăn xong mới đi vô. Ruộng xa, chị thức dậy từ ba giờ sáng nấu cơm đỡ cho ông xách theo. Thuốc gò, giấy quỳen mới vơi một ít, chị bỏ lại cho đầy để ông bỏ túi, “Nửa chừng mà hết thuốc chịu không thấu anh Hai à, giữa đồng mông quạnh, buồn chết, hồi đó ảnh...”, chị bỏ câu nói nửa chừng. Mờ mờ trời, chị lụi hụi vô chuồng lấy hột vịt, rồ chở ra chợ xã bán, chị tính:

- Chịu khó ra ngoài đó một chút, bán giá cao hơn anh Hai à. Săn hái ít đợt lựa bán luôn, thứ này người ta khoái lắm.

- Nhưng phiền cô quá....

- Có gì đâu.

Chị làm cỏ ngoài sân, trồng lên bắp cá với húng lủi. Chị súc lu đợi trời mưa hứng nước. Chị giặt mùng mền phơi cho thơm nắng. Ông cần nhần:

- Cô làm gì như người ở đợ cho tôi vậy?

- Có gì đâu, anh Hai, được ở lại đây là em mừng rồi.

Ông ngoái lại, nói:

- Thiệt tình, cô ở lại để chờ người ta phải hôn cô?

Chị không trả lời, chị cúi đầu đi thẳng. Chị không đẹp lắm, nhưng lúc thối lửa có duyên. Chị không có duyên lắm nhưng lúc bậm môi bửa củi thấy đẹp. Ông chắc

không để ý chuyện này, ông bận rộn so đũa cắm cột, dùng lá dừa nước làm cái nhà tắm cho chị. Ông vừa mài cây búa vừa nói nhỏ nhỏ với con Cộc:

- Minh đàn ông gì cũng được, giờ có thêm người... Ông ngừng lại, vuốt cánh con vịt - vậy hen Cộc?

Cộc không trả lời, kêu cóc cóc, há mỏ đập vô mắt cá chân ông. Thì vậy chứ còn sao nữa, ý nó muốn nói vậy. Rồi nó đứng đĩnh đi chơi, dạo dạo bầy bọ kiểng trùn đất ăn. Ông nghĩ trong bụng hoài, “Làm vịt như mày coi bộ sướng. Cộc à, làm người, hông làm thì thôi, làm phải cho ngon, thiệt khó”.

Thằng con ông đi công tác qua nhà thấy có người lạ nó ngỡ ngàng. Ngỡ ngàng xong thì mừng. Nó nói: “Ba lúc này ngon rồi nghen”. Ông gạt phăng phăng, “Mày chỉ giỏi bầy bọ”. Ông không nói với nó vẫn thường thấy chị ôm cái áo người cũ ngồi khóc, chị thường hay kho cá bỏ me, ông vốn không thích. Hễ hông đi chợ thì thôi, đi về y như rằng mua chai rượu, ông có uống gì nhiều đâu. Thằng con không biết. Thằng con đi dài dài xóm, ai cũng xầm xì chuyện của ba nó với người đàn bà gạt mướn. Cô Ba nó nói: “Tao thấy con mề không xứng với ba mày đâu, bỏ nhà theo trai, bị trai bỏ, giờ mới bám víu vô đàn vịt của ông, đàn bà đàn ông, ai ở lại dễ dãi vậy”. Thằng con cười, “Sao cũng được, cô Ba à, trước là trước, bây giờ là bây giờ, tốt xấu gì ba con biết, miễn sao ba vui là được rồi”. Cô Ba chẳng hăng.

Nhưng thằng con hơi thất vọng. Hễ chàng vạng, nhót vịt, tắm rửa xong, ông kêu con Cộc đi dài xóm chơi. Con vịt thì chạy xà quần rượt cắn đám con nít, ông chơi lai rai với bè bạn, họ hàng. Chờ khi khuya mới về. Về ngủ nhà xuống cặp mé kinh. Nhà mục rồi, đêm nằm nghe mối ăn treọ treọ, sợ chị ngại, ông nói: “tánh tôi ở đồng quen rồi, ngủ có gió mới ngon”. Không lẽ nói trắng ra, nằm trong nhà, bên này nằm nghe bên kia thở nghe sao được. Những lúc nửa đêm, con Cộc cắm đầu cắm cổ chạy, ông cũng cuốn mừng chạy. Chị mở cửa năn nỉ ông vô nhà, để lạnh chết. Cực chẳng đã ông mới vô, ngồi chí mí vắn, chong chong nhìn ra cửa chờ tạnh hột. Chị cảm động ứa nước mắt.

Chị vẫn thường đón ghe hàng bông hỏi thăm tin tức cánh thợ gạt An Bình. Tin tức ngày càng xa. Ở đây, trăm ngã sông nước, làm sao mà kiếm. Tin tức ngày càng vắng. Lúc rày, mưa nắng thất thường. Nắng một hơi năm bảy ngày, mưa một hơi năm bảy ngày, bà con nông dân gặt ngay mưa, phơi lúa không được rầu muốn chết. Chị đi chuyên nước vô lu, đôi dép Lào cu mỏng dính, trượt một cái trật gân. Tội nghiệp quá chừng. Ông về nạt nộ một hơi, đã nói mà, cô có chịu nghe tôi đâu. Nói

vậy thôi, ông đi chợ huyện mua thuốc cho chị, sẵn mua đôi dép mới làm chị ngại trong lòng lắm. Ông bảo:

- Đôi dép cô mỏng thiếu điều cạo râu được rồi, tiếc làm chi, để té nữa thì khổ.

Những chiều, lừa bầy vịt no căng lườn từ ngoài ruộng về, ông xúc tô com, ngồi ngoài gốc cây vú sữa đã bị cưa thành cái đôn, vừa ăn vừa nhìn cây chanh nùm bắt đầu ra trái. Dưới cầu ao, chị đang lật đật xoong chùi lọ nghe, cảnh chiều êm đềm. Cô Ba đi qua, tròn con mắt.

Một bữa, mưa nhiều, lúc ông đội áo đi, chị dặn:

- Mưa lúc này gấm dũ quá, sét nhiều, anh Hai nhớ vô sớm nghen.

Ông gật đầu, day qua dặn lại:

- Cô Út thôi đừng hứng nước mưa nữa, hông chừng mai mốt tôi đi, ai mà uống.

Chị chung hứng hỏi ông đi đâu, ông trả lời giọng rất buồn:

- Thì cho vịt ăn hết đồng này phải lừa đi chỗ khác chứ cô. Vịt đang đẻ rất quạo, nhốt một hai ngày là mất sức. Tôi ở nhà cả tháng rồi, cũng buồn.

Nói vậy rồi ông quay lưng đi. Chị vịn tay vào cửa, nhìn theo.

Buổi chiều, ông về sớm, chị giữ áo mưa của ông phơi lên vách, miệng quở ông trời mưa dai thấy sợ. Chị xúc chén lúa đồ cho con Cộc, miệng hỏi lảng như không:

“Cộc, mưa lạnh hôn con?”. Cộc không trả lời, nó nghinh lên, ý nói vịt mà lạnh gì, ổng lạnh sao không hỏi, thiệt tình. Ăn com xong, chị dọn ra xị rượu nướng mấy con khô cá chạch:

- Anh Hai lai rai cho ấm bụng, mưa quá, nhâm nhi đỡ buồn.

Chị ngồi lắc võng, may hai cái bìa khăn mới mua cho ông, vừa may vừa nói:

- Bây giờ người ta làm khăn mỏng dính, hông may xỏ chỉ ra nùi nùi hết trơn.

Ông không nói gì, đi xúc chén lúa lại đồ cho đầy mẻ, biểu “Cộc, lại ăn nè”. Con vịt không chạy lại cái mẻ mà lạch bạch đi tới chỗ bộ ván ngựa sần sùi nó chui xuống gầm. Cái thau nhôm hôm nắng ông lấy nấu chai trét chiếc ghe giờ được làm mẻ un đang phì phì khói. Ông ngồi trước chai đế trầm ngâm. Chị dè dặt lên tiếng:

- Anh Hai tính chừng nào đi?

- Hai ba bữa nữa. Đi chuyến này qua tới miệt Khánh Hà, chắc đi lâu mới về.

Người đàn bà cuối xuống cần chỉ, che cái thở dài.

- Cô Út à, tôi... có chuyện muốn nói với cô.

Chị làm rồi chỉ:

- Gì vậy anh Hai?

- Sáng nay tôi gặp thằng bạn, nó mới chạy bầy vịt từ nông trường qua. Tôi hỏi, nghe nói có thợ gặt An Bình ở đó.

- Anh Hai!

Ông bước xuống đầy mớ vỏ dừa vô mè un. Xơ dừa mịn, cháy rục, rồi tắt ngấm.

- Ảnh tên Sinh phải hôn cô Út? Ờ, Sinh, ảnh... cũng đang gặt bên đó, cô Út à.

- Anh Hai!

Chị buông cái khăn xuống kêu bâng hoàng.

- Tàu từ chạy nông trường lúc năm giờ, ngang đây, chắc cỡ sáu giờ rưỡi. Cô ráng đón chuyến đó. Để lỡ tới bữa sau, sợ mấy ảnh lại chuyển đồng, kiếm cực lắm. Tính vậy nghen cô Út.

Con Cộc lại hì hụi đi ra, ngồng cổ lên nhìn ông. Khuôn mặt ông mờ mờ sau làn khói. Khói mắt dịch, làm cay con mắt muốn chết. Cái vống chị ngồi sau lưng ông, chị khom xuống cần mớ chỉ rồi mà buồn. Ông rót ly rượu uống mà buồn.

- Anh Hai à, sao anh tính vậy?

- Tôi biết cô còn nặng lòng cùng ảnh. Qua bên hỏi đầu đuôi gốc ngọn ra làm sao. Nói có tình, mình ở lại, biết đâu người ta có nỗi khổ gì...

Chị bật khóc. Con Cộc điềm đăm lại cái mẻ lúa, nó ăn chậm rãi. Ý nói làm sao mà tôi tội nghiệp hai người quá đi, làm người mà khổ vậy, làm vịt còn sướng hơn. Đêm đó, ngoài nhà xồng, nó nghe ông thở nhẹ mà rất dài. Ai biểu...

Sáng sau ông lừa vịt ra đồng khi trời còn tối mịt tối mờ. Ông đuổi vịt đi xa thiệt xa nhưng vẫn nghe tàu bè ghé bến nào rất gần. Ông ngồi bệt bên bờ mầu, khăn cũ, nón cũ, kêu: “Cộc, biểu!” mà không thèm để ý nó có lại hay không. Kêu chơi vậy thôi. Nhưng Cộc là con vịt có nguyên tắc. Nó vẫn chạy lại, gác đầu lên đùi ông, cọ cọ an ủi. Rồi bất ngờ, ông lừa vịt cắt vạt đồng hồi hỏ trở vô. Ông bỏ quên bịch thuốc trong nhà, thèm quá. Tới liếp tràm bông vàng trong vườn, ông ngồi lại, lủ vịt tràn xuống ao rau muống tằm tấp. Ở đây, bỏ ba liếp chuối nữa là tới nhà. Ở nhà,

không biết có còn ai...? Ngồi đây thôi, bước vô đó lỗ không còn ai... Hồi lâu, ông nói như chỉ nói với mình:

- Mai một mình đi nữa hen Cộc?

Con vịt cạp mắt cá ông, đi thì đi chứ gì.

- Mày đi hoài, mày mệt không?

Nó há mồm đóm đen cạp ngón cái chân ông, thì mệt chứ.

- Tao đốn trầm, làm nhà lại, ở luôn nghen.

Con Cộc mở vô ống quyển ông, rồi nhóng cần cỏ dóm ông lom lom, có phải ông chờ bà đó quay lại không? Ông nhìn lên ngọn trầm và thấy mấy cái bông vàng như mấy con sâu róm đang dụ dăng rơi xuống. Có phải chỉ cần nhìn lại một chút, ông sẽ thấy ngọn khói bay lên không? Gió lùa lá chuối khô giống hệt bước chân ai vậy. Ông mắc ngoái nhìn. Và tôi đã chụp được chân dung ông trong ngoái nhìn khắc khoải đó.

Tôi bảo Khoa:

- Những người như ông già này có rất nhiều ở xứ mình, Khoa à, tao đâu có kiếm gì đâu.

Khoa nhìn tôi và nhìn lại những tấm ảnh, nó ngờ ngợ, “Mày đang kể về ba mày, phải không?”

Truyện ngắn: CHUYỆN VUI ĐIỆN ẢNH

Người ta nói chú Sa y chang như cầu thủ bóng đá Vũ Công Tuyền của tuyển quốc gia. Vũ Công Tuyền sáng chói ở tuổi ba mươi, còn chú Sa bốn mươi bốn tuổi thì tự nhiên nổi tiếng toàn quốc. Chú Sa sống ở hẻm Cựa Gà, ngó ra dốc cầu Quay cũ. Đầu hẻm có dựng cái bảng “Hẻm văn hóa 115”, nhưng người trong thành phố vẫn quen gọi là hẻm Cựa Gà. Nghĩ lại, để chữ “Hẻm văn hóa Cựa Gà” cũng bậy, nghe nó tệ nạn làm sao ấy. Người trong hẻm làm đủ nghề, từ mới vô gạch công chức cho tới cán bộ về hưu, từ công nhân cho tới bán bắp luộc, mua ve chai lông vịt, thiến heo... Họ gọi đó là nghề tay mặt. Nghề tay trái là đóng phim. Bà con mê đóng phim lắm, không phải vì sống được mà vì vui. Người đầu tiên rủ mọi người vô nghệ thuật diễn mướn là chú Sa. Chú Sa làm bảo vệ kiêm thêm trông bông xén cỏ ở hãng phim truyền hình, người rất quý bà con trong xóm. Chú thấy không thể để cho ngoài trăm khuôn mặt quanh mình cả đời sống thàm sống lạng, kẹt trong hẻm

này hoài. Chú kéo cả xóm đi đóng phim để an ủi mỗi người có lúc thấy mình vô phim khác ngoài đời. Bây giờ là trào lưu làm phim chiến tranh để nhớ về quá khứ, mà hề làm loại phim đó là phải cần thiết nhiều diễn viên quần chúng. Thanh niên vô vai lính, lúc bên mình, lúc thay áo qua bên giặc. Ông bà già, con nít đóng vai dân, nhiều nhất là dân chạy loạn. Sồn sồn cỡ chú Sa hóa trang vô vai lãnh đạo tham mưu hoặc làm quan Tây. Tuổi nào có vai nấy, chạy ào qua cái nương, nước văng sáng trắng, có thấy mặt mũi gì đâu nhưng vẫn gọi đây là vai, vẫn vui. Dân hẻm Cựa Gà hồi nào giờ nổi tiếng hịch hạc, dễ chịu. Riêng về chú Sa, một lần diễn vai ông nông dân, thằng sĩ quan ngựa chạy lại lia lia cây súng hỏi: “Thằng Việt cộng chạy hướng nào?”. Chú Sa chỉ. Giặc chạy đi. Máy quay cận cảnh chú Sa mần mần cái đầu khăn rằn, cười bí hiểm kiểu như “tao xỏ mày đó, thằng ngu”... Tính đi tính lại, đó là vai có da có thịt, mặt mày rõ ràng nhất của chú.

Vậy mà bây giờ chú được diễn chính mới lạ chứ. Cơ hội tình cờ thôi. Hôm đó đạo diễn Long Xưởng vừa mới đọc xong kịch bản, qua phòng giám đốc cãi cọ một hồi về vụ thiếu kinh phí mà bắt làm phim cho hay, rồi dắt xe ra cổng. Lúc đó chú Sa đang đuổi mấy thằng nhóc lên vô đá banh trong sân. Tụi nhóc ôm trái banh chạy lòng vòng, chú Sa lụi dụi đuổi theo. Miệng la, mắt tròn trắng, râu tóc dựng ngược. Lúc đầu ông đạo diễn còn cười, sau đó đứng thẫn ra, nhìn chăm chăm. Ông Long Xưởng nói:

- Tôi cho ông năm triệu!

Chú Sa giật mình:

- Giỡn hoài, làm gì cho tôi dữ vậy?

- Đóng phim.

Đạo diễn nói thiệt gọn.

Nhưng dính vô nghệ thuật rồi mọi chuyện đâu có gọn như vậy. Dứt khoát là không giống như chuyện đóng công, tưới bông mỗi ngày rồi. Chú Sa cầm xấp kịch bản để coi trước về tới đầu hẻm mà vẫn còn run. Chú tính thôi đi. Chú ghé quầy cô Thư ngồi chơi. Cô Thư nhìn chú chăm chăm: “Bộ bữa nay anh Ba bị rầy hay sao mà bần thần vậy?”. Chú lắc đầu. Con bé Mến, con gái cô Thư, đi học về mồ hôi mồ kê nhễ nhại, nó chúi đầu vô cái quạt máy, tay vỗ vỗ đầu gối: “Má tính làm sao chớ con lộn bộ chịu hết nổi rồi - nó ngược qua chú Sa - thiệt đó chú Ba”. Cô Thư phân trần với nó mà nhìn chú Sa như là nói với chú:

- Con coi, cái sạp mình dột te mà còn chưa có tiền sửa, mưa gió có buôn bán gì được đâu. Chiếc xe đạp coi được cũng năm bảy trăm nghìn chớ đâu ít.

Chú Sa nhìn cảnh gà mái nuôi con mà ngậm ngùi. Chờ con Mến đi vô nhà rồi, chú Sa mới thủ thi:

- Ở hăng người ta định giao cho tui đóng phim vai lớn.

- Mèn ơi - cô Thư la lên - Thiệt vậy sao anh Ba? Vai chính hả?

- Ủ, cũng gần chính, có điều vai ác.

- Thôi, chuyện đó mà nhằm nhò gì. Em ủng hộ anh Ba hết mình.

Hẻm Cựa Gà cũng ủng hộ chú Sa hết mình. Tối tối đi làm về, bà con tụ lại nhà chú, đọc thuộc lòng kịch bản, vô vai cho chú diễn thử luôn. Chú Sa diễn vai thiếu úy Cón (nghe cái tên thôi cũng thấy ghét rồi), một tên ác ôn giết vợ, hãm hại vợ người, tàn sát trẻ nít, huênh hoang phá xóm phá làng, sau chết vì bị chó điên cắn. Bên chính diện có diễn viên Hoàng Bửu với Khánh Trang đang nổi lên là hai diễn viên ăn khách, một đôi ăn ý. Bác Tư Cự vui vẻ bảo: “Vậy là chú Sa may so cựa toàn thứ dữ không rồi, nhưng mà hồng sao, mình làm cho kỹ thua gì tụi nó”. Cô Thư lo cho chú nhiều nhất, cô khuấy sữa bột gà nóng đem qua cho chú Sa bồi dưỡng, chú uống cái nụ cười của cô ngọt ngào, béo ngậy tới ba bữa sau còn chưa tan. Cô thì hay cười lắm, lúc cười mấy nếp nhăn chỗ khóe miệng dần ra, cô trẻ lại chừng năm tuổi. Má con Tí Hoa làm nghề bán bắp nướng biểu “bà Thư lấy chồng cho rồi”. Cô Thư cười: “Tui đang chờ người ta”. Chú Sa đánh lô tô trong bụng, biết cô Thư nói tới mình. Khi đi theo đoàn làm phim ở Long Khánh hơn mười lăm ngày, chú Sa nhớ nhất là cô Thư. Chú định ninh hoài lời cô: “Em thấy anh diễn không thua gì cảnh chuyên nghiệp đâu nghen. Nội em thấy tướng anh vô vai đó là ngon rồi”.

Chú Sa vẫn nể cô Thư vì cô hiểu biết cuộc đời rất sâu sắc do đọc nhiều báo. Cô nói y như thật. Khi chú mặc bộ đồ rằn ri vô mình rồi, ông đạo diễn không chê vào đâu được Long Xưởng hô máy một cái là nét mặt chú Sa lạnh như người chết, con mắt trắng dã, lừ đừ, nụ cười bí hiểm. Lúc quay cận cảnh khuôn mặt chú còn ghê nữa, da sần sùi, u uẩn như da cóc, tay chân đầy lông lá, cái răng cửa gãy chìa ra một nụ cười chết chóc với lỗ trống sâu hun hút. Trả lời phỏng vấn báo Điện ảnh, ông Long Xưởng không tiếc lời khen: “Từ hồi tôi làm đạo diễn tới giờ chưa gặp diễn viên nào đóng hay như thế”.

Sau câu nói đó, chú Sa nổi tiếng khi phim vẫn còn làm hậu kỳ. Báo chí đua nhau nói về chú, một diễn viên không chuyên, như thể chú cứu vãn tình hình điện ảnh nước nhà vậy. Chiều nào đạp xe về cô Thư cũng chào chú Sa bằng nụ cười rạng rỡ: “Bữa nay báo có anh nè, hình bụi lắm, đẹp lắm”. Chú Sa rẽ xe lại, cùng cười, trong lòng ước cô Thư hiểu được chú ghé lại là chỉ vì cô chứ không phải do cuốn báo có in hình chú. Lật qua lật lại một chút, chú Sa kẹp vô đó hai triệu rưỡi bạc vừa mới được ứng ở hãng. Chú ngại ngần như người ta mới đi hỏi lộ lần đầu:

- Cô mua chiếc xe cho con nó, còn lại mượn thợ sửa cái kiốt, chắc không dư bao nhiêu đâu. Để tôi lãnh hết tiền còn lại tôi cho cô mượn luôn làm vốn bán truyện tranh, tụi con nít mê lắm.

Cô Thư xúc động tới ngẩn ngơ:

- Thôi, đừng anh, thì anh cũng để xài chứ...

Tôi chỉ cần năm bảy trăm để đóng cái giường đôi thôi cô Thư à, cô đừng ngại.

Tôi một thân một mình, có nuôi ai đâu...

Phải cô Thư hỏi chú đóng giường đôi làm gì thì thế nào chú cũng nói luôn bụng dạ mình. Già cả rồi chứ còn son trẻ gì nữa mà ngần ngừ. Nhà cô Thư ngó ngang qua nhà chú Sa. Hai cái cửa hai nhà liếc xéo qua nhau tình tứ. Chỉ cần đứng chỗ cửa sổ là có thể nhìn thông thoáng qua nhà bên kia. Cô Thư sống với con Mến, chồng cô chết vì tai nạn công trường xây dựng. Chú Sa thì đơn chiếc từ buổi còn con trai. Chú Sa thương cô Thư không biết từ hồi nào (mấy thứ tình cảm thật lòng khó mà có cái mốc nhất định lắm, nó như những giọt nước nhỏ hoài nhỏ hoài xuống ly, tới một ngày cái ly bỗng tràn đầy), nhưng rõ ràng nhất là hồi cô leo lên mái nhà đóng tấm thiếc tróc nóc lại, bị búa đập giập tay. Chú nghe đau buốt trong lòng như chính chú bị giập tim vậy. Kể từ đó, cách này hay cách khác chú luôn giúp cô Thư, mót nửa tháng lương để ngày nào cũng mua giùm cô cuốn báo, lúc thì tạt qua Trường Cây Bưởi đón bé Mến về. Rồi sửa bộ vạt giường, chở cát về đắp sân, trồng bông trang đỏ, chú làm hết. Một mà vui phùng phùng. Bà con trong hẻm cười thì thà thì thụt, hỏi chú Sa sao không che cái mái ngang hẻm nối hai nhà làm một cho rồi. Chú Sa bảo: “Còn chờ ý người ta”. Cô Thư cười cười hoài, biết tình ý ra làm sao. Nhưng gần đây nhất, sau vụ đóng phim, cô Thư có nói: “Không biết người ta nổi tiếng rồi có còn ghé chỗ em nữa không hen?”. Chú Sa nói liền: “Ghé, ghé chứ, hông ghé chỗ này thì biết đi đâu”.

Chú Sa không ngờ.

Hôm đài truyền hình chiếu bộ phim Chiến tranh, cả hẻm nôn nao. Năm giờ chiếu phim thì bốn rưỡi nhà nào nhà nấy nấu cơm thơm tất rồi. Chú Sa mở ti-vi, bà con kéo lại, chú hồi hộp tới mức không biết ngồi đâu ngay trong nhà mình. Sau đó là tới phim. Hồi đầu mọi người còn khen chú mặc bộ đồ mặc toi đó coi oai thiệt, nhưng rồi sau đó nín bần bật, người ta quên chú Sa ở hẻm Cựa Gà đi, chỉ còn lại thằng Cón ác ôn. Thằng Cón cưỡng hiếp vợ một cán bộ Đảng mình đang mang thai. Tới chừng biết đứa bé kia không phải con mình, hấn xé đứa nhỏ làm hai ngay trên giường đẻ, trước mặt người mẹ, cầm bằng đã giết chị ta. Phim bạo liệt, trần trụi. Thằng Cón chết, nó cũng không chết bình thường như người ta, nó chết trong dần vật. Cái mặt lạnh tanh gớm ghiếc của nó co giật méo xệch, bọt mép sùi sụt. Nó cắn vô mấy thằng lính đứng quanh nó. Điền đại tới lúc bị bắn chết. Mọi người theo dõi thằng Cón chết, vừa hể hả vừa ghê tởm. Đúng lúc một chiếc xe kem đi ngang qua, tiếng chuông lanh lót, con Tí Hoa giật mình khóc thét, chú Sa lấy đường phèn cho, nó còn khóc dữ, nó vùng khỏi chú với cặp mắt kinh hoàng và giấu mặt vô lòng má nó cho tới lúc màn ảnh xuất hiện chữ “sản xuất năm 2000”. Chú Sa thờ phào, mời mọi người uống trà và chuẩn bị ăn cháo gà nhưng hết thấy đã lẳng lẳng ra về. Cô Thư tính ở lại, con Mến cũng lòi về luôn sau khi bỏ lại cho chú cái nhìn căm ghét. Chú Sa chơi với. Sau tiếng khóc của con Tí Hoa, rõ ràng chú đã đánh mất một cái gì đó, lớn lắm, quả tình là không có gì bù đắp được.

Bộ phim thật sự gây tiếng vang. Đám diễn viên chuyên nghiệp dắt xe qua cổng đã gạt đầu chào chú Sa chớ không ghéch mặt lên đứng đa đứng đỉnh đi qua như trước. Nhưng họ chỉ xẹt qua xẹt lại cái cổng chưa đầy mười giây còn chú Sa thì cô đơn suốt buổi. Chú chỉ mong qua bộ phim này chú được sống yên ả, bình dị như cũ. Chú ngán nổi tiếng thiệt rồi. Bây giờ chú thèm được ghé chợ mua mớ cải xanh buộc ghi-đông đạp xe thông dong về hẻm Cựa Gà, ghé qua Trường Cây Bưởi đón con Mến (chú quên chuyện nó đã mua xe mới), tạt lại cô Thư để ngó cô cười. Sau đó chạy qua lối hẻm, qua tụi con nít đang chơi, tụi nó chạy theo xe, chú dừng lại chỗ cây me ông Tư Cự. Vô nhà uống miếng trà, tới chừng nghe mùi chiên xào mới sực nhớ mình cũng đói. Chú thèm đứng trong sân nhà cô Thư cầm cây kéo cắt tia đám bông trang đã đâm tua tua ngọn. ừ, chú chỉ mơ vậy, thèm vậy thôi.

Buổi chiều, chú ghé quầy báo cô Thư hỏi tờ An ninh thế giới dù biết chắc bữa nay tờ đó chưa ra. Trời ụp mưa, chú ngồi lại, buồn tình, than:

- Sao mà ra nông nổi này hả cô? Chuyện đó chỉ là trong phim thôi mà.

Cô Thư thông cảm, an ủi:

- Bà con mình cặn nghĩ, cứ tưởng phim như ngoài đời: Tánh anh em biết, hiền từ chứ đâu có hung ác gì với ai. Mà cũng tại anh, đóng chi mà sắc dữ vậy không biết.

Chú Sa hờn trong bụng, “vậy mà nói hiểu mình”. Tánh chú, đã làm thì phải làm cho tới nơi tới chốn, làm cà lơ phất phơ mà nhận năm triệu bạc của người ta thì lương tâm cắn rứt lắm. Hơn nữa đây là phim chiến tranh, thời chiến tranh biết bao nhiêu thằng ác ôn như vậy, nhiều thằng còn ác hơn, tàn bạo hơn. Chú ngồi giải bày với cô Thư thì hết mưa con Mến về, nó nhìn chú lom lom như muốn bùng chú đi. Chú Sa thấy ngọt ngào quá nên từ giã về. Con Mến vùng vằng:

- Mai một đừng cho ông ghé đây nữa nghe má.

- Trời đất, sao vậy con?

- Con thấy mặt ông là con ghét.

Cô Thư biết là tại bộ phim. Cô kể về chiếc xe đạp, về cái sạp báo khang trang như bây giờ là nhờ chú Sa. Con Mến nguây nguẩy không nghe:

- Thì tui nói vậy đó.

Khi nó cộc cằn chuyển hệ sang “tui” thì cô Thư biết chuyện nghiêm trọng thiệt rồi. Thấy chưa, tiền bạc đâu phải lúc nào cũng xây đắp được tình yêu đâu... Tội nghiệp chú Sa dễ sợ.

Chú Sa vẫn tiếp tục đi về trên con hẻm hẹp te mà nghe trống vắng thênh thang. Tụi con nít nghe tiếng xe đạp chú tè tè lọc cọc thì chắc mâm đĩa nào đĩa nẩy mặt xanh mặt tím chạy vô nhà trốn. Tụi nó hỏi nhau: “ông đi chưa?”, cũng tại má tụi nó nhất hoài, lì lợm, không ăn cơm là bị chú Sa ăn thịt. Rõ ràng là ấn tượng về thằng thiếu úy Cón mạnh mẽ quá sức tưởng tượng, rõ ràng là người ta bị giật mình bởi tội ác. Bà con ngại ngần ác cảm giạt xa chú đã đành, chí cốt như bác Tư Cự còn lánh chú. Chú qua nhà, bác Tư làm bộ day mặt vô tưới bụi hẹ kiểng, tưới hoài, nước chảy rờn rờn tràn ra hàng ba, ngược lên thấy chú Sa đang chỏi chân nhìn:

- Lâu quá ông anh không vô em uống trà?

Bác Tư cười gượng:

- Tui kẹt quá chú ơi - Rồi sợ chú Sa không tin, bác nói thêm - Tui đau bao tử.

Chú Sa gật đầu rồi đạp xe đi, buồn là buồn bác Tư không tin chú chứ không giận. Ai chớ chú Sa thì rành chuyện bác Tư. Quê bác ở Bình Hưng, coi phim chiến tranh quên sao được cảnh con gái đầu của bác bị thằng Nguyễn Lạc Hóa ở biệt khu Hải

Yến moi gan, ăn thịt ngay trước mặt bác. Cũng như trong phim, cầm bằng tan nát hết lòng cha. Mà thằng Hóa ác ôn đó sao mà y chang thằng Cón ác ôn trong phim, thằng Cón mà chú Sa đóng.

Chú Sa thấy đây đúng là một tai nạn, có điều nó hành hạ chú lâu quá, không biết tới chừng nào mới thôi. Chú ti tê than với ông đạo diễn, ông cười: “Mình hy sinh cho nghệ thuật mà”. Chú quạu: “Nghệ thuật con mẹ gì, vì năm triệu đó chứ”. Làm ra đồng tiền chân chính đúng là đồ mờ hôi, sôi con mắt, mất mát tình thâm.

Chuyện đâu có gì nhưng mấy hôm sau cô Thư chặn xe biểu chú Sa ghé lại, chìa tờ báo trước mặt chú, nét mặt giận hờn. Lật ra, mục “Chuyện vui điện ảnh” đúng là nói chuyện của chú than với Long Xưởng. Báo còn sáng tác thêm chuyện chú bị chọi đá u đầu. Chú Sa nghĩ tới nước đó thì chết còn sướng hơn. Cô Thư dần dỗi: “Anh nói thiệt đi, vui lắm sao, vui lắm à?”. Chú Sa định phân trần thì chợt thấy cô Thư rơi nước mắt. Cô đã từng kêu chú ráng chờ cho bộ phim đó nguôi đi, phai đi, chắc bà con cũng quên mất đất chớ nhớ làm gì. Nhưng lòng cô lung lay, biết con Mén có quên được không, biết nó lớn nó có hiểu tấm lòng của má nó? Hay là tới chừng nó quên được rồi thì cô với chú Sa hai người đã chống hai cây gậy, móm mém hết, nói làm chi chuyện chung đôi. Những buổi tối, con Mén đi học Anh văn, cô Thư bắc cái ghế ngồi cửa trước, chú Sa bắc cái ghế ngồi cửa trước, giả bộ nhìn trời nhìn đất. Cô Thư thương con, sợ nó buồn. Và chú Sa thương cô, sợ cô buồn. Đúng là “cách nhau một tắc, dài thêm khúc lòng”. Chung quy căn nguồn cũng tại chiến tranh hết, dù chiến tranh đã trôi qua mấy chục năm rồi.

Cũng may mà còn giọt nước mắt buồn tủi của cô Thư vì bị bộ phim mắc dịch đó ngăn trở, còn cái bóng cô ngồi cửa trước để nhớ nhau. Còn cặp mắt bản thân của ông Tư Cự khi chú Sa một mình qua ngõ, còn những ký ức ngọt ngào về tình cảm giữa chú với bà con... Chú Sa đã bắt đầu thấy niềm vui cháy le lói trở lại.

Hằng đêm, chú Sa đốt nhang van vái hương hồn ba má chú, van vái đất trời cho gián nhảm, chuột cắn bộ phim đó hoặc giá nó sẽ mọc meo trong kho lưu trữ đi cho rồi để mỗi dịp lễ lạt khỏi bị lấy ra chiếu đi chiếu lại, phiền lòng giữa buổi vàng thau...

Truyện ngắn: CUỐI MÙA NHAN SẮC

Ông già Chín nói nghề bán vé số của ông thấy vậy mà có ý nghĩa ghê lắm, vì đem lại hy vọng cho người ta, vì đem lại sự giàu có cho người ta (nếu trúng số). Và nghề này có ý nghĩa nhất là trên những dặm đường phiêu bạt, ông tìm được cô đào Hồng.

Ông già Chín đi theo gánh chè của đào Hồng qua ba con đường. Già rồi, mắt mũi kèm nhèm, bốn mươi sáu năm, dễ dầu gì mà nhận ra nhau. Lòng cứ nghĩ, hình như lâu lắm rất quen nhau, nhất là cái giọng rao chè như hát, từ đôi môi đã héo queo cất lên, cong vút, ngọt ngào mà nghe mịn màng từng âm từng chữ. Ông Chín bàng hoàng nhận ra đào Hồng dù nhan sắc ngày xưa của bà không còn nữa, mặt nhăn nhúm, nám đen, cái cổ cao ngày trước bây giờ gần như đổ gục vì gánh cái gánh tâm tư mà cuộc đời chồng chất. Ông kêu hai tiếng: “Cô Hồng!” mà nước mắt rớt cái độp. Ông Chín nắm tay bà, biểu đi với ông, hỏi đi đâu, ông nói, về nhà Buổi chiều. Bà nói để bà lấy chút đồ, ông bảo khỏi, thì cuộc đời bà còn gia sản nào ngoài gánh chè oằn nặng trên vai, một cái chòi lá rách te tua cất trên ao bèo cuối hẻm.

Nhà Buổi chiều nằm ở tận cùng con hẻm Cây còng. Hẻm cụt. Nhà toàn người già, là chỗ trú ngụ cho những nghệ sĩ cải lương, nghệ sĩ hát bội một thời vang bóng. Tính ra, chỉ có ông già Chín Vũ là vô danh tiểu tốt. Nhưng ông là một trong những người sáng lập ra nhà Buổi chiều, tự ông còn đặt tên cho nó. Hỏi sao không gọi là Hoàng hôn hay Chạng vạng gì đại loại vậy, ông bảo, buổi chiều còn nắng, người nghệ sĩ còn có ý nghĩa sống trên đời. Nhà Buổi chiều nghèo, chi phí dựa vào kinh phí từ trên quận, từ lòng hảo tâm của bà con gần xa, cơm bữa nhiều ơ là nhiều rau mà ít xịu thịt. Vậy mà ai nấy đều vui, bởi cuộc sống trước đây của họ còn nghèo hơn, nghèo không thể tả, nghèo rớt mòng tơi. Người ở chùa, người bán vé số, người ngủ công viên, người hát rong, ít ai có nhà để về. Sum họp ở Buổi chiều, có khổ một tí mà còn được hát. Nghệ sĩ mà, miễn được hát, miễn hát mà có người nghe là sướng rồi.

Để kiếm chút đỉnh tiền phụ thêm thịt cá cho bữa ăn, ông già Chín đi bán vé số, vừa có tiền vừa tìm tung tích của anh chị em đang còn lưu lạc. Đào Hồng lại gánh chè đi tận hang cùng ngõ ngách. Thấy mọi người ái ngại, đào Hồng bảo: “Cứ để em làm, em với anh Chín còn trẻ, còn sức khỏe...” Nói trẻ là trẻ ở trong nhà Buổi Chiều chứ ông Chín Vũ đã bảy mươi, đào Hồng cũng sáu mươi bốn. Buổi sáng, ông Chín gánh gánh chè đưa đào Hồng ra đầu hẻm, dừng dưới gốc cây còng già cóc già kiết, già tới mức nó hồng thềm trở hoa nữa. Ông già trao đòn gánh lại cho bà, rồi đứng tần ngần nhìn bóng bà xa dần trên đại lộ, tiếng rao chè buổi sớm nghe ngọt lịm, vút cao. Sau lưng bà, còn thấy mấy tờ giấy gói bánh mì ố màu nước cà bay xà quần trên đường rồi sẵn gió đi tao tác. Ông già tạt vô quán cà phê chú Tư Bụng, kêu: “Mấy đứa bung cho tao năm trăm đồng trà nóng coi”. Có người hỏi, sao bữa nay không uống cà phê. ông Chín Vũ cười cười, lắc đầu, cười tiếp với cái vẻ không muốn nói mà thêm nói quá trời đi:

- Để dành tiền mua cho cổ chai dầu thơm.

Ông già trịnh trọng thì thào. Cả quán rộ lên cười:

- Già mà còn yêu.

- Mặc yêu thì yêu - ông già cự lại, vẻ mặt sừng sừng không giận gì ai - Bây thì biết gì, tình xưa đó, mà mình thương người ta mà người ta đâu có thương mình.

Cạn bình trà, ông già dần tờ giấy bạc năm trăm dưới đáy ly đứng lên xếp ghế lại ngay ngắn, từ tốn rút trong túi ra xấp vé số dày, trước khi đi ông quay đầu lại:

- Tối nay lại chỗ tao coi cải lương, nghe bây.

- Tối nay tuồng gì, chú Chín?

- Lữ Bố hí Điêu Thuyền.

- Í tuồng đó hát rồi. Hát Nửa đời hương phấn đi.

- Bây nói sao tao chiều vậy, mà tuồng đó tao có nhớ miếng nào đâu.

- Chú cần gì nhớ, chú toàn đóng vai quân sĩ với người hầu không à. Có hát hò gì đâu.

Ông già cười khà khà, quay đi, cái lưng cong cong gù gù từ từ mịt mù.

Người trong hẻm không ai làm nghề viết văn nhưng đã biết mình nhớ cái gì khi đi xa nó, nhiều lắm, nhiều không thể kể, nhưng trong đó, chắc chắn nhớ tiếng hát là đà tỏa ra từ nhà Buổi chiều.

Những con người tính từng ngày qua để lắt lay thêm một tuổi nữa, vậy mà hát coi cũng ngon lành. Sân khấu là cái hàng ba trông ra sân rộng, luống nào trồng bông sao nhái, bông mười giờ thì trồng, chỗ trống giành cho bà con ngồi. Dàn đờn gồm cây ghi ta thùng, cây nhị cũ mè. Không micrô, nghệ sĩ ca bằng giọng của trời cho, nghiệp dĩ. Đào Phi tám mươi chín tuổi, đứng không nổi, diễn vai gì cũng ngồi trên ghế, ngồi trên ghế mà lấy roi sải ngựa coi lạ hết biết. Có bữa bà lỡ ca rớt nhịp, ngồi than: “Kiểu này chắc tui sống hồng thọ quá”. Bà con trong hẻm cười cái rần, “sống tới cỡ đó còn than hồng thọ nổi gì”. Ông già Chín không biết hát hò gì, chạy đi chạy lại, lúc thì nhắc cái ghế cho đào Phi, lúc thì trèo lên thay cái đèn đứt bóng tối thui, kêu quân sĩ đâu thì ông dạ, chỉ khi đào Hồng hát, ông mới ngồi nép vào đám bông lồng đèn nào đó lặng người đi, thấy đào Hồng nhớ đào Hồng, thấy đó mà nhớ đó.

Ông già Chín Vũ biết đào Hồng từ năm bà mới hai mươi mốt tuổi. Bây giờ hỏi gia cảnh ông ngày trước như thế nào, ông chỉ cười, không nói. Nụ cười nhẹ nhàng trôi trôi, chừng như ông không luyện tiếc gì. Nghe nói, hồi đó, nhà ông giàu có khét tiếng xứ Bạc Liêu. Ông là cháu nội đích tôn của hội đồng Nguyên. Từ nhỏ, gia tộc đã dành sẵn cho ông một cuộc sống no đủ, giàu sang mà không phải làm gì, cả nhà chiều chuộng. Được cái là ông hào sảng, rộng rãi thương người từ tấm bé. Bữa cúng đình ông mời gánh hát Sài Gòn về hát chơi. Ông thương đào Hồng từ cái giây phút đầu tiên. Người đâu mà đẹp quá chừng, đẹp tới đứng tim người ta. Đào Hồng chưa uống cạn ly trà ông đã hỏi thẳng, không cưỡng lòng được: “Vậy chứ cô Hồng có muốn lấy chồng chưa?”. Đào Hồng cười: “Tôi đã nguyện với Tổ cả đời theo nghiệp hát”. Chín Vũ nghe vậy, thôi không nói nữa, nhưng về mặt suy tính dữ lắm. Hôm sau, khi gánh Kim Tiêu trở lại Sài Gòn, có ông công tử bỏ nhà, bỏ phú quý đi theo. Không biết hát hò, tướng mạo cục mịch, nhỏ con, ông không được lên sân khấu. Kêu quân sĩ thì ông dạ, kêu “bây đâu” ông cũng dạ, tối ngày lui hụi kéo màn, dựng cảnh. Ăn cơm quán, ngủ sàn diễn. Cực mấy cũng chịu, miễn là ngày ngày được nhìn thấy đào Hồng đi ra đi vô, đào Hồng hát. Ông vẫn thường khi khịt bảo rằng mình bị Tổ nhập, ba ông hoàng tử Càn, Chơn, Chất đó, cũng vì đam mê nghệ thuật sân khấu mà bỏ cung son, trốn tránh triều đình, cuối cùng chết trên cây vông nem đó, thấy chưa. Có người cười, thằng Vũ bị tình nhập chớ Tổ gì nhập vô nó nổi. Nghĩ lại, tỷ dụ có cái gọi là kiếp trước, hử kiếp trước ông Chín nợ bà Hồng cái gì đó, lớn lắm, nên kiếp này, ông trả hoàn, trả không hết.

Ông Chín đã cùng đào Hồng đi qua những năm tháng cơ cực, đắng cay. Đào Hồng có thai, ông bầu dọa đuổi, ông Chín đứng ra năn nỉ, biểu: “Em lỡ đại...”. Ông bầu hỏi: “Của mày à?”. Ông Chín cười: “Dạ, của em chớ của ai”. “Chắc không?”. Ông bầu chắc mà lòng buồn rười, đâu phải đứa nhỏ trong bụng đào Hồng là của ông. Ông biết ba đứa nhỏ là ai nhưng không tiện nói. Vì đào Hồng bảo: “Có biết, xin anh Chín cũng đừng nói, tội nghiệp, ảnh còn nhiệm vụ, còn công việc quan trọng phải làm”. Cô hẳn yêu người ta lắm, nên một mực bảo vệ cho người ta. Sau này, con đào Hồng một tay ông giữ, ông bông. Ông dạy nó kêu ông bằng ba, đào Hồng nhìn ông rơi nước mắt. Đó là sự biểu lộ tấm thịnh tình đầu tiên mà đào Hồng dành cho ông suốt hai năm đi theo đoàn Kim Tiêu.

Không khí Sài Gòn bắt đầu khô đặc mùi chiến tranh, buổi sáng, ngồi quán uống cà phê mà toàn nghe sặc sụa từ đám quân cảnh mùi thuốc súng. Cũng một buổi sáng, ông Chín bị cảnh sát gô cổ trói đem đi. Cái thời sao mà bất công, tai bay vạ gió, quân cảnh thấy buồn bắt người chơi cho vui vậy. Tội nó nghe có người tố cáo đoàn Kim Tiêu có Việt Cộng nằm vùng, coi đi coi lại không thấy ai có lý do vô đoàn lạ

như ông. Tụi nó hỏi: “Vậy đang sống giàu có đi theo đoàn làm gì?”. Ông mắc cười thiếu điều nhả nước dãi, cái tụi này, mình nói mình lưu lạc tại vì mình thương đào Hồng chắc gì tụi nó tin, tụi nó có biết tình người là gì đâu. Mười ngày sau, ông được thả. Chỉ mười ngày thôi nhưng phải đợi đến nửa đời sau ông mới gặp lại đào Hồng.

Gánh hát rã nhanh, đào Hồng không đợi ông về. Nghe bà con bán đậu phộng, thuốc lá trong rạp kể lại, kếp Thường Khanh bị quân cảnh bắt, đào Hồng ôm con bỏ trốn, ở lại, chỉ sợ vướng cô rồi lòng người cô yêu lung lạc. Ông Chín quay quắt đi tìm, mà người thì tản lạc đâu đâu. Nhiều lúc ông Chín tự hỏi, làm sao đào Hồng có thể sống nổi đến từng ấy năm mà không có ông đỡ đần một vai gánh mồi.

Sau này, về nhà Buổi chiều, có đêm trăng sáng, ngồi bên rổ khoai lang luộc, đào Hồng có kể chuyện mình. Mọi người chung quanh đều sụi sụi, sao mà hoàn cảnh của nó y hệt mình vậy cà, hồng lẽ đời đào hát là phải vậy. Có người không lấy chồng cho thỏa nghiệp, có người như đào Hồng có con rồi, vì mê hát, vì chiến tranh mà gởi con cho người ta, đến nước nó không thềm nhìn mình nữa. Ông Chín Vũ ngồi rầu rầu, hậm hực. “Biết vậy hồi đó tui bóp mũi nó cho rồi”. Đào Hồng bảo: “Anh Chín đừng nói vậy em thương nó không hết chớ có trách nó bao giờ. Có lúc em nghĩ, con nó có nhìn em cũng không chịu, mình nghèo quá làm gì lo cho nó nổi hả anh?” Bà không bao giờ nhắc tới Thường Khanh như chưa từng quen biết con người đó trong cuộc đời. Nhưng những nỗi nhớ niềm thương chắc còn day dứt trong lòng làm cho bà quắt queo, tàn héo. Ông Chín giật mình, cái nhan sắc ngày xưa đã đi đâu mất biệt rồi, rồi tự nhủ lòng, mình nhớ cổ đầu chi vì nhan sắc, vậy thì thắc mắc, đau lòng làm chi.

Đào Hồng là người duy nhất trong mấy chị em ở nhà Buổi chiều không bao giờ lên sân khấu mà chưa hóa trang, chưa son phấn. Những ngày mới về đây, biểu bà hát, bà lắc đầu. Ai tra gạn, bà không nói, bảy chị em ai cũng nghèo, có người có son phấn cũng không dám hỏi. Ông già Chín đi theo hỏi hoài, bà nói thiệt. Ông đập con heo đất, đi chợ mua cho bà thổi son với hộp phấn bông mai. Xong còn kêu cô bán hàng gói lại, chít bông cho cẩn thận. Bà cảm động, nhưng về mặt buồn hiu, “Anh tốt với tôi chi mà tốt hoài vậy?”, làm cho ông Chín cũng buồn. Ông nghĩ: “Mình sống làm gì tới từng tuổi này mà không hiểu được nhau, Hồng ơi là Hồng”.

Trách thì oan, lắm khi ông cũng đâu hiểu được bà. Hồng vẫn thường soi cái gương cũ viền đồng có cán để cầm, mặt gương đã ố lấm tẩm. Ông Chín thấy thương lắm, ông lén mua về tráo gương mới vào chỗ bệ cửa sổ rồi lấy cái cũ cất đi. Bà biết ngay là ông, bà giận lắm, mặt lạnh tanh: “Anh tài khôn làm gì, tui đâu có cần

gương mới”. Ông cố cãi: “Nhưng cái cũ nó mờ lắm...”. “Mờ mờ tui mới thích”, bà nạt ngang. Không biết tại sao bà lại có ý thích kỳ cục vậy.

Lần đó, ông già Chín buồn, buổi chiều thôi không còn đón bà ở đầu hẻm để gánh giúp gánh chè về nhà, mà ông vẫn thường nói, dù ngần, ông cũng muốn đỡ đàn cho bà một đoạn đời. Ông biết bà còn chờ một cái gì đó, mơ hồ lắm, tiếc là bà không tâm sự với ông. Nghĩ cho cạn, bây giờ đào Hồng cũng như ngày xưa thôi, người ta có khác gì đâu mà mình giận. Sống khép kín, ít nói, ít cười, ít biểu lộ nỗi lòng lên mặt. Chỉ trên sân khấu, đào Hồng mới thỏa thuê khóc, thỏa thuê cười, mà cười sang sảng như Thái hậu Dương Vân Nga vậy nhen. Cái cười mở lòng mở dạ người ta ra.

Cái bữa cả nhà Buổi chiều được xe hơi đón đi giỗ Tổ ở nhà hát thành phố, ông Chín giữ nhà. Hôm đó có ông già lại tìm đào Hồng. Ông già tóc trắng như mây, dáng thong thả, chậm rãi, cốt cách sang trọng thấy mà ham. Ông Chín hỏi ông già kia quen sao với đào Hồng, nghe trả lời cũng như không: “Tôi với cô là người quen cũ. Không biết ngày xưa ông đã từng quen biết đào Hồng? Có à? Ừ, thì tôi hỏi ông nè, cái nhan sắc đó làm sao mà người ta quên được, ha? Vừa rồi tôi đọc báo, thấy người ta viết về nhà Buổi chiều, tôi mừng như vừa sống dậy, thể nào cũng gặp được cố nhân”. Ông Chín ngồi tần ngần, day day cái chung trà trên tay, lòng bối rối nên nói chuyện trớ he: Ừ, tui tui thấy vậy mà được lên báo hoài thôi” Đến lúc khách từ giã về, ông Chín cũng không có biểu hiện gì là mình đã nhận ra người quen cũ. Thường Khanh đã già đi (ai mà chẳng vậy) nhưng cái phong thái tao nhã ung dung vẫn như ngày xưa. Sương gió cuộc đời không làm gì được ông khi ông đã sống khác cuộc sống của những người nghệ sĩ ở đây, một cuộc sống không chia ly, khổ đau, dằn vặt. Ông Chín chờ hoài, sao không nghe ông Khanh nhắc tới chuyện ngày xưa ông và Hồng từng có một đứa con, người ta dễ quên vậy sao?

Khách chờ không được, từ giã về rồi, ông Chín ngồi chèm bẹp ngoài cửa rào, nghĩ, rồi mình sẽ mất cô Hồng một lần nữa, từng tuổi này còn để mất nhau mà coi được sao. Ông tự nhủ lòng, thôi, bà Hồng về ông không thêm nói lại đâu.

Không nói nhưng thêm nói, lương tâm biểu phải nói, ông Chín bảo: “Không biết cô Hồng còn nhớ Thường Khanh, ảnh mới lại đây kiếm cô”. Đào Hồng vừa xỏ mái tóc cồi cần xơ xác ra, lặng người, tay cầm rung rung cái đầu tóc mượn. Lâu lắm, bà mới lơ lảo ngó lên, đôi mắt ráo khô “tôi đi giặt bộ đồ”. Ra tới lu nước bà tựa người vào đó, mặt soi xuống nước bật khóc. Ước gì nước đừng trong như vậy để khỏi phải hiện lên một nhan sắc tàn phai. Không nhìn đằng sau mình nhưng bà biết, ông Chín đang chạy theo nhìn mình, bà nói khẽ: “Mai người ta tới đừng nói tôi ở đây

nghen, tôi... tôi không muốn gặp”. Ông Chín đứng đó, trong lòng vừa mừng (tại cô Hồng không muốn gặp chứ không phải tại tôi ích kỷ à ghen) vừa thất thểu thương bà, ông bảo: “Không tránh được hoài đâu, cô à, mà có gì phải tránh né nhau, người ta, sống ở đời cốt là ở tấm lòng”.

Tránh làm sao được khi kịch bản cuộc đời đã bày ra một cảnh gặp nhau. Ông Khanh gặp bà Hồng ở đầu hẻm, lúc trời chạng vạng, khi bà quang gánh trở về. Nhìn thấy ông, bà mỉm cười, giở nón, bà hỏi: “Nghe nói ông tìm tôi?” Ông Khanh đứng chết lặng, ngẩn người ra, lòng ông đau đớn. Đó không phải là cái nhan sắc mà ông nhớ thương, chờ đợi. Không phải đào Hồng, dứt khoát không phải đào Hồng mà ông đã ôm trong tay ấp trong lòng, đã từng che chở, bao bọc cho ông những ngày xưa cũ.

Có những vẻ đẹp không phải ai cũng nhìn thấy được. Ông Chín nói với bà Hồng như vậy, ông biểu bà đừng buồn, bà cười bảo: “Tôi có buồn gì đâu”, nhưng nước mắt bà nhỏ xuống trong khe. Người ở hẻm Cây còng không thấy ông già sang trọng đi xe hơi tìm vào nhà Buổi chiều nữa.

Bắt đầu những cơn mưa mùa ràn rạt trên mái nhà, đập âm âm vào hai bên vách đóng bằng thiếc cũ. Không thấy bà Hồng gánh chè ra ngõ, không còn nghe tiếng rao ngọt ngào thánh thót mà buồn thiệt là buồn của bà, cũng không thấy ông già Chín Vũ ghé quán chú Tư Bụng uống năm trăm đồng nước trà.

Đào Hồng bệnh nặng. Ông Chín thất lòng khi biết trong người bà nhiều bệnh như vậy. Bà như trái bầu khô chỉ còn nhờ vào chút chờ đợi mỏng manh của tình yêu thời son trẻ làm cái vỏ cứng cáp ở bên ngoài. Rồi cũng từ ngày sự thất vọng xui cái vỏ thấm mưa nắng mục ruỗng đi. Bà nhắc tới cái chết hoài, đào Phi nạt, “tao sống tới từng tuổi này mà còn không chết, bây mà chết chóc gì”; Rằm tháng ba, như thường lệ là cử hát của nhà Buổi chiều. Đào Hồng ồm sát chiếu nhưng vẫn đòi ra hát. Ông Chín vẽ chân mày, tô phấn thoa son cho bà rồi dìu bà ra ghế. Bà ngồi ghé mà hát. Bà hát cho Thái hậu Dương Vân Nga trước ngổn ngang nợ nước tình nhà, hát cho nàng Quỳnh Nga bên cầu dệt lụa, cho nàng Thoại Khanh hiếu thảo róc thịt nuôi mẹ chồng, cho nàng Châu Long tảo tần nuôi Dương Lễ, Lưu Bình ăn học và cho Tô Thị trông chồng hóa đá vọng phu...

Đào Hồng hát đến lịm tiếng đi. Bà ngồi trên sân khấu gục đầu. Cái gánh nặng tâm tư này, không mang nổi nữa rồi. Khi ông Chín dìu bà xuống giường, bà đã hôn mê. Người ta hát vỡ cuối cho bà, cho một người nghệ sĩ chân chính. Đào Hồng đã gặp lại rất nhiều người thân thuộc cũ, bà nghe con trai bà gọi má, nghe ba má bà nói lên

lời tha thứ vì đứa con gái đã bỏ nhà theo nghiệp xướng ca, lời tha thứ bà chờ đợi ngót năm mươi năm ròng rã. Bà sung sướng trở về nhà thơ ấu, đi bắt chuồn chuồn đậu trên hàng bông bụt, cạnh mé mương...

Bông trang rụng ngoài sân.

... Có lần, ghé quán cà phê chú Tư Bụng, tôi quen với ông Chín Vũ. Ông Chín người gầy nhom, nhỏ thó, nhưng tốt bụng, xởi lởi. Ông nói với tôi rằng bỏ cả đời đi theo đoàn hát cũng không uổng, bởi vì đời ông thực có ý nghĩa. Lần đầu tiên ông đóng được vai chính, người ta hỏi vai gì, ông bảo vai con của đào Hồng, phút lâm chung của người đàn bà suốt đời ông yêu thương, ông gọi: “Má ơi!” và thấy bà mỉm cười. Chỉ vậy thôi à.. Ừ chỉ vậy thôi. Nhưng tụi trẻ bây thì biết gì chuyện tình cảm của người lớn...

Ngôi nhà Buổi chiều dành cho những người ở cuối mùa duyên sắc. Ở đó có một ông già nói rằng “...tụi trẻ bây thì biết gì chuyện tình cảm của người lớn...”

Truyện ngắn: DÒNG NHỚ

Sáng nay, má tôi lại ra đứng tần ngần ở chợ Ba Bẩy Chín, nghiêng nghiêng ngó ngó một hồi, biểu con nhỏ chèo đò chèo dài dài chợ nổi. Chợ rao bán rau trái dậy động cả một khúc sông, má tôi thấy ghe nào cũng lần xuống lại, dòm mặt chủ rồi đi. Con nhỏ chèo đò chắc là chèo mới, nó biết bà già định đi đâu, định làm cái gì nên nó biểu:

- Hồng hỏi thăm thì vô phương kiếm ra, ngoại ơi.

Má tôi ngần ngợ. Hỏi chớ, chú ơi, thím ơi, tôi muốn hỏi thăm một người quen. Tên gì? Ghe bán gì? Hai Giang. Ghe bán hàng bông. Trời đất, ở xứ này có tí tí ghe bán bán hàng bông, cũng có biết bao nhiêu người tên Giang, vậy tương tá người đó ra làm sao? Bây giờ đâu có biết ra làm sao, gặp được một lần mười sáu năm trước, nhớ sao tả vậy nghen. Đàn bà, chừng sáu mươi, trạc tuổi tôi, tóc dài, da ngăm ngăm, không đẹp không xấu. Mới đầu đi với chồng, sau chồng bỏ lên bờ vì cơ cực quá trời, hồi trẻ có đứa con gái đầu lòng chừng bảy tháng tuổi thì rớt xuống sông chết.

Vậy thì đông lắm, người sống trên chợ này hể mười thì có năm người y chang hoàn cảnh vậy, dân Ba Bẩy Chín mà, “ba chìm, bảy nổi, chín lênh đênh”, chị hồng nghe sao?

Má tôi chẳng hăng:

- Vậy?

- Ủ, người đó quen sao mà tìm coi bộ cực dữ?

- Quen. Chà, hồng biết nói sao bây giờ, dài dòng lắm, vợ của chồng tôi.

Nếu vậy thì dài dòng thiệt, chuyện tình tay ba mà phim dính vô chuyện này cũng năm bảy tập trở lên, còn cải lương lâm ly không biết bao nhiêu là nước mắt.

Má tôi cũng khóc nhiều rồi.

Má tôi nói hoài, ba mươi tám năm bà về làm dâu nhà chồng, cực có, sướng có, chưa bao giờ nội tôi khát khe, nhỏ nhặt, khó chịu với dâu, nhưng má tôi vẫn hận nội tới chết mới thôi. Hỏi sao kỳ vậy, má tôi kéo chéo khăn lên chậm chậm vô đôi mắt, “Bộ hết người rồi sao mà nội bây cưới tao cho ông, đó, bà chỉ tay ra bên, gần hết đời rồi tao có được vui đâu”.

Đó là lúc “ông”, tức ba tôi chống cây gậy khật khùng lang thang xuống bến. Ông dừng lại chỗ mấy cây tra, lấy tay rờ rẫm, sẫm soi từng cái lá, cái bông như tay bắt mặt mừng thằng bạn lâu năm mới gặp. Rồi ông lần ra tới đầu bến, đứng dưới hàng nầm già ngày xưa ông trông để giữ đất cho khỏi lở, để mặc cho mấy cái hoa nắng vàng xơ rơ đậu xuống cái đầu húi cua, bạc trắng của mình, ông già thao thiết nhìn ra sông. Chỉ vậy thôi rồi khật khùng quay lên, cái chân trái yếu ớt như tựa hẳn vô cây gậy, cứ mỗi lần chân bước, đầu gậy lại xoáy sâu vô đất một lỗ tròn tròn.

Cảnh thì quen lắm, thì ngày nào, buổi nào ba tôi chẳng làm vậy nhưng cứ tùm cả nhà lại, rồi ngồi lặng lẽ dòm, ai cũng nghe đau đau xót xót như ai lấy cật tre cửa tới cửa lui trong lòng. Bởi cái lúc này là lúc sum họp đây, vậy mà sao vẫn thấy thiếu một người, mà thiếu đúng cái người đang lưng thưng đi dưới nắng kia mới chết.

Sau đợt tai biến mạch máu não lần thứ nhất, nửa người bên trái ba tôi yếu hẳn đi, tưởng chỉ vậy thôi, đến lần thứ hai bỗng dung tâm trí ông già nhớ quên, ít nói, lần tha lần thẩn. Nhưng còn sống, còn tự mình đi đứng được là may lắm rồi, ai cũng nói vậy. Lúc đó cả nhà đang ở chợ, ba tôi càng lúc càng buồn, hay chống gậy đi, mấy lần cả nhà bỏ tiệm may đi kiếm ông tử phở. Sau này chỉ cần một mình tôi, vắng ông, tôi chạy xe dọc theo con đường về vườn cũ là gặp. Thấy tôi, ông già khựng lại, không nói gì, nhưng cặp mắt khẩn cầu, da diết, tôi làm như không biết, cầm gậy, đỡ ông lên xe chở về, có lần, ba tôi khóc, ông khóc rưng rức, nước mắt nước mũi nhều nhão, lòng thông.

Sau lần ấy, cả nhà quyết định đưa ông về sống trong vườn nhà nội. Vườn bỏ lâu nay, nhưng nhờ cô dựng Ba ở kế bên nhà trồng trọt, trông coi nên chỉ cần dựng căn nhà lên là ở được. Chuyện cắt cử người ở lại với ba tôi thì khỏi phải bàn bởi chừng nào mà má tôi bỏ ông được, “làm gì làm má cũng phải giữ ba”, tôi đùa. Má tôi xua tay:

- Ông còn nguyên đó chớ có đi đâu, trước không mất giờ còn sợ mất mát gì nữa, mà, giọng má chột cay đắng, hồi đó giờ ông có phải của tao đâu mà giữ.

Ba tôi là người của sông. Không phải ông nhớ vườn xưa mà chống gậy về, ông nhớ sông, một ngày ba bốn lượt lội thủy chống gậy ra bến, đôi mắt như đang nhìn da diết, mà không biết nhìn ai, chỉ thấy mông mênh vậy thôi. Chờ vợ, cô độc. Tựa như ông đang ở đây nhưng tâm hồn ông, trái tim ông, tấm lòng ông chảy tan vào dòng nước tự lâu rồi.

Và cũng y như má tôi, ba cũng không sống được mấy ngày vui, vui thật, vui đúng nghĩa. Hồi tôi còn nhỏ, còn sống chung với bà nội, đêm đêm cả nhà đi ngủ, ba tôi ngồi hút thuốc trên bộ vạc kê trước nhà, chống rèm lên, ngó ra sông. Kiểu ngồi một chân xếp bằng, chân kia dựng lên, rồi tì cái tay cầm điếu thuốc lên cái đầu gối, đêm này qua đêm khác, kiểu ngồi không đổi. Nửa đêm, má tôi đi ém mừng lại, tôi thức giấc, ngó ra chỉ thấy đóm lửa lập lòe, lúc đỏ rực, lúc lại tắt thiu thiu. Má tôi ngồi trong mùng lạng lẽ nhìn ba, còn ba thì nhìn ra sông. Sông cách nhà một cái bến dài chẻ ngang đám dừa nước. Nếu không vướng tầm mắt vào đám ô rô mọc lờm chờm từ mé lá lên, không vướng mấy bụi ráng, bụi lúc dại có thể thấy lồng lộng một khúc sông. Đêm sáng trăng, ngồi trên nhà có thể thấy một dòng chảy lú lú, sáng loáng. Ban đêm, con sông trước nhà tôi không ngủ, nó thức theo những chiếc tàu rầm rì trảy qua, theo tiếng mái chèo quẩy chách bụp rất đều. Dài từ ngã ba Vàm đến đây, nước chảy êm, khuất gió, những chiếc ghe đi đêm hay đậu lại, nghỉ ngơi. Lâu lâu, có chiếc ghe hàng bông lạng lẽ neo lại ngoài bến nhà tôi, treo ngọn đèn chong lên cây đước chơm chờm những cái nhánh con, mỗi nhánh lủng lẳng trái khóm, trái bầu dầm nắng mưa đã teo héo. Không thấy bóng người, chỉ nghe tiếng gàu tát nước cọ vô xuống xao xác. Hừng đông chạy xuống bến thì ghe đã đi rồi. Những đêm đó, ba tôi hút thuốc dừ, cứ nhìn chong chong ra ngọn đèn đỏ ối, nhỏ nhoi, buồn hiu ngoài kia. Ba tôi thở dài. Má tôi thở dài, chạy qua buồng bên khóc với bà nội tôi, không biết nói cái gì, chỉ nghe lỏm borm, tiếng nội lầu bầu, “vậy ra má đã làm sai cái gì?” và má tôi tuyệt vọng “Kiểu này biết chừng nào ảnh mới quên chuyện xưa hả má?”.

Ngày xưa ba tôi cũng yêu thương một người. Tự ba tôi chọn. Nội tôi dứt khoát không chịu (nội có tí tí lý do, nhưng cái lý do lớn nhất là người phụ nữ đó đã có một đời chồng), ba tôi mới dắt díu người ta bỏ nhà đi, sống kiếp thương hồ. Hai người trải qua biết bao nhiêu cơ cực, nào là gặt mướn, làm cỏ lúa, đắp bờ ... mới có được một ít vốn, ba tôi sắm cái máy Koler xuống rẫy bán hàng bông. Họ sống nghèo lắm. Mỗi lần đi ghe đi ngang qua nhà, ba tôi khắc khoải ngó lên, vừa nhớ, vừa đau vì cái nội. Rồi hai người có với nhau đứa con, nhưng chị bạc mệnh chết đuối, tận cùng đau khổ, ba tôi bỏ về nhà, được về, ba tôi cũng phải đáp ứng vài điều kiện của nội, vậy là ba tôi bỏ người ta giữa dòng bơ vơ. Tôi biết được có bao nhiêu đó thôi, kể ra cũng mấy dòng vậy thôi. Mà, cũng phải đợi tới năm mười lăm tuổi, cả nhà mới cho tôi biết. Tôi bật ngửa, chuyện xảy ra lâu rồi, nhưng người ta vẫn còn nhớ, vẫn còn cấm sào trước bên nhớ ba tôi, vậy mà biểu ba tôi quên cái rụp thì làm sao quên được.

Mà, cũng vì ba tôi quên không được má tôi mới thương ông nhiều, sau này, lớn lên, biết yêu thương rồi, tôi mới ngộ ra. Con người ta, nhất là đàn ông thương ai mà vì nỗi gì đó quay lưng lại quên mất tiêu thì đúng là không tử tế, không đáng tin chút nào. Với tôi, ba tôi thì quên hay không cũng được, ba đã sống tốt với cả nhà tôi lắm rồi. Ông sống tử tế đến vô cùng, đến thừa, dường như ông gói gắm tình thương yêu đến cả những người vắng mặt. Ông ít nói, hiền lành, từ tốn với má tôi, những lần má tôi bệnh, ba chèo một hơi mười mấy cây số vừa đi vừa về đưa má tôi ra trạm xá, không than mệt, không thở ra, tận tụy. Lúc nào cũng mình mình tôi tôi, mấy bà hàng xóm nghe tủi cho mình mà khóc, má tôi cũng òa khóc theo, cảnh mỗi người tự người đó biết, người ta hay đứng núi này trông núi nọ vậy mà.

Mơ hồ dường như mình mắc nợ ai đó, cả nhà tôi lúc nào cũng cảm thấy không vui, dù hạnh phúc (hai thứ này sao lại không thể đi chung). Không thấy ai đòi nhưng nợ vẫn cứ là nợ, nó rờn rờn quanh quất trong chái bếp ngày ngày khói tỏa, trong mấy chiếc giường ngủ con con, trong hai bữa ăn mỗi ngày. Ngồi quây quần như vậy trong bụng cứ nghĩ, có một người nào đó cô độc, bơ vơ. Mà tội nhất là nội tôi, vốn mê cải lương, nhưng bữa nào ti vi chiếu mấy tuồng có bà mẹ chồng ác nghiệt chia rẽ duyên của con, dâu là thấy nội tôi rầu. Cho tới lúc cuối đời, chắc nội tôi vẫn băn khoăn trong lòng câu hỏi: “Vậy ra, mình giống mấy bà già trong đó thiệt sao?”

Má tôi thấy nội bút rứt cũng không tỏ ra phiền muộn nữa, cốt để an ủi nội tôi lúc cuối đời. Khi nội tôi vừa khuất, má quyết định gặp đối thủ một lần, chỉ định nhìn vậy thôi, chưa biết làm gì mà cũng không biết làm gì người ta, nhưng chắc chắn

phải biểu người ta buông tha ba tôi ra, còn gì nữa đâu mà neo ghe trước nhà ngó mong hoài.

Chờ đợi, rình rập hụp hử mấy lần, chiếc ghe nhỏ với ngọn đèn đỏ đỏ lại về đậu trước bến nhà tôi, như mong đợi của má. Bữa đó, má nói với ba tôi chèo xuồng về chơi bên ngoài một đêm. Gà gáy chập đầu, bà trở lại, trên xuồng chất đầy mấy thứ rau đồng, bà giả đồ làm người đi chợ sớm.

Ngang qua, má tôi tấp xuồng lại kế bên chiếc ghe, than:

- Tính đi chợ cho sớm mà gió quá, chèo không lên, bậy thiệt.

Má tôi tin rằng, người đàn bà kia, cũng như ba tôi, những đêm như vậy không bao giờ ngủ. Mà thật, dì đang chong đèn ngồi thêu áo gối, nghe tiếng má tôi, dì quay lại, dường như sững sờ, bất ngờ một chút, dì cười:

- Dà, đêm nay nhiều gió thiệt – Dì vệt mớ quần áo ngồn ngang trên cái sạp tre – Chị vô mui ngồi cho ấm, chờ bớt gió rồi đi, ngồi ngoài đó cảm sương chết.

Má tôi không từ chối, bà buộc dây xuồng lại, bước qua ghe. Bà cao người nên ngồi trong cái mui lợp bằng lá chàm đóp phải khom một chút. Họ ngồi đầu mặt với nhau. Má tôi thấy lòng mình bình lặng lạ lùng, hồi ngồi dựng cái cảnh gặp mặt này, cứ tưởng là phải làm một cái gì ghê gớm lắm. Có thể vì người đàn bà của ba tôi hiện lên rất hiền, dì mặc chiếc áo cộc tay màu cau khô ở trong, khoác thêm chiếc áo bà ba ở ngoài, mỏng te, nhiều mụn vá. Tóc đã bạc nhiều, lơ thơ vài cọng rử xuống mặt. Sương gió đã làm cho khuôn mặt dì đen sạm, nhăn nheo. Má tôi nghĩ thầm trong bụng, “xấu hơn mình nhiều”. Má tôi sợ cứ nhìn chăm chăm người ta hoài cũng không phải nên má ngó lơ chỗ khác. Đồ vật trên ghe món nào cũng nhỏ nhắn, tuềnh toàng. Ngay sau lưng chỗ má tôi ngồi, bỏ khoang tát nước có một cây ớt hiểm, một cây sắn đời đang trở bông trông chung trên miệng cái khạp bể. Dì lúi húi đẹp miếng vải đang thêu dở, với lấy bình thủy, châm nước vô cái bình trà sút vôi, ho khúc khúc. Má tôi chép miệng, “Cha, có trà uống thì còn gì bằng, mà, chị bình há, mấy lá sắn đời này ngâm với muối cũng đỡ ho lắm”. Dì ngược lên cười, “Dà, lúc này trở gió, cũng nhờ nó...”. Má tôi hỏi:

- Chị đi ghe một mình à, một mình cũng được sao?

- Dà, cũng được, chị.

- Ủa, chồng chị đâu?

- Dà, dì bối rối, ảnh... đi xa lắm.

- Còn chồng tôi thì theo vợ bé mất rồi, má tôi nói luôn.

Dì nhìn sững má, dường như để xem xem nỗi đau mất chồng của má với dì có giống nhau. Hồi lâu, dì chột cúi mặt:

- Uống trà, chị, hoàn cảnh của chị cũng buồn thiệt. Nhưng thế nào rồi ảnh cũng quay về. Thiệt đó, chị, đa số đàn ông đều tốt.

Tốt sao? Người ta bỏ cô để cưới tôi mà là tốt à, má tôi ngồi lặng, tự hỏi, mà không biết nói gì nữa, cái câu quan trọng nhất chắc không phải nói lúc này. Má tôi ngồi ngó quanh, một ánh đèn nhỏ nhoi thôi cũng đủ hắt sáng vài xâu cốm gạo treo trên vách, mấy hủ kẹo, bánh ngọt, tiêu tỏi để bên này, trái cây như khóm, bí rợ, khoai lang thì chất thành hàng bên kia. Sát bên hông dì, dưới tấm vải trắng thêu dờ là hai xấp quần áo cũ, người lớn có, trẻ con có được xếp ngay ngắn, nhưng hết thấy đều củ kỹ, bạc màu. Má tôi vọt miệng:

- Ủa, chị có cháu nhỏ à?

Sau này, má tôi nói, đó là cái câu tàn độc nhất mà má lỡ miệng đánh ngay vào nỗi đau của dì. Dì nhìn trân trân vào ngọn đèn, cái nhìn đau lặng. “Con bé Phước nhà tôi vô phúc lắm chị à, tại tôi không cẩn thận nên cháu vừa mới biết bò đã té sông, trôi mất. Cũng mười mấy năm rồi, bây giờ, nó còn sống, chắc tôi thuê gói cưới cho nó cũng vừa. Tôi... tôi chiêm bao thấy cháu nó hoài, chiêm bao lãnh nhách hà, tự nhiên tôi thấy con tôi biết nói, nó biểu má đừng bỏ con, trời ơi, tiếng nó thấy cung lắm kìa, vĩa tôi trả lời, mẹ sẽ sống trên sông hoài, hoài hoài với con, vĩa tôi thấy nó cười...” Dì nói một hơi dài, giọng dì hơi nghẹn lại, “trời ơi, chị có chuyện buồn lòng mà tôi lại kể chuyện buồn lòng nữa, chắc chị phiền tôi lắm. Mớ đồ này tôi cất lâu rồi, sợ mốc, cứ mấy tháng là tôi đem ra giặt lại, của con bé con tôi có, của chồng tôi có. Chồng tôi... tôi chỉ còn giữ lại bao nhiêu đây thôi. Chị coi, tôi khùng hôn, không giặt thì không được mà giặt hoài, tới hơi chồng cũng bay, tôi cũng quên mất rồi...”

Dì cười quay quắt. Má tôi chút nữa đã bật khóc, bà cố nén nghẹn ngào:

- Đàn bà mình sao khổ vậy?

Tiếng gà gáy xa xa, con nước đêm nay mau lớn quá, mới đây thôi đã ngập nửa cây sào neo ghe rồi. Lúc này, nước lớn không nghe bìm bịp kêu, mà, nhờ không có, chứ nghe bìm bịp kêu càng buồn nữa. Má tôi ngồi bình tâm lại, vậy thì mình nhỏ nhen gì mà dành với người ta chút này nữa. Năm này qua năm khác mình được sống chung với ảnh, ban ngày ngoài ruộng, ban đêm chung giường. Ngó mặt nhau

ăn cơm, ngủ cũng đầu mặt lại ngủ... Còn người ta, nhớ thương đứt ruột cũng đành ngồi đây ngó lên, giữa đường gặp nhau chỉ nhìn vậy thôi mà không chào hỏi tiếng nào. Đau lắm chớ. Má tôi nhìn ra ngoài trời, vẫn còn khuya lắm, nhưng đã thấy mấy chiếc xuồng đi chợ sớm lướt qua, tiếng mái chèo quẫy chum trên mặt sông ngọt, nhẹ, cứ tưởng từng lát nước xếp lên nhau như những lát đất cày. Đường như trời bớt gió nhiều rồi. Dì nghiêng đầu ra ngó trời, chừng như nuối tiếc, thảng thốt:

- Trời đất, đêm qua lạ thiệt. Chắc tôi phải đi bây giờ.

- Sớm vậy sao?

- Dạ, tôi thường đi... trước lúc người ta thức...

- Tại tôi nhiều chuyện làm chị thêu không xong...

- Không, người đàn bà cười, nét mặt thốt nhiên buồn bã, tôi thêu cho hết đêm, xong rồi lại tháo chỉ ra, tôi sợ, nếu không làm gì, tôi... tôi sẽ nhớ chồng con tôi rồi mắc ... khóc, cầm lòng không được. Mà, đàn ông chịu cực khổ nhiều lắm rồi, lấy nước mắt tưới buộc họ nữa, tội họ lắm, chị à.

Vậy rồi hai người chia nhau đi. Ghe nổ máy rồi, khói xịt toí bời, dì còn dặn lại: “Nếu anh có quay về, chị đừng giận anh ghen. Người ta có đi đâu làm gì thì cũng thương mình chị thôi”. Má tôi không nói, quay đi và khóc.

Tháng sau, má tôi quyết định gom mớ của cải cả nhà có được ra chợ, mua cái nhà. Ba tôi ít chút ít nghề mộc nên nhận đóng tủ, bàn ghế ở nhà, má tôi chiên đậu hủ bỏ mỡ, chị tôi mở tiệm may, tôi vào Đại học. Mọi thứ được sắp đặt lại, mới mẻ, gọn gẽ. Má tôi bút ba phải xa sông, nhưng chính bà cũng biết, những dòng nhớ vẫn tiếp tục chảy mãi trong hồn ông. Mà, chính má tôi cũng không quên cái hình ảnh cái rổ úp chén đan bằng nan tre đã xỉn màu, trên đó có cái đĩa, cái tô và ba cái chén, ba đôi đũa như thuở người đàn bà trên ghe còn nguyên một gia đình.

... Tới bây giờ má tôi vẫn chưa tìm được dì. Tôi hỏi má tìm làm gì, má tôi nói để cho hai người gặp lại, coi thần trí ba mày có đỡ hơn không. Bây giờ thì ba tôi cũng nằm xuống, ông nằm ở lớp mả thứ ba trên cái liếp chôn cất ông bà. Má tôi vẫn không ngừng tìm kiếm dì, hỏi để làm gì, má tôi nói để cho dì hay và nói với dì, nếu sống mà không gần được, chừng nào chết, mời dì lên nằm trên đất vườn tôi.

Đó là nỗ lực cuối cùng má tôi làm để chấm dứt cái cảnh ba nằm bên má mà hồn vẫn hướng về những dòng sông miền man chảy.

Truyện ngắn: ĐỜI NHƯ Ý

Ai cũng hỏi, “Làm gì có chuyện đời như ý?”. Chú Đời cười, hàng ria mép xoắn tít xồm xoàm quót lên, tự hào, sao mà không?

Nhìn vẻ mặt này không ai nghĩ chú mù, thấy sao mà tự tin, thanh thản quá chừng. Không ai biết chú khổ còn hơn... cô Lựu. Chú Đời dẫn cả nhà rời Chợ Cũ, Cầu Nhum lang thang lúc con Ý mới bồng nách. Gồng gánh như một gánh hát, chú ca cải lương, bán vé số kiến thiết. Vợ chú nửa điên nửa tỉnh, không biết có phải vui trong bụng lắm không mà suốt ngày cười ngẩn ngơ. Hai đứa con gái đứa mười, đứa tám tuổi phụ cha đem vé số tới mời từng sạp chợ. Đứa nào mặt mày cũng xấu xí, lem luốc, đen đúa, nên nghe cha tui nó kêu con Như con Ý ai cũng cười.

Một ngày của gia đình chú Đời bắt đầu từ sáng sớm, chú buộc vô mình sợi dây điện nối giữa cây đèn với cái loa con Như đang cầm, nó ghệt dây thì chú bước tới, chùng dây thì đứng lại. Con Ý nhỏ con chạy lảng xảng đằng trước, đứng coi búp bê người ta chung tú kiếng. Vợ chú vừa đi vừa ca hát đằng sau, nhặt hoa phượng để lên đầu. Cũng giống như những người hát rong khác, nhà chú có cả thầy bốn người nhưng trên con đường tấp nập, trông họ nhỏ nhoi, cô độc làm sao.

Ở thành phố này có chừng đến ba bốn người hát rong, họ điu dặt từng đôi, ở tận đằng xa, người ta nghe tiếng ca là biết gánh của ai rồi. Có đôi vợ chồng già ca mùi như Thanh Sang, Thanh Nga; có một đôi trẻ hơn, ông chồng đưa hơi như Trọng Hữu. Chú Đời ca dở, giọng hơi giòn, chói, thuộc lòng chỉ mấy bài “Chiếc áo người vợ hiền”, “Con gái của mẹ”... nghe mắc chán. Nhưng chú đi đằng đầu phố, gió đàn lại cuối phố nghe tiếng được tiếng mất nhưng người ta biết ông “Đời Như Ý” sắp đi qua. Cái miệng của ông này sao mà lạnh dữ vậy, luôn miệng gọi Ý con, con đừng có đi xa, con Như đi chậm một chút, ba theo muốn đứt hơi rồi, coi má con đâu. Minh ơi, mình à, mình lại gần tui nè. Rồi oang oang bảo vé độc đắc chiều nay nằm ngay đây, ngay chỗ này nè. Có hai ngàn một vé, ăn gói xôi chưa kịp mắc răng đã hết, mua giúp tờ vé sốặng giúp tui xóa đói giảm nghèo. Mua đi, để tui đi xin bà con cũng mắc... cho hà. Mấy ông chạy xe ôm nói chú rao làm sao mà lấu cá quá, không biết mù thiệt hay mù giả mà sao cái miệng leo lẻo vậy. Chú gỡ mắt kiếng đen ra, cười với đôi mắt lạnh lẽo, sâu hút, “Mấy anh nghĩ vậy riết quen, em đui tối thiệt thòi, rên rĩ, than vãn cũng đâu hết thảm. Mà, em đang sung sướng quá chừng đây, kể lể nỗi gì”.

Theo chú nói thì chú sung sướng thật. Vợ chú đẹp, vui vẻ (vì cười hoài), có đi nhậu vợ chú cũng không chù ụ như vợ người ta. Không ngã lòng trước sự hào nhoáng xa hoa, chồng người ta sao mà đẹp trai, sao mà giàu hơn chồng mình. Chỉ cần mỗi bữa sáng, chú mua cho vợ hai ngàn đồng cà phê sữa là vợ mừng rưng rưng nước

mắt. Chú sung sướng vì còn có hai chị em con Như con Ý, nhỏ xíu mà giỏi, dễ dạy, đẹp đẽ. Nghĩ vậy nên chú Đồi phải vui, vui vì vừa lòng với những gì mình đang có.

Những trưa nắng gia đình chú tạt vào hiên chợ Bách Hóa, nghỉ chân. Con Như lãnh tiền, chạy đi mua cơm về ăn. Họ ngồi giữa ngọn gió mát lồng lộng. Chú Đồi lúc nào cũng ngồi ăn chậm rãi, nghe ngóng chung quanh như canh chừng, như bảo vệ bữa ăn thiêng liêng của nhà mình. Chú nghe tiếng đĩa khua tinh tang, cuống quýt lên miệng chén là biết đĩa nào đôi đĩa nào không. Rồi cần nhẫn vợ, “Mình ăn chậm thôi, nghen bây giờ, đó, nghe ặc ặc rồi đó. Con Như lấy nước mà uống. Coi gỡ xương cho em Ý với, con”. Bữa nào ăn cơm xong, chú cũng ngồi chải đầu cho ba mẹ con họ, ai đi ngang khen chơi, cha, bữa nay hai đứa nhỏ đẹp gái dữ, chú sướng quá cười hích hác. “Nó giống mẹ. Giống vợ em mới đẹp, giống em xấu hì. Mà, ngộ quá, con của mình, xấu mấy cũng thấy đẹp thấy thương”.

Quần quanh mấy chợ, mấy khu phố quen hoài bán không chạy như trước, chú Đồi phải ráng đi tới tới mịt mới về. Giọng chú ngày càng khàn, nghe khen khét như nôi cơm quá lửa. Đi qua mấy quán nhậu, có người kêu vô, đưa ly rượu, chú trịnh trọng nâng ngang mày đa tạ, chỉ hít tới hít lui khen “Rượu ngon. Mùi đã thiệt” nhưng không uống, chú bảo lúc này giọng dở quá, hình như nghe không khỏe trong mình.

Nên có lúc giọng ca của chú lật bật như hai hàm răng đánh vào nhau, chú biểu con Như đi mua Anagin về cho chú uống. Mấy cô tiểu thương trong chợ cần nhẫn, thẳng cha mày lúc này ca gì như là sốt rét, “Chiếc áo người vợ hiền” hay vậy mà ca lùm cùm như “chiếc áo bà già”. Một bữa đi ngang qua trạm y tế phường, con Như dụ, nó nói trong trạm có khám bệnh miễn phí, nên nó dẫn chú vào. Lát sau, lúc từ phòng siêu âm bước ra, chú Đồi giận quá, mặt xanh, tay chân run rẩy, “Ba đã nói có bệnh hoạn gì, làm tốn hết mười lăm ngàn đồng bạc”.

Chú Đồi mau giận mà cũng mau quên. Bữa sau chú còn sắm đồ cho hai chị em con Như. Diện quần áo mới, tắm rửa kỳ cọ sạch sẽ, ai cũng bật ngửa, “vậy ra ông này mù mà tinh, ông đâu có xạo, mấy đứa cũng ngộ gái quá chớ”. Dì Liễu cũng khen.

Dì Liễu bán xong chảo ở trong chợ Bách Hóa, không có con nên thích con nít, hay rờ rờ đầu chị em Như, Ý, nói với mấy bà bạn, “tui khoái chị em con nhỏ này, nghèo vậy mà đàng hoàng, không đá cá lẫn dứa”. Con Như nghe thích lắm, về nói với ba, chú Đồi hỏi, dì Liễu thích con hay thích con Ý. Như bảo thích bằng chang nhau. Cho con cục kẹo thì cũng cho con Ý một cục. Chú Đồi thở dài, “Ba già rồi, hát ca hết ra hơi rồi, chắc là nuôi mấy má con con không nổi, hay là ba cho bả một đĩa, nghen”.

Dì Liễu tính đâu chú nói chơi, con người quý con như mạng mình, nói cho là cho sao. Ai dè chú làm thiệt. Dì Liễu mừng lắm, những bữa chợ vắng có một đứa hủ hỉ, trông đồ cho mình ngủ cũng vui. Dì chọn con Ý vì khuôn mặt nó đẹp, sáng sủa chứ không buồn bã như con Như. Dì còn đi coi thầy, chọn ngày tốt để rước con Ý về.

Hôm con Ý về với dì Liễu là rằm tháng Hai, chú Đồi biểu con Ý mặc đồ mới, kéo nó ngồi vô lòng mình, chú chải tóc cho nó, chú chải lâu vì nó cứ tức tưởi liên hồi. Chú hỏi bữa nay con mặc áo màu gì, nó bảo màu xanh. Chú dặn lòng, mình sẽ nhớ hoài, lúc xa chú, con Ý mặc đồ xanh, mặc dù chú không biết màu xanh ra sao. Chú kêu vợ lại, biểu, “Mình hôn nó một cái đi, mai một nó không ở với nhà mình nữa. Mình đẻ ra nó mà tui không nuôi, mình đừng có giận”. Vợ chú đâu có giận. Chỉ có con Như giận, nó nức nở, “con thương con Ý nhất nhà mà, ba”. Chú không thương à? Thương, nhưng chú chắc dạ lắm, bước đi là đi một nước. Vợ chú rên ti ti, ngoái lại nhìn phía chợ hoài. Con Như vẫn khóc. Chú hỏi nó, “Con Ý có nhìn theo không, con”. “Có, ba à, tội nghiệp nó quá”. Đường như con đường có nhiều ổ gà sao nghe chông chênh quá. Chú Đồi cẩn mỗi bước tới.

Nhưng đến chạng vạng, lúc quay về nhà trọ đã thấy con Ý ngồi lù ở cửa. Từ đó không cách gì bắt nó ra được. Chú năn nỉ nó quay lại với dì Liễu, nó không nghe. Chú lấy gậy đánh, nó cắn răng chịu. Chú đưa vợ với con Như trốn khỏi thị xã nó cũng biết cách lần theo. Bảy tuổi, con Ý cũng đã bảy năm lưu lạc giang hồ chớ giống. Cuối cùng, một đêm, chú bắt nó ngồi trước mặt mình, ôm lấy đôi vai xương xẩu của nó, chú nói cho con Ý nghe một câu chuyện đau lòng, chú nói nó không phải là con ruột của chú, chú lượm nó ở ngoài đồng rác bệnh viện. Chú nuôi nó tới chừng này là để kiếm người bán lại. Dì Liễu cũng trả cho chú hai triệu chớ đâu có ít. Con Ý nhìn tẹt tiền chú rút ra từ túi áo, mặt nó lạnh băng. Sáng sau, chú Đồi đưa con Ý trở lại với dì Liễu. Lúc quay đi chú hỏi con Như, “Nó có nhìn theo không, con”. Con Như nói không. Chú ừ, nắc khan một tiếng rồi cất tiếng ca, “Nuôi con khôn lớn không mong gì con nuôi lại mẹ...”, sao mà nghe nghẹn ngào như đang khóc.

Con Như sợ rồi sẽ tới phiên mình. Nó cuống quýt sống, cuống quýt yêu thương chú Đồi. Nó ăn ít, lấy đồ cũ ra mặc như thể chứng minh rằng nuôi nó cũng không tốn kém gì mấy. Chú Đồi hiểu lòng nó, hay hôn lên mái đầu khét nắng của nó, lặng lẽ thở dài. Lấy số tiền dì Liễu cho, chú Đồi đưa vợ vào bệnh viện. Bác sĩ nói vợ chú bệnh đã quá lâu, không có hy vọng chữa lành, nhưng cứ ở lại điều trị một thời gian xem sao. Chú Đồi ôm vợ vào lòng, ngồi ngay chỗ băng đá đằng trước, chú nắm đôi tay, rờ rẫm mãi lên mặt vợ, biểu: “Mình ở đây nghen, ráng mau hết bệnh

về nấu cơm cho tôi ăn, nói chuyện với tôi chơi. Hồi cưới mình tới giờ, chưa khi nào mình nói câu nào tử tế với tôi, tôi cũng buồn lắm”. Vợ chú cười.

Cả gia đình lang thang đó giờ chỉ còn hai người. Đêm khuya trở giấc, chú Đồi kéo mền đắp cho con Như, vô tình đôi tay chú quệt trúng hai hàng nước mắt. Chú biết nó thức, chú hỏi “Sao vậy, con đau bụng hả?”. Nó tức tưởi, “Bây giờ chỉ còn có mình con, ba đừng bắt con đi đâu hết, để con dẫn đường cho ba, mua thuốc cho ba uống, phụ bán vé số, ghen ba”. Chú ừ, bỏ con đi đâu bây giờ.

Chú thường vòng qua chợ Bách Hóa, chú không hát, không dừng lại bán, chỉ kêu con Như tỏ mắt nhìn con Ý coi bữa nay nó mặc áo màu gì, mập ốm ra làm sao, tóc dài bao nhiêu rồi. Đưa con gái lớn buồn bã bảo, “em con mập lắm, trắng hơn hồi nó còn ở nhà mình. Nó cắt tóc tẻm, coi giống con trai lắm, nó nhìn thấy con mà giả đồ như không thấy vậy, ba”. Không mặc đồ xanh ba mua à? Không, lâu rồi nó không mặc nữa. Chú nghe vừa mừng vừa đau. Vậy là nó quên chú rồi, nó yên lòng bên người mẹ mới. Vậy là từ nay chú đã xa mãi đứa con này. Lụi hụi hết mùa nắng, giọng chú tắt khèn khẹt trong cổ họng, thậm chí không thể cất lời rao. Chú đờn cho con Như ca, tiếng ca ngọng nghịu và non nớt lắm, vô vọng cổ luôn bị đứt giữa chừng. Tội nghiệp, con nhỏ không có tài, ngáy còn lạc giọng mà ca nổi gì. Những lúc ngồi bên con, nghe nó ăn giá sống cho họng bớt khan, chú Đồi muốn khóc, thấy mình bất lực trước bệnh tật. Chú bảo, “Thôi, bỏ nghề, con”.

Đã thấu gần hết cái khổ của kẻ hát rong, đã mỏi đôi chân ròn rã, chú Đồi bán cây đờn, cái loa với bộ bình ắc quy. Chú xin cho con Như đi chạy bàn, rửa chén ở quán hủ tiếu Nam Vang. Mới đầu nó không chịu, nó nói ba ở nhà một mình không được. Hồi đó ba buồn còn đờn lững từng chơi, bây giờ đờn cũng không còn. Nhưng rồi đến bữa cơm, nó đổi ý, nó không thể để chú Đồi quệt kho quẹt vầy hoài. Một bữa trưa, nó bung tô nước thịt có nhúng nắm rau chạy về, chú Đồi rầy nó làm vậy chi, ông bà chủ chắc không thích, nó cười, chú thím Sảnh biểu con đem về cho ba đó. Người ta thương con lắm. Chú Đồi bảo, cuộc đời này, thiệt nhiều người tốt.

Một bữa trưa, chú Đồi bắt nó ngồi lâu với chú thêm một chút nữa. Chú lấy lược ra chải đầu cho nó, tóc nó đã dài chấm thắt lưng. Chú nói, không biết chừng nó mười tám hai mươi tuổi tóc dài cỡ nào hen. Con Như cười, chừng đó cho ba chải đầu, thắt bím cho con mệt luôn. Chú Đồi bảo, từ đây tới đó còn lâu. Rồi chú than, sao mà chú nhớ vợ với con Ý quá chừng. Con Như bần thần, “Hồi đó, nhà mình vui biết bao nhiêu hén, ba”.

Ừ, vui. Trưa vậy, nếu không ở bên hông chợ thì cả nhà chú cũng tụm lại bên một gốc cây nào đó có bóng mát, nghỉ chân, ăn cơm. Hai đứa con nhỏ của chú bữa nào cũng không chịu ngủ lấy sức mà mãi mê búng thun. Mở miệng ra rầy, con Ý nịnh, “để con nhổ tóc bạc cho ba”. Nó nói đầu ba bạc nhiều lắm, rồi đặt sợi tóc lên bàn tay chú, trời ơi, sợi tóc mỏng tanh, nhẹ te vầy mà nó cũng thấy, con mắt nó sáng ghê. Rồi chú nhớ tới người vợ hay tựa đầu vào vai chú ngủ khì, trong trẻo, vô tư như trẻ con. Tự dưng chú Đồi thèm được sống lại những buổi trưa ấy, những buổi trưa đã xa rồi, đã xa mất rồi. Chú biểu, “Mai con chạy ra chợ Bách Hóa, hỏi dì Liễu cho con Ý về, ba gặp một chút, sao... ba nhớ nó quá hà”. Nhưng con Ý đâu còn ở chỗ dì Liễu nữa, dì nói nó đi rồi. Con Như tưởng dì giấu, cứ theo năn nỉ hoài, “tội nghiệp ba con mà, dì, cho nó về một chút thôi rồi mai một con không lại xin dì nữa”. Dì Liễu vốn là người nhân hậu, dì chỉ biết nắm tay nó mà khóc ròng.

Là thật. Con Ý đã bỏ nhà đi bụi đời là thật. Nó đi vì lâu rồi mà không được nhìn thấy người cha tội nghiệp ấy dặt chịch nó lặng lẽ qua chợ. Nghĩa là ba nó đã không còn thương nhớ nữa. Vậy thì ở lại làm gì? Con Như quay về, nó phải dừng lại rất lâu, nó không biết phải nói thế nào cho chú Đồi đừng đau xót. Nó ngập ngừng đứng chỗ cái hàng ba đầy rêu ươn, chợt nó nghe tiếng hát, trời ơi, là tiếng hát của má nó. “Àu ơ. Đường dài ngựa chạy biệt tăm. Ô... Phải duyên chồng vợ ngàn năm cũng chờ”. Con Như mừng rỡ xô cửa bước vào, má nó đưa tay lên miệng ra hiệu im lặng, rồi thì thào:

- Dừng la lớn. Mệt rồi. Ngủ đi.

Con Như chạy lại ôm má nó, nó nghĩ chắc chú Đồi giả bộ đây, trông con Ý thấy mồ mà không chịu dậy. Nó chọc lét vô mấy cái xương sườn của chú, nhưng chọc mãi, chọc mãi, chú không bao giờ thức nữa.

Làm gì có chuyện đời như ý?

GIAO THỪA

Đã thấy mấy vạt hoa vàng lờ lờ, đã thấy những trái dưa hấu bóng mẩy thẫm xanh chất tầng tầng trên chợ. Thế là Tết thật rồi. Tết cứ làm người ta nao lên nôn nóng ngóng chờ, rồi lại nuối tiếc cho tuổi xuân qua. Chợ Tết chạy dọc theo các vỉa hè quanh ngã năm, bán toàn dưa với hoa. Vô tình chỗ Đậm bán đối diện với khu nhà đẹp nhất, cao nhất và sầm uất nhất thị xã. Sau lưng, cách một lớp chòi gai oặt queo là một bãi cát trống, cỏ xanh theo gió chạy lúu rúu từng triền, từng triền mãi miết. Cánh bán dưa ra chợ từ 20 tháng chạp, chở từ sáng tới khuya, hích hụi. Lúc nghỉ mệt tay chống hông ngó qua. Những ngôi nhà cao. Những bảng hiệu sặc sỡ.

Đèn đủ thứ màu. Sang quá. Người ta đợi tết để trang hoàng cho thật đẹp, mà càng đẹp thì cánh bán dưa trong ruộng ra càng buồn. “Biết chừng nào mình xây được cái nhà cỡ đó hen?” . “Bán dưa, làm ruộng cỡ 40 năm” . “Giỡn hoài, cỡ đó thì xuống lỗ rồi còn gì” . “ừ”...

Chỗ Đậm ngồi dưới tán cây còng bị tia nhánh chổng chơ như bàn tay cụt. Bên trái là vạt bông của ông Chín từ miệt Sa Đéc xuống. Và chỉ Đậm là ngồi bán một mình chứ người ta chồng vợ đùm đề, xoong nồi lủ khủ. Ngày đầu cô chắt dưa chưa khéo, dưa cứ ỷ mình tròn, lăn long lóc ra đường. Dưa lăn, người hì hục đuổi theo. Xe cô giáp Tết đông nghẹt, người ta cười, người ta cần nắn. Túi cực trào lên như người ta nhận cái thùng vô lu nước đầy. Đậm làm lủi khóc nghẹn. Đậm 29 tuổi, hơi đen, trên khuôn mặt lam lũ còn sót lại chút duyên ngầm. Chưa thấy chanh chua như đã từng quen chợ. Lúc chở dưa ra, có anh chàng trẻ tuổi cao lổng khổng, nước da đen lúi, lúc cười chỉ thấy hơi hơi hàm răng, chạy tới làm giúp. Kéo tấm ni-lông che nắng, chặt mấy cây chuối đem ra bao lại cho dưa khỏi lăn, anh chàng cũng giúp. Đậm nằng nặc bảo thôi đi, anh chàng cãi cổ: “Tôi tiếp cho, có sao đâu” . Quần anh chàng lấm nhớt, tóc bù xù đỏ quạch như rễ vú sữa. Già Chín bán bông thắc mắc:

- Con gái ơi! Bác thấy thằng đó hiền khô hà, ai vậy?

Đậm bảo:

- Tên Quý, chạy xe lam, ở xóm thôi, bác à.

- Chà, giỏi, tốt thiệt. Làm hăng vậy tính kiếm tiền để cưới vợ hả?

Anh chàng nghe lóm, cười chéo mắt:

- Có ai đâu mà cưới, bác.

Ông Chín cười khà khà, vuốt chòm râu cụt ngắn.

Cái nắng xuân kỳ lạ, không gay gắt đỏ, không nhàn nhạt như nắng chiều hè mà vàng thắm thiết như màu bông sao nhái. Bác lổng lổng lấy qua từng ngọn cỏ sau chợ, mang theo mùi mịt cát. Mặt mũi đầu tóc Đậm lúc nào cũng nham nhám như hột me rang cát. Người ta quần là áo lượt kìn kìn chạy qua mà chợ dưa với hoa vẫn chưa sôi động. Năm nay dưa trúng mùa cả núi vầy ăn gì cho hết. Người ta nán đợi tới ngày rước ông bà, lúc đó coi dưa có rẻ hơn bây giờ không. Những người bán ngồi chéo queo, buồn teo. Bông vụn thọt, bông cúc trái nứt nở bung từng khóm, lá bông than như bông: “Năm nay chắc thua rồi” .

Đậm bắt chước cánh lái dưa xóm Vàm Xáng, đi chợ mua xấp liễn dán dưa cho bắt mắt khách, tiện thể mua cho bé Lý bộ đồ. Mứt gừng, mứt dừa ở nhà má làm rồi để coi mua gì thêm. Má thì thích bánh ngọt. Con út thích cắn hột dưa, Đậm mua mỗi thứ vài trăm gam. Về khui ra thấy bộ đồ bé Lý hơi lớn, nhưng không sao, lớn thì mặc tới năm sau. Già Chín hỏi: “Đồ ai mà bây ôm ấp vậy?” . Đậm bảo của con gái con. Hỏi thêm một chút về ba của đứa nhỏ, Đậm cúi mặt thưa: “Không có” . Nghĩa là không có. Ông Chín không phăng tới nữa. Ông già rồi, lăn lộn trên đời, ông biết chắc có chi làm lỡ. “Con làm lỡ tới mức phải bỏ nhà đi luôn đó, bác Chín à. Tới lúc ba con buồn rồi chết, má mới rước con về. Bây giờ, có cực khổ thế nào con cũng ráng chịu, miễn sao năm tháng cuối đời má con vui. Mà, chắc bù bi nhiêu cũng không đủ” . Sau này, Đậm mở lời. Giọng Đậm khao khao. Cô thấy mình giống như cỏ ven đường, người ta đi qua đạp, đi lại đạp vẫn ngoi lên sống, sống cỗi cằn.

Những mùa lam lũ. Những mùa cực nhọc. Một mình chống chọi. Đàn ông con trai coi được một chút mới lòng vòng ở ngoài đã nghe thiên hạ rần lên: “Thứ gái hư đâm đầu vô làm gì” . Ai mà muốn, chỉ tại còn nhỏ, thấy gió yêu gió, thấy hoa yêu hoa, đam mê bông bột. Nghĩ mình học chưa tới đâu nhưng là học những bài học bực nhất, dắt nhất. Đêm đi đêm lại chỉ còn Quí, khi biết được còn mỗi Quí thì Đậm đã sắp 30. Nhà Quí ở Lung Giữa, Quí gửi xe sân nhà cô Làm một vài chuyện nhỏ như chở Đậm đi chợ không lấy tiền, tiếp Đậm cất cái nhà củi... thì cho là có qua có lại đi. Nhưng ánh mắt Quí ngày càng nồng nàn trối buộc, bắt Đậm phải day dứt giữa nỗi khát khao và tủi hổ. Quí trai tơ, chưa vợ, lại nhỏ hơn Đậm gần 4 tuổi. Nhưng Quí tốt quá, rất tốt. Má Quí già rồi, than với Đậm hoài, có một mối trong Nhà Phấn Ngọn, coi được lắm, vậy mà biểu thằng Quí cưới vợ mà nó hổng nghe, làm như nó còn chờ ai đâu.

Thời gian bị người ta chở kịu kẹt đi. Khiếp, mới đó đã 29 Tết. Bánh mứt, dưa hành, quần mới, áo mới như nước tràn lên phố. Đây là một thời điểm rộn rịp nhất, phơi phơi nhất trong năm. Tết này không có 30, 29 rồi tới mừng một, như người ta bước hụt, thấy thiếu một ngày. Những khóm vàng hoa của ông Chín nở sớm từ 24, 25 đã ngả màu vàng sậm. 4 giờ sáng, ông đi qua bên kia đường gánh nước về tưới, than: “Thời tiết năm nay kỳ cực quá” ông vẫn điều thuốc, phà khói bảo: “Con biết không, nghề bán bông tết cũng như bán lồng đèn Trung thu, qua rằm tháng 8 có cho người ta cũng không thêm lấy. Buôn bán kiểu vậy như con gái có thì, qua rồi, khó lắm...” “Ông nói tới đây, thấy Đậm ngẩng đầu ngó sao muộn, ông thôi không nói nữa. Đậm nhớ con gái quá. Nghe Quí đem đồ về lại đem tin ra bảo: “Bộ đồ bé Lý mặc vừa lắm, nó đòi ra với Đậm. Buôn bán như vậy cực quá, chở nó ra đây, tội

ngiệp... “. Rồi Quí bảo mớ bông mỏng gà Đậm gieo sao mà khéo quá, bông đỏ bông vàng trở ngay Tết.

Đó là lúc chờ sáng, còn rồi rãi xẻ dưa mời nhau, chứ ngày 29 là một ngày tất bật, nói theo dân đá banh là thắng với thua. Người mua xúm xa xúm xít. Mới một buổi đã lử lả, Đậm một mình phải coi trước coi sau. Tưởng dưa hầu đắp đập ngăn sông mà đã vơi đi quá nửa. Nhưng chắc phải đợi cho tới giao thừa. Người ta chờ tới đó sẽ rẻ nữa. Chạy xong mấy chuyến xe buổi sáng, chiều Quí lại giúp. Từ bên xe lam lại đăng chợ chừng 100 m. Quí kêu: “Có ai mua nhiều, Đậm hứa đi, tôi chờ tới nhà cho”. Đậm thấy vui, phần thì bớt lo dưa ế, phần thấy nao nao trong lòng. Cái không khí đẹp thế này, ấm thế này, không vui sao được. Quí hỏi: “Nhà Đậm có gói bánh tét không?”. Đậm hỏi lại: “Có, mà chỉ”. “Tôi cho, má tôi gói nhiều lắm”. Quí mặc áo đứt mất tiêu cái nút trên, lồ lộ ra mảng ngực rấp nắng. Trong Đậm nhiều khi dậy lên một cái gì rung rức khó tả, chỉ mong nép đầu vào đó để quên nhọc nhằn, để quên nỗi cô độc lủi lủi trong đời.

Lúc ngẩng lên được đã năm mới mất rồi. Nghe được tiếng trống giao thừa vọng về từ trung tâm thị xã. Ở đó có một lễ hội thật tung bừng. Ông Chín đốt 6 nén nhang, chia cho Đậm nửa, biểu: “Con cúng giao thừa đi. Cầu an khang, sức khỏe, cầu năm tới giàu hơn năm nay”. Mùi nhang thơm trong gió sục lên mũi Đậm một nỗi nhớ nhà. Dù đây về đây chưa tới một tiếng đi xe. Ở chợ, người muốn về trước giao thừa thì đã bán thóc tháo để về. Những người còn lại cũng cố dọn dẹp làm sao mừng một có mặt ở nhà, pha bình trà cúng tổ tiên. Ông Chín đứng chỉ huy cho con trai ông bung mười chậu hoa còn lại lên xe hàng, quyến luyến: “Hồi nãy con tặng bác dưa ăn, giờ bác tặng lại cho con với cậu nhỏ hai chậu cúc đại đoá này. Năm tới, bác có xuống không biết được ngồi gần cháu như vậy không. Cha, đây về Sa Đéc chắc phải nhâm nhi dài dài cho đỡ buồn quá” .

- Dạ, bác về mạnh giỏi, ăn Tết cho thiệt vui.

Đậm vén tóc, cười, thấy thương ông quá. Ông Chín leo lên xe còn ngoắc Quí lại nói thì thào: “Ê cậu nhỏ, tôi nói cậu nghe, ông bà mình có câu: Ra đường thấy cánh hoa rơi. Hai tay nâng lấy, cũ người mới tạ Mạnh dặn lên, cậu thương con gái người ta mà cà lơ phớt phơ thấy rầu quá. Cháu Đậm, thấy vậy mà như trái dưa, xanh vỏ đỏ lòng”. Nói rồi xe vọt đi, mấy người nữa lên xe vỗ vào thùng xe thùm thùm như gửi lại lời chào tạm biệt. Khói xe xoắn ra từng ngọn tròn tròn như con cú. Đậm lui cui quét dọn chỗ của mình, hỏi:

- Ông Chín nói gì vậy?

- Đâu có gì - Quý cười bối rối.
- Về nghen, chạy xe chất đồ chở về. Biểu Quý đứng chờ mà không nghe, vì tôi mà ngày nay Quý bỏ mấy mỗi xe, uống quá.
- Đâu có gì còn 31 trái dưa...
- Tôi tặng Quý chục trái ăn dài dài.

Quý cười:

- Nhà tôi đơn chiếc, có mấy người đâu, ăn gì nhiều vậy.

Những chiếc xe vẫn nối đuôi nhau chạy về phía đại lộ. Lễ hội giao thừa vẫn chưa tan, chưa muốn tan. Người ta vẫn muốn cùng nhau đi hết Tết này. Một vài anh bạn trẻ chạy xe qua, gọi Đạm: “Nhanh lên chế ơi, trễ rồi. Tết đâu có đợi”. Lúc Đạm lên xe thì đã qua lâu giao thừa, Đạm ngồi đằng trước ngang với Quý. Xe ra khỏi thị xã, con đường nhỏ lại, vắng hoe. Đạm ngoái lại nơi cô từng ném sương, ném nắng, nghe gió. Những đóa cúc sau sàn xe rung rinh những sắc màu rực rỡ. Quý bảo:

- Đạm biết cúc đẹp gì không?

Đạm lắc đầu. Quý cười:

- Lòng chung thủy. “Diệp bất ly chi, hoa bất ly đài” .
- Ai nói với Quý vậy?
- Bác Chín. Năm tới, tôi trồng cúc đi bán với Đạm nghen.

Đạm muốn cười, rất muốn cười mà sao nghẹn lại. Làm sao vượt qua những trở ngại trong lòng người. Hai bên đường rạp rờn hoa dại. Những đống lửa rom còn nghi ngút khói, bọn trẻ coi lên khoe áo mới rồi mỗi mòn đi ngủ.

Quý cho xe chạy thật chậm, nghe gió thổi qua lỗ tai lạnh quánh. Lạnh như khoảng chiếu nửa đêm Quý chạm tay vào, tượng lên một nỗi nhớ rờn rờn lúc mờ lúc tỏ. Những nỗi nhớ phơ phất mái tóc một người, đôi mắt một người, dáng dấp một người. Đến tỉnh dậy vẫn còn bồng bênh như khói. Quý nhìn Đạm, ánh nhìn rất lạ. Anh không biết vì một nỗi gì mà tới bây giờ anh chưa nói lời thương với người ta. Anh không ngại đưa con, anh không ngại chuyện lỡ lầm xưa cũ, tuổi tác cũng không thềm nghĩ đến. Cô luống cuống khi thấy chiếc xe chạy chậm dần:

- À... Ờ... Tết này nữa, Quý bao nhiêu tuổi rồi ha?

Quý im lặng, dừng xe hẳn. Lúc này anh thấy cần nắm lấy bàn tay lạnh tái của Đạm, rất cần. Khi ấy giao thừa đã đi qua lâu, lâu lắm rồi nhưng rõ ràng vẫn chưa hết Tết. Mai là mừng một.

Truyện ngắn: HIU HIU GIÓ BẮC

Ở cái xóm nhỏ ven thành phố này, người ta nhắc tới anh Hết còn nhiều hơn chủ tịch tỉnh đi họp. Đứa nào hỗn hào, lười biếng, má nó biểu: “Lại coi thằng Hết kìa! Ba mươi mấy tuổi đầu rồi, ngày đi làm thuê, làm mướn, không có chuyện gì nó chê, chiều về lui hụi chui vô bếp nấu cơm, giặt giũ cho cha già, hiếu thảo thấy mà thương”. Ai mê vợ bé, mê chơi đề, đá gà, họ lườm lườm: “Mê gì như thằng Hết mê cò”. Nên nghe râm ran chị Hảo để lòng thương anh, má chị kêu trời: “Bộ hết người rồi sao, con. Cái thằng mê cò tới mất vợ, không sợ?”. Không, chị Hảo nghiêm nghị, cò tướng là loại cò tao nhả chỉ dành cho quân tử, có gì mà sợ. Mê rượu, mê gái mới ghê. Chỉ sợ người ta không thương mình. Má chị định cầm rằm nữa, thì chị đã quay lưng ra quán mất rồi.

Quán chị Hảo cũng nhỏ thôi, buôn hàng tạp hóa lặt vặt. Quán cất trước nhà, ngó ra mé lộ, có khi không cần ngồi giữ, bà con trong xóm ai muốn mua gì thì gọi vọng vô. Chỉ buổi chiều, chị mới ra ngồi ở đó. Buổi chiều, lúc mặt trời vừa khuất sau vườn chuối anh Hết hay ghé lại để mua 1.000đ mỡ nước, 500đ bột ngọt, 500đ tỏi, 500đ tiêu. Chị cố bán thật rẻ rà để nhìn anh lâu nữa, coi bữa nay chắc anh đi vác lúa đàng nhà máy chà gạo, trên tóc còn vương trấu. Nhìn vậy thôi chớ không nói gì hết. Con trâu không nói sao cái cộc nói được. Nhưng vẫn cứ đón chờ, có khi sớm, khi muộn hơn một chút nhưng chị biết thể nào thì anh cũng về qua, về để nấu cơm cho tía anh.

Tía anh Hết năm nay 72 tuổi. Tuổi này, người ta hay đau yếu nhưng ông vẫn còn sỏi lắm. Ông già khó tính, thêm tật lẳng tai. Người ta mời ông ngồi, ông cười, xua tay: “Ăn rồi. Ăn cơm với thằng Hết rồi”. Chừng năm năm trước, ông còn vô bếp nấu cơm, mắt mũi tèm nhèm để lửa tấp vô vách lá, nhà cháy rụi. Anh Hết cất lại nhà trên nền cũ đầy tro, nhìn xa nhà lớn hơn miếu ông Tà một chút. Ông già ngồi tiếc cái tivi đen trắng, mỗi lần mở phải đập thùm thùm nó mới lẹt xẹt lên hình. Ông già điếc đát vậy mà mê tivi, cháy rồi thì thôi vậy, chiều chiều chống gậy thả qua nhà hàng xóm coi nhờ.

Bữa nào anh Hết cũng chống hông thổi lửa, rồi dọn cơm sẵn, ngồi dựa cửa trước chờ tía anh về. Có bữa chờ tới mõi mòn, để bụng đói ngồi ngủ gà gật. Người ở xóm biểu cứ ăn trước đi chớ chờ gì, anh cười, mâm cơm có ầm cúng, tía tôi mới

vui miệng, ăn nhiều. Nhưng có bữa, anh mới vừa giở cửa chui vô nhà, ông già đã ngồi nhai cơm cháy, bị nghẹn, mắt ầng ầng nước. Anh thương tí quá chừng vội vàng chạy đi vo gạo.

Anh Hết mồ côi má từ mới lọt lòng. Bà chết vì sinh khó. Ngoại anh đặt tên là Hết. Chắc tại lúc đó đau lòng quá kêu đại vậy, chứ không có nghĩa gì đâu. Anh Hết lớn lên, yêu hết thầy từng con người, từng tấc đất ở cái xóm Giồng Mới. Cái xóm nhỏ ngoại ô biết bao thương nhớ, những bờ rào giâm bụi xanh, những hàng cây đung đỉnh xanh. Những người đàn ông chuyền tay nhau đồ dành đưa trẻ thiếu hơi ấm mẹ. Những người đàn bà cho anh bú thếp, để con khóc ngoe ngoéc trên giường.

Tía anh không đi bước nữa, ngày ngày cột sợi dây võng dài từ nhà trên xuống bếp, vừa đưa vừa nấu nước cháo, hát vọng lên, “Chớ ầu ơ... Cây khô đâu dễ mọc chồi...”. Chừng này tuổi rồi, mỗi khi anh đặt lưng xuống bộ vạc, lại nhớ ngơ nhớ ngẩn lời hát của tía anh ngày xưa. Buồn lắm, nghe đứt ruột lắm. Càng nhớ anh càng thương ông. Câu được vài ba con cá rô, anh bắc cái ơ lên kho quẹt, tỉ mẩn lọc phần thịt dành cho tía, phần xương xẩu phần mình. Những trưa nắng tốt, tranh thủ giờ cơm trưa anh xin phép chạy về, dắt tía anh ra ngoài hè tắm rửa, kỳ cọ. Những tối trời mưa, anh lúp xúp cầm cái nón mê đi đón ông già. Đi cạnh, che đầu cho ba, nghiêm trang như đang chở che cho sinh linh nào đó nhỏ bé lắm, yếu ớt lắm.

Nhưng ông già đâu có yếu, ông xách gậy rượt đánh anh hoài đó chớ. Tía đầu bạc rượt thằng con đầu xanh chạy cà tung đuối nhau lòng vòng quanh mấy cây me già ngoài mé lộ. Đám trẻ xúm lại, vỗ tay như coi hát bội. Hỏi anh Hết sao không chịu chạy nhanh để bị dính đòn, anh bảo, chạy thì được, nhưng càng nhanh thì tía anh càng mệt, chịu có mấy roi nhẹ hều, nhằm gì.

Ai nghe nói cũng thương. Đúng là tên sao thì người vậy, chịu thương chịu khó hết mình, hiếu thảo hết mình. Có cái tật mê cờ, mê cũng hết mình.

Người ta nhắc hoài chuyện anh hể cấm đầu vô bàn cờ rồi quên đói, quên ướn, sủng nể cái đùng cũng coi như không nghe thấy, như là đã thoát tục rồi, bình an, xa rời mọi điên đảo. Thấy con bồ mình đang thương dắt tay chồng tương lai đi sắm sửa đồ cưới mà cứ lo mang xe chiếu tướng, thì đúng là không còn hỉ nộ ái ố gì nữa rồi. Cũng có nhiều người thích đánh cờ nhưng say đến mức coi con cờ như con người thì không ai làm được, ai đòi, đi chốt qua sông mà anh khóc, nước mắt chảy ròng. Chị Hảo nhớ, bữa đó hình như đám gả chị Hoài.

Người ta nói chị Hoài đi lấy chồng cũng tại anh Hết mê cờ.

Họ thương nhau từ lúc hai người mới 22, 24 tuổi. Thời đó, tuổi đó, người ta thương không nhìn gia cảnh, địa vị. Tuổi đó, người ta yêu không ngại ngần, không e dè, rả càn, họ để lòng tự nhiên như dòng chảy của sông. Bên nhà chị Hoài biết con gái hay hẹn hò với anh Hết ngoài cổng đá thì không vui. Má chị Hoài hỏi sao đâm đầu vô thương chỗ đó, cô hỏi lại: “Anh Hết hông được chỗ nào hả má?” “Ừ, tao chê chỗ nào bây giờ, thằng Hết được, hiền, giỏi giang, chịu khó lại hiếu thảo. Nhưng nó nghèo quá, thân sơ thất sở không một cục đất chọi chim, biết có lo cho bây sung sướng được không. Bây quen được tung tiu mà”. Chị Hoài không cãi ra mặt nhưng bụng nghĩ, còn sức lực còn đôi tay, còn cơ may thay đổi cuộc đời.

Lúc đó, anh Hết vẫn chưa mê cờ. Nhưng anh biết chơi nhờ đi làm bốc vác ngoài nhà máy, mấy ông già chèo đò truyền lại, nức tiếng với mấy chiêu pháo đầu, bình phong mã, công thủ song toàn. Cho tới lúc má chị Hoài lại nhà, không biết nói gì nhưng có khóc. Những giọt nước mắt chảy tràn trên khuôn mặt già nua của người đàn bà đã từng cho anh bú tép. Sáng hôm sau anh đã thay đổi, nhanh như người ta lật một bàn tay. Anh đam mê cờ tướng. Anh hay na bộ cờ ra ngồi mấy gốc cây bên vệ đường để tìm đối thủ, để ai cũng thấy đúng là thằng Hết bê tha thiệt rồi. Nó không chịu làm ăn gì mà tối ngày nướng thời gian trên mấy con cờ xanh đỏ.

Hồi đó, tía rầy anh dữ lắm. Anh thưa với con, nợ sữa là món nợ lớn nhất đời người. Con đã nợ má em Hoài, tía à. Không biết ông già rồi có hiểu gì tình cảm của tụi trẻ không, ông ừ hử vậy. Nhưng thấy anh ngồi la cà đánh cờ ở đâu, giữa đường cũng vậy, ông vác cây đánh ngay đó. Vừa đánh vừa kêu nhịp nhàng “Xe nè! Chốt! Pháo nè! Bụp! Chiêu hả, thằng ma cà bông, tao chiêu cho mày đường”. Ông ca cẩm thằng con ông bây giờ tệ bạc lắm chiều hôm qua nó để ông ăn cơm nguội chung với mấy con gián. Ông nói mà giọng ông hơi nghèn nghẹn dường như trong lòng đau nhói lắm. Nuôi nó từ nhỏ tới lớn, bây giờ ông mới đánh nó đây, đánh để giúp nó trả ơn đời. Tối về ông bắt nó nằm cho ông xoa dầu, hỏi bày đặt yêu đương chi mà khổ vậy con ơi. Xóm này người ta không biết nên nói mầy hết thuốc chữa rồi. Con tao mà vậy à.

Chị Hoài cũng can ngăn, thuyết phục mãi, tốn không biết bao nhiêu là nước mắt, cuối cùng đành phải bỏ đi lấy chồng. Hôm đám, anh Hết còn tỉnh bơ ngồi ngoài bờ, dưới gốc còng, hào hứng bày cờ ra chơi với mấy đứa nhỏ. Đám bạn gái ai cũng xì xầm, chắc thằng Hết không thương thiệt con Hoài nên mới dửng dưng vậy. Chị Hoài nghe mà khóc không thôi, bảo với chị Hảo, có cái tiếng bạc tình ảnh cũng gánh cho em rồi. Tranh thủ lúc chưa làm lễ, chị Hoài rủ chị Hảo mang cả áo xống chạy ra, nhìn anh như nhìn lần chót, như lấy chồng là chết vậy. Anh Hết dứt khoát

không ngược lên. Thôi, không nắm núm gì được nữa rồi, nghe người ta kiếm cô dâu, hai chị quay vào. Đi một đoạn, nghe đám con nít trộ lên, anh Hết sao mà khóc vậy. Đâu có. Có mà, nước mắt anh rớt lên con tường này nè, đó, nó ướp nhẹ đó thấy chưa. Hết cười lớn, nói lớn. “Ừ tại tao thương con chót. Qua sông là không mong về”...

Chị Hoài vừa đi vừa khóc. Lời của anh Hết làm chị Hảo thương điếng trong lòng. Con người này, nghĩa biết trọng mà tình cũng thâm.

Anh Hết lại sống như những ngày trước kia lằm lũi đi đào thuê, vác mướn, kiếm tiền nuôi tía. Đôi ba hôm, đi làm về, đã thấy trên cái bếp còn ẩm tro một nồi com nấu sẵn với một mẻ cá kho khô. Có bữa, mẻ kho đổi lại là nồi canh rau đắng. Rồi anh Hết gặp chị Hoài đi chợ về, thấy bóng anh từ đằng xa, chị lấy nón che một bên má bầm tím. Anh Hết chạy theo, giằng lấy nón mà xót xa:

- Sao nông nỗi vậy, Hoài?

Chị Hoài nói chị té đập mặt vô cạnh cửa nhưng anh Hết không tin: “Hoài ơi, em hạnh phúc, tôi mừng. Hoài cứ như vậy, chắc tôi bỏ xứ”. Chị Hoài khóc, người ta chớ đâu phải con cò mà hể qua sông là đứt lìa phần đời trước.

Rồi chị Hoài cũng tập thương chồng, thương không giấu giếm, ào ào như người ta bán thuốc sơn đông. Chị thôi không đứng tần ngần chỗ nhà chú Hết mỗi khi đi chợ về, thậm chí chị không thèm nhìn về phía ấy nữa. Chị Hoài nói với bạn “Bữa nay đi chợ mua mấy khúc vải về may đồ cho anh Thứ. Ảnh nói mặc đồ chợ cũng được mà tui đâu có chịu, người vợ biết đường kim mũi chỉ lúc nào cũng làm ấm lòng ông chồng, phải hôn nè...”. Giữa đường nói chuyện chồng con mà giọng chị Hoài lạnh lạnh, chừng như nhẩn với Hết, thôi đừng đi đâu hết, tôi quên anh rồi, quên thiệt, quên luôn, bây giờ tui thương chồng tôi lắm đây. Cho bỏ tội mê cờ, ghen.

Nhưng từ ngày chị Hoài lấy chồng, anh Hết đã không đụng tay vào quân cờ nào nữa. Anh hay ngồi nhìn bàn cờ mặt buồn rười rượi, mấy đứa nhỏ không biết, cứ rủ hoài, ừ thì chơi. Anh biểu tụi nó bày cờ ra, rồi tự đi quân, anh không nhìn, chồng mông vo gạo, một đứa nói vô pháo đầu ghen, anh kêu mã tấn. Tấn chỗ nào? Tấn giữ con chót đang bị con pháo rình đó, biết còn hỏi. Tụi nhỏ kêu, đây là kiểu “hiệp sĩ mù nghe gió kiếm”, đánh cờ mà làm công chuyện không ngưng tay, nói khơi khơi, cũng thắng.

Lụi hụi rồi bốn mùa gió bắc về kể từ mùa gió chị Hoài lấy chồng. Ba anh Hết thường chống đũa trên mâm cơm than ăn không vô. Anh hỏi ông thêm gì. Ông bảo

chắc tao gần chết rồi, tao thêm một thằng cháu nội. Hết lượng sượng mãi mới cười: “Trời, thêm gì ngất vậy, không biết con biết kiếm đâu cho tía bây giờ”. Tía anh Hết biểu lại đăng quán con Hảo lỡ thời mà kiếm. Mày giả đồ hoài, con nhỏ thương mày, ai cũng biết, chỉ mày là không. Anh Hết cãi, làm gì có, tía. Ông già đứng dậy, vậy phải thử. Nói rồi vung gậy đánh. Như mấy lần trước, anh Hết lại chạy lùng khùng ra sân. Rượt chán, ông già dứ dứ cây gậy vô mặt anh rồi tùm tùm cười quay đi. Ông già còn kịp thấy chị Hảo chạy lại vệt đám con nít ra, đưa anh chai dầu Nhị Thiên Đường, miệng xuýt xoa hỏi anh đau chỗ nào, giọng như người thân thiết trong nhà: “Làm gì mà để tía giận dữ vậy, lén chơi cờ phải hôn?”. Anh Hết không trả lời, cầm chai dầu còn ướt mồ hôi tay của chị. Đây đã là chai thứ chín chị cho anh, anh khẽ bảo:

- Hảo, tôi... cảm ơn.

Anh ngần ngừ sau chữ “tôi” hơi lâu, làm chị Hảo chờ muốn nín thở. Ôn nghĩa gì một chai dầu gió, nó chỉ làm anh hết đau ngoài da thịt, mà trong lòng thì còn mãi. Chị vậy Hết ơi!

Đâu có biết, chỉ tại chưa quên được. Anh chưa dám nhìn thẳng vô mắt Hoài để cười, chưa dám nựng nịu con của Hoài mỗi khi chị bông nó đi tiêm ngừa. Chưa thanh thản để chào nhau như một người bạn gặp một người bạn. Hảo có hiểu không?

Hiểu, nên tôi chờ đây nè.

Thêm một mùa gió bắc nữa, chị Hảo vẫn chưa lấy chồng. Ai lại cũng hỏi, chị chờ ai vậy cà. Chị bảo chờ người ta xức dầu Nhị Thiên Đường của chị mà hết đau, chờ người ta đánh cờ mà trong tâm “Viễn ly điên đảo mộng tưởng cứu cánh niết bàn”, chờ người ta thôi buồn khi đưa chót qua sông.

Nhưng mà chờ tới chừng nào lận?

Ai mà biết.

Mùa nay gió bắc hiu hiu lại về.

Truyện ngắn: LÀM MÁ ĐAU CÓ ĐỂ

Chị Diệu về quê khi đoàn cải lương Mưa Bình Minh đang giữa mùa lưu diễn. Nhớ nhà quá, không có cái gì làm cho bớt nhớ. Tàu ghé đập Bàu Mốp, chị lội một đỗi, gặp má chị đi đám giỗ về, má chị kêu: “Trời đất, con Diệu, sao đi về vào lúc này?”. Chị nghe muốn khóc.

Chị, con gái của má, rời nhà từ năm mười bảy tuổi, bây giờ đã bốn mươi. Chưa khi nào gió chướng mang cái ngọn ráo khô bay qua rạch Bàu Mốp mà chị về nhà, kêu má ra cửa sau, chỗ thơm bụng hương cau, nhổ tóc sâu, bảo sẽ ở lại nhà lâu, lâu lắm. Nên má cứ nhìn hồ nghi, có chuyện gì sao con. Chị cười cười không nói gì, hỏi con San đâu. Má chị bảo nó đi đón ghe khóm từ rẫy Thới Bình qua, mua về rồi chèo xuống dài dài xóm bán lại. Chị nuột ực nổi cay đắng vào lòng, “Sao má để nó đi, con nuôi hai người nổi mà!”. Bà già bảy mươi ba tuổi nhìn đứa con gái đầu bạc của mình, xót xa: “Bà cháu tao có cần tiền của bây đâu. Tao cũng cần hoài mà nó có nghe đâu. Tánh nó cũng cứng đầu cứng cổ hết bây, bây biết”.

Chị biết, bởi có lần về, con San mang trả những gói tiền chị đã gửi. Những gói tiền còn nguyên vẹn như còn dính mồ hôi tay chị, nó bảo: “Em cảm ơn, em với ngoại nuôi nhau được, chề đừng lo, chề có tuổi rồi, để tiền hờ khi bệnh hoạn” nghe khách sáo như người dung nói chuyện với người dung.

Chị sinh con San cũng ngay mùa này, gió này. Gọi là San, là vì khi Hoàng Bảo từ thành phố tăng cường xuống “Mưa Bình Minh”, chị Diệu với anh hát chung tuồng San Hậu. Chị yêu anh lắm, không ai còn có thể nghệ sỹ hơn thế, tất cả con người anh toát lên cái gì đó phong trần, phiêu lãng, thương không chịu được. Chị đặt tên cho đứa con đầu lòng là San vì tin rằng sẽ để cho anh thêm thằng Hậu, nhưng thằng Hậu mãi mãi không bao giờ có. San vừa tròn bảy tháng, để nó lại cho má, chị đi. Hôm đó nó đã bú cho thật no rồi, chị ép cho no nữa. Nó ngậm vú chị ngủ ngon lành. Đặt con xuống giường, chị còn thấy cái miệng nhỏ xíu của nó mút mút. Rồi từ đó chị không dám nhìn thêm lần nào nữa, sợ mãi mãi mình không thể nhấc chân đi. Mà chị thì không thể từ bỏ ước mơ của mình, trở thành cô đào hát nổi tiếng. Làm sao từ chối vai diễn đã từng chờ đợi, nàng Trung Trắc oai hùng trong “Tiếng Trống Mê Linh”.

Chị yêu vai Trung Trắc này biết bao nhiêu, người phụ nữ cũng có lúc dao động, mềm lòng khi chồng của mình đang nằm trong tay giặc. Nhưng rồi Trung Trắc vẫn mạnh mẽ đánh trống xuất quân, nước mắt bi hùng nhỏ xuống mặt trống vang lời ly biệt. Mấy hôm đầu, có lúc sữa xuống nặng, chị Diệu nhớ con quay quắt, chị muốn bỏ hết, về nhà vùi mặt mình vào làn da thơm tho của nó, nhưng nghĩ đến vai diễn của mình, chị ghì lòng lại. Đầu nè, Trung Trắc đâu có nữ nhi thường tình vậy.

Vở được đoàn đem đi dự hội diễn toàn quốc, năm đó chị nhận huy chương vàng, bắt đầu có một chút danh tiếng. Chị nguôi dần nỗi nhớ nhà, nhớ con. Chị bận lu bù với hàng chục, hàng trăm vở mới. Hồi đầu chỉ mùa mưa chị mới ở nhà lâu, giữ con cho má đương thúng, tưới trầu. Sau này trời mưa chị cũng phải đi học bồi dưỡng

nghiep vụ, chánh trị. Chỉ về khi trên đường đi lưu diễn, tiện đường ghé lại, nhiều khi con Phên còn chạy te te ra sữa. Có lúc thấy cái áo phơi ngoài sào, chị hỏi áo ai, má bảo, áo của con San chớ ai, chị cười, trời đất, nó lớn dữ vậy hả? Mà không biết mình đang hồn nhiên đứng bên đời, nhìn nó lớn...

San chưa bao giờ kêu chị Diệu một tiếng má. Khi nó biết nói nó bắt chước mấy dì, gọi chị bằng chế, xưng em. Dạy nó, nó lắc đầu nguây nguây, “Hong phải, chế Diệu hong phải má. Con Thấm mới là má”. Nghe lạ, hỏi lại, thì ra chơi nhà chòi, con Thấm đóng vai má con San. Tưởng lớn lên nó sẽ đổi nhưng có những tết gần giao thừa, chị gọi nó lại, biểu kêu má đi. Con San nhìn chị trân trân, tay vò vò vạt áo, nín thinh. Chị rút tiền ra biểu kêu má đi rồi cho tiền. Nó vẫn lặng lẽ đứng nhìn, hồi lâu, nó bảo, “em không biết xài tiền” rồi bỏ ra ngoài trước coi người ta đốt pháo.

Năm đó, nó tám tuổi. Giao thừa đang rộn rã ngoài kia, chị Diệu vô buồng ôm lưng má khóc. Má chị biểu “thôi nín đi, rồi từ từ má dạy. Mà, cũng tại mày...”. Nghe người ta hát câu “Con chim se sẻ nó đẻ cột đình. Bà ngoại đẻ má, má đẻ tụi mình...” tim chị quặn thắt. Dường như con San đang đòi món nợ tình thương mà ngày trước chị nợ má.

Chị Diệu bỏ nhà theo đoàn hát từ năm mười bảy tuổi, không cách chi mà giữ lại được, không cách chi chị quên giấc mơ xướng ca xiêm áo. Má bắt chị thề “Không thương người cùng giới nghệ sỹ. Không lấy chồng khi chưa qua tuổi hai mươi lăm”. Nhưng năm hai mươi, chị về nhà dập đầu lạy má, thưa rằng vì yêu, vì muốn giữ bên mình người chị yêu, chị đã mang đứa con trong mình.

Má giận quá, nói hồi đó phải tao sanh ra hột gà hột vịt còn có nghĩa hơn sanh ra con gái như mày. Giận vậy, nhưng thấy con mình khổ không cảm lòng được biểu “Thôi con, đừng thèm khóc, người ta hay hát, “Ví dầu tình có dở dang. Tự ên thiếp chống đờ ngang thiếp về”, con người ta nhắc lên được thì bỏ xuống được”. Rồi lụm cụm đi trồng thật nhiều sả, chăm chút những cây chanh, cây bưởi quanh nhà cho tốt lá, lột vỏ tỏi để dành xông cho chị sau khi sinh. Lòng má đau con mình đại dột, nó làm vậy là đẩy người ta có cái có ra đi chớ có níu được, ràng buộc được người ta đâu, nghệ sỹ mà, ít ai coi trọng chuyện gia đình.

Nhưng con San đâu có già được như má, đâu có trải lòng ra để tha thứ như má. Chừng mười, mười hai tuổi, nó nói với má chị “Má ơi, con không đổi chế Diệu để lấy tiền. Chế Diệu có cho má đừng lấy”. Mà chị chỉ biết ôm nó vào lòng, thở dài rồi rầy, “ngoại già rồi, con kêu ngoại bằng má hoài người ta cười bà già khú đế mà

còn có con muộn”. San thôi kêu ngoại bằng má nhưng tiếng má nó cất mãi trong lòng.

Nó lớn lên giống Hoàng Bảo như đúc, cũng gương mặt xương xương, cái mũi cao, đôi mắt to, hơi xếch, đôi môi mỏng, đỏ thắm. Nhìn nó, lúc chị Diệu nửa thèm ôm chầm vào lòng, nửa muốn xô ra. Nghĩ thương nghĩ giận người cũ, chị chỉ dám ngồi nhìn nó xa xa. Nên chị không hay nó lạ lùng hơn hết thầy con cái người ta. Nó ít nói, nhưng nói câu nào đáng câu đó. Có lần coi chị Diệu diễn Lương Sơn Bá, Chúc Anh Đài trên tivi, nó ngồi nghe ngệ trên mấy bao lúa chất giữa nhà, nghe mấy đứa bạn reo lên, má con San kìa. Nó nhếch mép cười. Tới đoạn Sơn Bá gặp Anh Đài ở nhà Chúc viên ngoại, biết rõ thân phận nhau, hai người âu yếm ôm nhau đính ước. Con San nói tỉnh bơ: “Ừ, ôm đi, ngoại à, vài bữa người ta đem một đứa nữa về cho ngoại nuôi cho mà coi”. Rồi tuột xuống cái độp đi te te vô buồng, biểu: “Con đi ngủ”. Nhưng ngoại san biết nó vô đó nằm khóc, vòng tay trù mền đó, có bao giờ chị Diệu dành cho nó?

Câu chuyện làm chị Diệu đau lòng. Chị Diệu sợ con mình cũng như người đời, đánh đồng vai diễn với diễn viên, hễ ai đóng vai ác thì ngoài đời cũng ác, tình tứ với bạn diễn nghĩ ngoài đời chắc họ cũng yêu nhau. Chị chọn những vai đào võ, rồi nổi tiếng với những nhân vật nữ tướng, tinh tế trong cái nhìn khinh bất, ngạo nghệ trước kẻ thù và cái chết, oai vũ trong từng động tác đá giáo, lăn tròn theo nhịp roi, đi gỏi...Ai cũng nói nếu con người ta có số sẵn (như giày dép vậy) thì số chị Diệu sinh ra là để sắm những vai nữ tướng.

Riết rồi những vai đào thương, chị Diệu không diễn được. Có những lần giỗ Tổ, đoàn giao cho chị đóng vai Tô Ánh Nguyệt trong trích đoạn gặp lại thằng Tâm, lúc con trai mình mắng mỏ một hồi rồi bỏ đi, Nguyệt kêu, “Tâm, con đuổi má sao con?”, Lệ Thủy diễn xé lòng xé dạ người ta là vậy, nhưng với chị, chỉ câu nói đó thôi sao mà khó khăn quá chừng, tiếng má, nửa đời người chị chưa được con gái mình kêu.

Nên trả lời phỏng vấn báo chí, chị hay tự trào là mình nghệ sĩ nửa mùa. Khi đi qua mùa nhan sắc của một cô đào hát, chị xin đoàn cho mình đóng vai hề mụ, chị bảo, “tôi hát nhiều năm, khóc hết nước mắt rồi, bây giờ chỉ đóng được vai hài”. Và chỉ như thế chị mới không phải sắm vai những bà mẹ, không phải nghe bạn diễn với mình gọi là má à má ơi mà lòng như cắt như đau.

Hôm rồi, đoàn về hát vở “Con Mê” ở chợ Ông Trang, chị đóng vai bà già bán ve chai. Vai nhỏ, chỉ cần quần khăn lên đầu tắt tả gánh cái gánh đi ra, gặp cảnh một

tên đầu gấu bức hiếp một cô gái nhà quê, bắt bình bà già ra tay nghĩa hiệp. Đơn giản thôi. Vậy mà lúc diễn, nghe cô đào trẻ Thu Mỹ trong vai cô gái nhà quê núp sau lưng chị thét lên: “Cứu con với, má ơi!” bà ve chai bỗng đứng khựng lại, buông vai, sững sờ, khóc. Thu Mỹ cũng gục đầu, nước nở. Khán giả không hiểu gì hết, Đầu Gấu thấy vậy cương mấy câu. MÀN kéo lại, ông phó đoàn kiêm đạo diễn quát văng nước miếng, “Tôi không sao tin nổi. Một người lúc nào cũng muốn thành diễn viên nổi tiếng, một người mấy chục năm trong nghề rồi mà ai cũng diễn như một đứa con nít ba tuổi”. Hai chị em buồn quá, hỏi Thu Mỹ sao cương câu đó kỳ vậy, cô khóc, “hồi còn ở nhà mỗi lần ba em say rượu, ông nghe lời má sau, đánh em dữ lắm, không ai bên, em chỉ biết kêu má, riết rồi quen”. Trời ơi, bọn nghệ sỹ mình, gạt bỏ đời đau, sống trọn lòng trên sân khấu, được mấy người?

Tan hát rồi, chị Diệu với Thu Mỹ ngồi mãi ngoài bến tàu bên bờ sông Ông Trạng. Gió lạnh thổi hiu hắt. Thu Mỹ thắc mắc: “Mỗi lần bị đòn đau, mỗi lần gặp chuyện gì buồn, em đều nghĩ đến má trước tiên, sao ngộ vậy chị?”.

Chị ngăn người ra, con San của chị cũng có khi gặp chuyện gì buồn, thế nào nó cũng nhớ tới chị mà chị thì xa cách nó ngàn phương. Vậy đâu có được. Đáng lẽ mình phải ở nhà, nghe nó thủ thỉ chuyện một cậu con trai nào đó hôm qua còn trêu chọc nó, biểu để lòng thương nó, hôm nay đã sắm cau trầu đi hỏi vợ khác rồi (Con gái mười tám tuổi hay nghĩ chuyện đó là chuyện buồn).

Sáng sau, chị lại xin phép trưởng đoàn, ông vừa đánh cờ vừa ờ, hờ hững. Chị đi từ giã hết thấy mọi người, ai cũng nghĩ rồi chị sẽ trở lại. Chị yêu sân khấu đến thế kia mà.

Chỉ Thu Mỹ biết chị sẽ không bao giờ quay trở lại. Đêm qua, chị ôm cô ngủ, chị nói, chị thương Thu Mỹ lắm, thương từ lúc cô mới vô đoàn, mười sáu tuổi đầu mà khuôn mặt đã già đi, dày dặn như con San của chị. Chị thương Thu Mỹ vì thấy cô giống hệt chị hồi đó, nồng nhiệt, tự tin, với tấm lòng trong trẻo tưởng rằng có thể thâm tóm được đất rộng, trời cao. Lúc nào cũng khao khát vinh quang nhưng không biết rũ bỏ nỗi đau riêng để hết mình trên thánh đường sân khấu. Chị nói chắc chị thôi nghề hát, về nhà làm con của má, làm má của con. Mặc dầu làm má khó hơn nữ vương, nữ tướng nhiều.

Nhất là với con San của chị, mười tám năm rồi mà vẫn dạ sắt lòng đinh. Vừa về tới, dựng cặp chèo ngoài hàng ba, nó cười, nói cái câu người dựng hay nói với người dựng:

- Ủa, chế mới về hả? Hồi sáng này em nấu nước, nghe lửa cười, biết thế nào cũng có khách, hông dè là chế.

Chị nghe niềm vui như ngọn đèn vừa bị thổi chao ngọn, San ơi, má là khách sao, má là khách à, con?

Chị chụp đứng dậy, bảo để chị đi nấu cơm chiều. Chị trầy trật nhen lửa, làm cho cả gian bếp ngói ngóp khói. Bốn mươi tuổi đầu, chị phải tập làm đũa con hiếu thảo, làm một bà má giỏi giang bằng nồi canh chua bông súng, mẻ cá rô tôm tích kho quẹt này đây.

Truyện ngắn: LÀM MẸ

Bây giờ chưa hết tháng ba nhưng mỗi tối từ chợ về, dì Diệu đã tranh thủ ngồi may đồ cho em bé. Đã biết là con gái nên bộ nào dì cũng dún bèo cổ, bèo tay, bèo lai áo . . . coi rất dễ thương ngộ mắt. Ban ngày, dì ra sạp vải, lúc nào có khách thì lo buôn bán, đo đất, lúc nào rảnh dì ngồi đơm nút, vắt khuy. Tay dì tần mẩn xỏ từng đường kim tí xú. Dì vừa làm vừa mủm mím cười một mình, rồi vui quá xá là vui, một mình vui không hết, dì Diệu khoe:

- Tui sắp có con gái rồi nghen.

Một người dòm lom com vô cái eo thon thả của dì rồi cười:

- Nói chơi hoài, có thấy bầu bì gì đâu?

Dì Diệu cười ngặt nghẽo, cười đến khi cái mũi thon thon xinh xẻo của dì ửng đỏ lên:

- Bốn mươi mấy tuổi rồi, bầu bì gì nữa. Tui xin con nuôi.

Mấy bà bạn bàn ra bàn vô, nói chuyện tò vò nuôi con nhện, chuyện con quạ nuôi tu hú nhằm lung lạc dì, nhưng dì Diệu vẫn khăng khăng chắc lòng chắc dạ, làm như dì đã thấy rành rành một tương lai chắc chắn rồi vậy. Thấy dì Diệu cười cười hoài, kiểu “chuyện của tui, chị em sao biết được”, thấy tức chết.

Đó thật sự là một bí mật của dì Diệu. Đứa bé sắp sinh ra là máu thịt của chú Đức, chồng dì Diệu. Chú Đức làm giám đốc văn phòng đại diện một công ty điện tử ở Cần Thơ. Chú làm việc xa nhà nhưng chưa bao giờ chú làm chuyện có lỗi với dì Diệu. Là vì chú Đức hiền hậu, chừng mực, mà cũng vì dì Diệu cực kỳ đáng yêu. Dì là loại người ít lo nghĩ, lúc nào cũng trẻ con, non nã. Dì ít giận ai mà có giận cũng mau quên. Chú Đức hay lấy tay ngoáy tóc dì, cười bảo:

- Em như con nít. Tới chừng anh lụ khụ rồi em vẫn chưa già.

Suốt nửa đời, dì chỉ buồn là không còn được có con. Năm chú cưới dì, dì khám bệnh phát hiện ra mình có một khối u nhỏ ở buồng trứng. Dì vốn không lo mấy, không biết ngày nó càng lớn lên. Đến lúc sức nhó trong bụng mình có bệnh thì là lúc đã đau quặn lên rồi. Đi bệnh viện, bác sĩ bảo cắt, dì nhoen cười, thì phải cắt, cắt để sống với chồng chớ. Rồi dì lạc quan lên bàn mổ. Không ai nói cho dì biết trước là sau ca mổ vĩnh viễn dì không thể có con được nữa. Dì nằm trong phòng hồi sức, nước mắt chảy về hai phía đuôi mắt ròn ròn, len vào tóc, ướt gối. Hồi nhỏ, em dì đông, tuổi thơ cơ cực, dì Diệu bông em chai hông, có lần dì ra ngoài đình, dì than, dì ghét con nít lắm. Có phải vì vậy mà trời phạt gì không hông biết. Dì Diệu buồn như ai rút ruột, dì khóc, biểu chú Đức thôi dì đi, sống chung mà không có con chỉ buồn thêm thôi. Chú Đức tỏ ra cứng lòng cứng dạ, cười xòa, chú sẽ ở bên dì suốt đời cho dù vợ chồng có con hay không có con. “Tìm đâu trên đời này một người vợ non nhuốt và trong trẻo như em để cho anh chở che mà em biểu bỏ nhau”, chú Đức nói vậy. Rồi từ từ dì Diệu cũng nguôi đi. Dì lại cười lại nói. Nhưng lạ cái, chuyện gì dì cũng mau quên, nhưng chuyện này rõ ràng quên không được. Trẻ con đi qua cửa lòng dì quặn lại, rồi nùi, rát như muối xát vào vết thương đang mở miệng. Chú Đức an ủi dì bằng cách mỗi lần về tặng cho dì một món quà. Có lần chú đem về cho dì một con sáo, nó ẽo ẹt:

- Má ơi, nhà có khách.

Mền ơi, dì Diệu nghe tiếng má mà nghe lịm ngọt trong lòng. Dì bảo dì không cần món quà nào khác ngoài một đứa con. Chú Đức tưởng dì nói chơi, cười sùi sụt:

- Trời đất, sao có được?

Dì Diệu tỉnh rụi:

- Mướn đẻ. Em đọc báo thấy người ta mướn đẻ nhiều lắm.

- Rồi làm sao anh còn dám nhìn mặt em nữa? – Nhìn vẻ mặt chú Đức rồi rầm, dì Diệu cười:

- Em thương anh hoài. Anh đâu có làm gì có lỗi với em. Kỹ thuật mới mà.

Rồi dì te tái xách mấy tờ báo cho chú Đức coi, dì nói thiệt dứt khoát:

- Lần này mà anh không chịu, em thôi thiệt. Anh thì công tác xa, em ở nhà có một mình, nghĩ tới con nít buồn đứt ruột.

Đó là mở đầu một câu chuyện được bàn bạc rất lâu, dài, căng thẳng. Chú Đức mất bốn ngày nghỉ ngơi, năm đêm thức trắng. Lần đầu tiên chú chiều vợ vượt quá sức mình. Chú tin là dì Diệu sẽ thu xếp chuyện sau này thật chu đáo, nhưng trong lòng cắn rứt vì nghĩ mình đã làm một chuyện trái lương tâm. Dì Diệu nằm kê đầu lên tay chú thở đều, ngủ ngọt lịm. Thì dì có gì nữa đâu, người mà dì muốn mượn cũng đã có sẵn rồi: Chị Lành.

Chị Lành lỡ thời, mập mạp, hích hạc. Chị sống trong khu nhà dì Diệu cất cho sinh viên thuê, nhưng chị không phải sinh viên, chị gánh nước múc. Hai bên vai chị thâm xám, vai gồ lên. Một ngày chị gánh non trăm đôi nước. Chị gánh dẻo như múa, đường dài, hẻm nhỏ mà không chao một giọt nước ra ngoài. Dì Diệu chọn chị Lành bởi vì chị hiền. Dì tin rằng người mẹ hiền sẽ đẻ con hiền. Mà, chị Lành cũng rất cần tiền để gởi về xứ. Má chị biên thư xuống bảo nhà chị bây giờ mỗi ăn gần sùm bà chè rồi, lúc này mưa, nước dội ngay bàn thờ ba, rầu thúi ruột. Má nói làm sao bắt thằng em út chị Lành viết y chang như vậy. Chị Lành đắn đo hoài. Chị cần tiền nhưng sợ chuyện sau này, sợ những mối thâm tình ràng buộc mình không tròn lời hứa với dì Diệu. Lại nữa sợ bà con người ta dị nghị, không chồng mà lại có con, bởi chuyện này, ai cũng muốn giấu cho thật sâu kín. Chị coi chuyện mình cần tiền với một đứa con như hai cánh tay. Cánh tay nào cũng quan trọng, biết chọn làm sao bây giờ. Nhưng khi chị nhìn thấy những giọt nước mắt rớt lộp độp xuống áo dì Diệu, chị cảm lòng không đậu, chị gật đầu. Hồi nào giờ có bà chủ nhà nào tốt với chị như Dì Diệu đâu.

Cuối cùng thì chị Lành cũng đã trở thành người nhà dì Diệu. Dì thương chị như em gái ruột của mình. Mà, không thương sao được, nghe xóm giềng xầm xì chuyện chị Lành không chồng mà lại có con, lòng dì Diệu đau lắm, dị nghị, vậy là tai tiếng, khổ sở cả một đời con gái người ta. Không thương sao được, khi chị Lành thay dì chịu hết cơ cực khi có con. Mới hai tháng, khắp mình chị đã nổi sảy sần như giề com cháy. Hai bên gò má da bắt đầu nám xám đi. Chị không ăn được gì nhưng lại thèm đủ thứ. Dì Diệu biểu chị muốn ăn cái gì dì Diệu sẽ mua cho. Chị thèm thịt trâu luộc com mẻ, dì Diệu mới đem về tăng lằng tịu lịu trong bếp, chị Lành đã bắt mùi com mẻ ối sấp ối ngứa. Dì Diệu thương tới rơi nước mắt. Tận đáy lòng chị Lành biết rằng dì Diệu thương chị thiệt tình như một con người với một con người chứ không phải vì đứa bé chị mang trong bụng. Dì Diệu bắt đầu chuẩn bị cho một đứa con ra đời. Dì mua mấy tấm hình em bé về dán trong căn nhà chị Lành. Đứa nào đứa nấy ứ na ứ nần, thấy cưng không chịu được. Dì biểu chị Lành phải siêng nhìn để sinh con ra nó sẽ xinh đẹp như thế. Chị Lành thắc mắc:

- Giống trong hình làm chi, giống ba giống má nó là được rồi.

Dì Diệu ngẩn người, ờ, dì bắt đầu nghĩ, đứa bé sinh ra sẽ giống ai, giống chú Đức đẹp người, giống dì trong treo, trẻ trung hay giống ...?

- Nó sẽ giống cả ba người.

Dì chắc chắn như vậy.

Chị Lành thường lén trốn dì Diệu đi gánh nước. Hồi chưa có bầu thì gánh đầy, bây giờ gánh lưng thùng. Chị muốn gởi về cho má nguyên số tiền đó mà không mẻ một đồng nào. Bây giờ, có con, chị thương má nhiều thiết nhiều. Dì Diệu có hôm dọn hàng về sớm, thấy chị Lành vất vẻo đôi thùng trên đường mà lòng xót xa:

- Con của chị em mình giờ là cục máu mỏng manh lắm, em làm vậy không được đâu.

Chị Lành rân rân nước mắt cái câu “con của chị em mình”. Dì Diệu dỗ, “em mà khóc hoài, em bé sinh ra mặt sẽ buồn cho mà coi”. Rất nhẹ và dịu dàng, lòng hai người đàn bà tự dưng chỉ nghĩ về chỗ đứa con.

Dì Diệu bắt đầu mua sắm, từ cái núm vú da cầm tay tới bình ủ sữa, chiếu manh, nệm trẻ con, mừng chụp. Rảnh rồi, dì ngồi mơn man mấy món đồ tưởng như đã thấy được đứa bé con ngo ngoe hai bàn chân nhỏ trên cái trường kỷ nhà dì. Chú Đức mỗi lần về lại thấy một mớ đồ trẻ con chất ngồn ngộn ở trong phòng. Chú đọc trong mắt dì Diệu một niềm khát khao hừng chín. Chú thấy mình vui đi mỗi bận tâm trong lòng, đôi lúc chú cũng thèm muốn chết một đôi chân lấm dẫm của trẻ con. Chỉ mỗi một chuyện, chú ngại gặp chị Lành. Chị cũng mắc cỡ khi gặp chú. Cho dù không đụng chạm gì nhau để có con nhưng suy tận cùng, cái quý giá, kín đáo của chú Đức đã nằm trong bụng chị. Trời đất ơi, mặt mũi nào mà nhìn người ta. Chị Lành vẫn còn nguyên con gái đó chứ.

Và khi tháng Ba đi qua, đứa bé bắt đầu báo hiệu sự sống. Chị Lành khoe:

- Nó đạp rồi, chị Diệu, nó đạp đây nè.

Dì Diệu hớn hở vén bụng chị Lành lên, dưới làn da căng mẫn, đứa bé con chòi đạp rồi rít. Chị Lành cười giòn:

- Nó mạnh quá chị ha?.

Dì Diệu cười, rồi làm như một cơn gió từ đâu xộc tới, tìm dì riết lại một nỗi đau. Dì thêm biết bao nhiêu cái cảm giác che chở cho một sinh linh sống trong mình, để

được thêm tới cùng, tới chảy nước dãi món ngọt, món chua, để có thể cảm nhận từ trái tim chứ không phải bằng bàn tay đôi bàn chân bé bỏng quẫy đạp bụng mình thon thót. Đó là những thứ cảm giác thiêng liêng không vay mượn, thuê mướn được: cảm giác làm mẹ. Dì bắt đầu lo lắng, mình đã làm một việc đúng không.

Chỉ còn một tháng hai mươi ngày nữa, đứa bé sẽ ra đời. Dì Diệu tính từng ngày, từng bữa. Chị Lành tính từng ngày từng bữa. Người trông cho mau, người trông đừng bao giờ đến. Dì Diệu cố quên cái vẻ mặt buồn bã, van nài của chị Lành. Chị biết, khi đứa bé khóc ngoe ngoe cất tiếng khóc chào đời, là chị với nó sẽ phải chia lìa. Hợp đồng đã ghi rõ ràng như vậy. Chị thấy thương mình, thương con và thương dì Diệu. Chị rồi rít ăn, rồi rít ngủ vì biết rằng mai này rồi chẳng còn nhau . .

.

Một sáng, chị Lành biến mất.

Dì Diệu kêu chú Đức về, nước mắt rùng rùng khi thấy bóng chồng qua cửa. Chú đau lòng bảo thôi bỏ đi, dì Diệu cãi, “em bỏ không đành, anh à”. Chú cũng thấy rằng bỏ không được. Máu mủ ruột ràng mình mà bỏ sao được. Hai người đi tìm xơ bơ xác bác. Không có, không gặp. Dì Diệu về quê, bà mẹ già chị Lành tay run bần, vừa đau vừa xót.

- Vậy ra nó không nói gì với cô sao? Tui hay tin nó hư hỏng, tôi từ nó rồi, tui tính bỏ nó luôn, nhưng thiệt tình tui thương nó lắm, phải nó về, tui cũng nuôi.

Dì Diệu lau nước mắt cho mẹ chị Lành, lòng nghĩ, làm sao mình lại để ra nông nổi này. Dì không tiếc tiền của, sông sức, dì cũng không tiếc tình thương dồn đắp cho chị Lành, dì chỉ cảm thấy xót xa cho mình “làm người thì ai lại đi giành con với người ta”, dì luôn dặn vặt vậy.

Dì Diệu bỏ sạp vải tới ngày chạy xe long rong ngoài đường để may ra tìm được bóng người ...

Khi đã không trông chờ gì, một ngày, khi mở cửa, dì Diệu nhìn thấy chị Lành đang ngồi ngoài hàng ba và khóc.

Những người có tình có nghĩa, dễ gì bỏ được nhau.

Dì Diệu cắn cho môi vằn đỏ máu răng, dì ôm chị Lành vào lòng rất chặt. Dì cảm nhận được từ trái tim bàn chân bé bỏng của đứa bé đang lòi chồi. Nó háo hức nằm giữa hai tấm lòng của hai bà mẹ.

Dì Diệu đi lấy tờ hợp đồng ra và đốt cháy thành một tờ tro mỏng. Đôi khi người ta hay bày chuyện này chuyện nọ để làm xao động cuộc đời đang hết sức yên bình, lãng nhách vậy đó...

Truyện ngắn: LƯƠNG

Lương chèo đò mướn năm mười hai tuổi. Nhà Lương nghèo, chỉ là cái chòi rách tả toí, từ ngày đi theo đò. Lương ăn, ngủ trên bến đò, nên nhà đã bỏ hoang hẳn. Suốt ngày quần quật trên sông mà bộ mình đã khăng khiu chỉ độc cái quần tà lòn dính đầy nhựa trong của thời làm sai vặt ở các trại xuồng. Lương không cha, má chết sớm nên cái quần dãn dây thun không ai may lại, nó tuột luột mỗi lần Lương thót bụng rướn người trên đôi chèo.

Bây giờ cũng còn vài người nhớ dai nhắc hoài cái tướng Lương hồi đó. Bây giờ Lương ba mươi hai tuổi. Anh đã chèo hết thấy chín xác đò. Bến đò Đậu Đỏ qua xóm Miếu sang đi nhượng lại qua tay bốn người chủ. Mà, Lương vẫn còn nghèo. Lương khỏe, nghèo, cực nhưng vui lắm. Ngày trăm lượt chèo nát mặt sông từ bến xóm Miếu qua bến chợ, anh chứng kiến biết bao nhiêu thay đổi cuộc đời, người xóm Miếu già đi, những thằng con trai, đưa con gái lấy nhau sinh ra nhiều thiệt nhiều đứa trẻ. Và những đứa trẻ lớn lên...

Chỉ Lương là già càng già các, già cóc thùng thiếc rồi mà chưa lấy vợ. Hỏi Lương, Lương cười hì hích: “Tui xấu muốn chết, ai mà thèm ung...”. Lương xấu trai thiệt. Tướng Lương nhỏ xiu, teo héo. Đầu to, tóc dày, cứng, cháy nắng. Một bên mắt lé xệ. Ai cũng cười: “Cái thằng, mày chèo mà không ngó đằng trước, ngó đâu trật lất vậy?”. Lương không giận tựa như không biết giận. Cái thân nhỏ mòm côi mòm cút, nghèo xác xơ mà bày đặt giận cuộc đời thì làm sao sống nổi. Suốt ngày Lương hếch miệng ra cười, làm như vui, làm như không, khó nắm bắt. Trong Lương như một người trí não chậm phát triển. Lương khoái cặp mắt mắt đoàn kết của mình lắm, người ta nhìn anh biết, chứ anh mà nhìn lại, người ta tưởng anh ngó đâu đâu.

Bông cũng bị Lương nhìn như vậy. Nhà Bông cũng ở bên xóm Miếu, gần chòm mả Tiều. Lương biết Bông từ hồi Bông còn đi học. Bông mê đi đò, lần nào nó cũng năn nỉ Lương lén bà chủ bến cho nó ăn gian thêm mấy bận nữa. Nó ngồi đằng mũi xuồng, thò chân xuống nước quậy quậy chơi. Lương bảo dưới sông nhóc cá sấu, Bông tin liền. Sao mà Bông dễ tin vậy. Ngày nào, Bông cũng mặc chỉ một cái áo trắng bằng vải soa lông vịt, chiếc áo hơi ố vàng, rộng thùng thình. Tan học, Bông cùng một bầy em lít chít đi mót cây vụn ở các trại xuồng về nấu cơm. Má nó có một chiếc xuồng cũ, hai bên be bề như cá chột ria, vớt bọc dưới sông. Ba nó đi

nhậu, nhậu xong về đánh má con nó. Lớn lên, mỗi lần qua đò, Bông thôi vọc nước nhưng đắm đắm nhìn ra xa. Con sông Thủ đến ngã ba Vàm bỗng cuộn cuộn quấn đầu khi hoà sông Gành Hào ra biển.

Bông lớn mau lắm. Chuyện đó không biết có mắc mớ gì mà tự nhiên Lương khoái soi mình xuống sông, những khi vắng khách, Lương ngồi mằn mằn lấy còi mấy hột mụn trên mặt. Lương than với bà Tư, chủ bến “Lúc này đi thấy tui đen không?” Bà Tư cười,” Chà, hỏi kiểu này chắc biết làm điệu rồi. Muốn vợ hả? Mày ráng dành dụm tiền, mai một có vợ rồi tao sang lại bến đò cho mà làm ăn”. Con mắt lé thờ ơ nhìn chỗ khác, nhưng con mắt còn lại thấp lửa lên. Mắc mớ gì Lương nghĩ tới Bông.

Bông thôi học. Bữa cuối tan trường, qua tới bờ xóm Miếu, Bông không chịu lên, nó biểu Lương cho nó đi thêm bận nữa, từ mai nó đã thôi học rồi. Từ mai, nó vẫn qua đò, nhưng nó đã khác, con Bông đã khác.

Con Bông đã khác. Buổi sáng, Bông mặc áo rách qua chợ, buổi chiều về. Trên mình là váy ngắn, áo yếm, vai quàng hờ hững hai cái dây nhỏ xíu có cũng vậy mà không có cũng vậy, vịn hờ cái áo khỏi tuột xuống. Bông hỏi Lương: “Thấy tui đẹp hôn?” Lương hếch miệng ra cười: “Đẹp dữ dần luôn”. Bông lườm một cái rồi hất mặt đi, “Đẹp khi khô gì, tui đâu có ham”. Bông bước lên bờ, đập đập mũi đò ra.

Đám em Bông mặc áo mới tới trường. Má Bông sắm được chiếc xe đẩy bán bánh mì thịt dài dài qua các hẻm. Ba Bông đi nhậu về, đã ngủ rất say.

Người xóm qua đò xầm xì Bông đi bán bia bên cầu, quán “Đêm sâu”. Bốn giờ chiều, Lương đưa Bông qua chợ. Bông nói giờ đó quán chưa có khách đâu, nhưng con mẹ chủ bắt phải mặc quần lửng ngồi ngoài băng đá đằng trước quán. Một bầy con gái ra đó giả đò ngắm mây trôi, coi xe cộ qua lại chơi nhưng thật ra là để chào hàng. Bông trở về lúc hai ba giờ sáng, quần áo xốc xếch, tóc mai dính bết vào khuôn mặt đậm đà son phấn. Đôi mắt dại đi vì say, vì mất ngủ, người sềnh sệch mùi bia, đến nỗi Bông ngồi gần, Lương hít hơi men muốn xỉu luôn.

Lương ăn trên sông, ngủ trên sông nên không biết ở phía bờ, người ta đưa đẩy cuộc đời Bông như thế nào. Nhưng thế nào thì Bông chắc cũng giã giũa, quận đau như nước ở ngã ba Vàm vậy. Bởi vì Lương tin Bông, Lương hiểu Bông mà.

Dăm bữa, Bông rút trong áo ra một nắm tiền, xèo ra tròn như chiếc quạt, phơ phất mát mặt Lương, Bông cười,”tui giàu rồi”. Lương lắc đầu, Bông biểu Lương chèo đi, chèo hết đêm nay. Lương chèo trong những ánh đèn hắt ra từ hai bên bờ xóm

chợ. Bông nhìn ra sông, cái nhìn vẫn buồn như lúc trước nhưng nó đã đánh đi, chai lì đi. Lương nhìn mà Bông đâu có hay. Lương hỏi Bông bộ tính làm như vậy hoài sao. Bông cười, chừng nào có người cưới tui. Lương hỏi, “Xấu xấu Bông chịu không?”. Bông cười, “Thân tui gì còn kén chọn nữa, khùng?”.

Lương mà khùng? Hồng dám đâu. Lương ngồi gầy tay, gãi đầu hỏi bà Tư coi bà còn nhớ lời hứa hồi trước không, bà cười, “Nhớ, nhớ chớ sao không? Tiền mầy gởi tao, dư sức qua cầu rồi”. Nhưng bà không biết đâu, Lương còn nhiều dự tính nữa, anh muốn cất lại căn nhà đã bỏ hoang lâu rồi. Lương muốn đóng một chiếc đồ mới, cần vỏ xe quanh be, lắp dầu trong, cho từng số gỗ đỏ au au.

Lương đi xin cây vụn về để sẵn dưới sạp, rảnh rảnh, anh lấy ra, cưa đẽo đóng một cái hộp đựng tiền nho nhỏ, nhiều ngăn. Ngăn đựng giấy bạc hai trăm, năm trăm, ngăn đựng giấy bạc một ngàn. Lương mua giấy nhám về đánh cho nó bóng lên, rờ tay cho mát rượi. Lương giấu nó đi để khỏi ai trông thấy, sợ người ta hỏi tới hoài. Lương nói thiệt, người ta cười, bảo Lương cầu cao ... Mắc cỡ lắm. Mà, anh còn chưa nói với Bông.

Nhưng Bông đã nói trước, Bông khoe, “Chắc tui bỏ nghề, tui lấy chồng”. Lương rá mái chèo cho đồ cặp bến, Lương hỏi Bông lấy ai? Bông cười: “Cái ông hồi nãy đưa tui về”. Lương muốn sụm bộ giò, lặng người mà miệng vẫn cười hích hặc, “Sướng nghen”.

Ông già vẫn thường đưa Bông về xóm Miếu. Người ta nói, con Bông ham giàu nên ráng kêu ông ngoại đó bằng anh. Bông giãi cái cười của cuộc đời lên đôi giày cao hai tấc, đường kính gót một phân. Bông chờ ngày lấy chồng.

Nhưng bà già, vợ ông già không chịu, bà lừa bày con qua nhà, rọc nham nhờ mái tóc dài của Bông, xé quần áo, lột sạch những món đồ trang sức Bông đang đeo. Chuyển về, đám người đó qua sông. Lương trừ trừ chờ canô chạy qua rồi nương theo sóng lớn nhận chìm đồ luôn. Bà già suýt chết đuối, may nhờ Lương ngoi ngóp kéo lên bờ. Bà vừa níu Lương vừa chửi: “Đồ không có văn hóa, đồ thất học”. Lương cười hề hề, sao bà chửi câu nào trúng câu đó vậy.

Bông biết chuyện, Bông nói trong ngân ngân nước mắt “Làm chuyện đó chi vậy, Lương? Của người ta thì trả lại cho người ta đi. Sao mà tui dễ tin người quá vậy không biết”. Lần đầu tiên, Bông gọi Lương theo đúng tên của anh chứ không kêu “khùng”, kêu “đồ” nữa. Lương sượng tê người đi. Bông ngồi chỏi tay ra ngoài sau, ngẩng mặt lên nhìn Lương như chị Hai nhìn thằng Út, như con chó Vá nhìn đồng thóc.

- Tui biết anh thương tui mà, Lương.

Lương cười. Khuya đó về, sông vắng. Lâu lâu mới có một chiếc xe chở cát, chở dầu tạch tạch đi qua, ánh đèn đỏ lờ mờ xa xa như ánh nến. Bông biểu có thương Bông thì ngồi lại gần Bông đi. Nước đứng rồi, đò có trôi đi đâu mà sợ. Hai đứa ngồi một bên be xuống, nó nghiêng nghiêng lơ lửng. Bông biểu Lương nắm tay nó đi, Lương không dám, hai đứa cách nhau chừng bốn gang rưỡi. Lương nín khe hồi lâu rồi thở ra:

- Gió mát thiệt, hen?

- Lương!

- Gì?

- Ôm tui đi.

- Ý trời, người ta dòm.

- Thây kệ họ. Ôm tui đi

- Thôi

Bất thần, Bông xô Lương té ngựa xuống nước. Đợi Lương vệt đám rác trôi lều bều, trôi đầu lên, Bông hét:

- Chê thân tui dơ dáy, nhơ nhớp nên không dám động vô tui chớ gì. Vậy mà thương tui sao? Đồ xấu xí, đồ khủng.

Lương vịn một tay vô be xuống, một tay vuốt nước trên mặt. Trong lòng anh nghĩ rất nhiều mà không nói được lời nào. Anh khờ khạo không có năng khiếu nói, lâu rày anh chỉ biết cười. Lương mà khủng? Lương chỉ không muốn mình giống như bao thằng đàn ông khác, nhìn Bông như nhìn một món đồ chơi. Bông là Bông, là con gái, là người.

Sau này, Bông dừng dừng qua đò như chưa hề có cái đêm hôm đó. Bông đi với một thằng con trai mới. Thằng này để tóc năm năm nên Lương kêu nó bằng “Năm-năm”. “Năm-năm” trẻ măng, quần áo thơm, đầu tóc thơm, chiếc xe phân khối lớn nổ tề tề ra đám khói cũng thơm. Bốn giờ, “Năm-năm” đón Bông ở đầu bến đò. Nó hất mặt hỏi Lương có biết Hồng không? Lương nói Lương chỉ biết Bông thôi. Lòng anh nghĩ, dù là Hồng, là Mai, là Cúc thì vẫn là Bông. “Năm-năm” cười sùi sụt: “Ông nội này cù lần thiệt”. Bông qua sông đi rồi. Mấy bà già đi chợ về nguyệt muốn rách đuôi con mắt:

- Con gái con đưa gì mà ngồi vênh phao câu, thấy ghét.

Lương lặng lẽ cười. Anh đưa Bông đi rồi chở Bông về. Kỳ cục, Lương không biết rằng mỗi lần thấy Lương đại miệng kéo răng ra cười là lòng Bông quặn đau. Bông muốn nhìn thấy anh buồn, thấy trong mắt anh lộ ra một cái nhìn ghen tức. Nhưng Lương không được thông minh lắm, Lương không hiểu. Lương khùng.

Lương không ngờ. Chiều đó anh đưa Bông tưới hồng qua sông, sáng hôm sau má Bông với đám em qua đò, mếu máo:

- Con Bông nó bị tai nạn.

Nghe nói Bông bị thương trong lúc đua xe cùng “Năm-năm”.

Nghe nói cột sông Bông bị tổn thương nặng. Một nửa chi dưới đã bắt toại.

Lương chỉ nghe người xóm Miếu qua đò nói lại. Lương không bỏ đi đâu được đôi chèo. Lương không rành cái gì ngoài cái bến, dòng sông, đất đai xóm Miếu. Lương ngồi tưởng tượng ở trong bệnh viện chắc Bông buồn lắm. Lương chờ Bông về.

Bến đò xóm Miếu thay đổi chủ. Lương vẫn mãi miết chèo qua chèo lại, càn lên dòng chảy, lên sóng nước mà đi. Bông ngồi trên bến thu tiền. Nó vuốt phẳng phiu từng tờ giấy bạc lẻ nhàu vào từng ô của chiếc hộp Lương đóng ngày xưa. Người không biết qua bến nhìn Bông xinh đẹp tưới hồng rồi nhìn vẻ mặt già hóp của Lương mà lòng tiếc hùi hụi, tiếc đôi lứa mọc với cái mâm son, tiếc bông lài trắng với bãi cút trâu xanh. Người biết chuyện cười Lương khùng, cuu mang một đứa con gái lỡ làm còn thêm chuyện không còn khả năng làm vợ.

Nên bên kia chợ người ta gọi bến này là bến Đậu Đỏ, bên này bờ xóm Miếu, người ta kêu bến “Lương khùng”.

Truyện ngắn: MỘT DÒNG XUÔI MÃI MIẾT

Bữa nhậu gần tàn. Kim đã uống gần hết một lượt để từ giã ra về thì có anh thanh niên hào hển chạy lại hỏi thăm anh Kim nhà văn, còn dò đi hỏi lại có đúng là Kim viết mấy cái truyện về về những người chăn vịt mới được đọc trên đài. Kim gật đầu. Anh ta cười cái phào:

- Vậy thì may quá. Tôi tính xong mùa lúa này sẽ lên trên tìm cho được anh. Vợ tôi cứ biểu hoài...

Kim ngờ ngợ, không biết mình có dây dưa chuyện gì với vợ chồng anh chàng này đây. Anh hỏi, “Tôi giúp gì được cho anh?”. Anh chàng nọ ngần ngừ nhìn quanh rồi

hỏi “Tôi có thể nói chuyện này cho một mình anh nghe được không?”, Kim đại gì mà không gặt đầu, ở lại, dễ gì rứt một cái có thể rời khỏi chiếu nhậu.

Vậy mà cũng xà quần cả buổi, chờ cho anh chàng nọ uống cháo sên hết cả thấy chín ly rượu trắng mới đi được. Hai người xuống cái bến bùm xùm những lùm đậu cộ, Kim chờ tàu Khánh Hội lên .

- Anh viết mấy cái truyện chăn vịt hay thiệt, sành sỏi như người trong nghề, nghe bắt mê. Chắc anh đi nhiều chỗ, gặp nhiều người lắm. Tôi đang suốt lúa, nghe có nhà văn Trần Kim về Rạch Giồng để viết về vụ hè thu, tôi bỏ dãi chạy ra đây. Không biết anh nhà văn có biết người nuôi vịt chạy đồng nào tên Sáng, trạc ba sáu, ba bảy tuổi không? Dà, vợ tôi nó trông gặp anh Sáng này tới mỗi con mắt nhưng trời đất mệnh mông, tôi hỏi cùng khắp rồi, mà chưa thấy tăm hơi đâu hết. Chuyện của ba người chúng tôi cũng dài lắm anh à, anh biết, hai người với nhau thì dễ, thêm người thứ ba rắc rối lắm.

Tôi không biết quê Sáng ở đâu, mấy lần nghe loáng thoáng ở An Bình, Phước Long gì đó. Mùa gặt năm nào anh cũng xuôi ghe chở bầy vịt đôi đồng về xóm Rạch Giồng này. Rồi cắt cái chòi lợp bằng lá chuối, quây lưới cầm vịt trên khúc đê trồng so đũa. Từ chỗ này, mỗi ngày anh lang thang lùa vịt đi ăn khắp cả vạt đồng, qua tới vườn xóm Lung. Tới khi người ta bừa đất chuẩn bị sạ vụ mới, Sáng lại ra đi.

Tôi thường trông Sáng mỗi khi mùa lúa mới về. Hai mươi hai tuổi, ông già tôi đã giao cho cái máy suốt Bình Thủy, hể lúa chín là tôi tha thủi một mình ngủ giữ máy giữa đồng khơi. Anh nhà văn không biết chớ, ngủ trên đồng buồn thê thiết lắm. Gió thì hiu hắt, gió thổi rơm rạ tả tơi, trời sao vắng vặc, đất mệnh mông. Đang thèm hơi người nên gặp được ai là thương, là quý ngay người ấy. Vì vậy mà tôi quý Sáng. Những đi cho vịt đi ăn xa, chàng vạng không về kịp, Sáng cũng hay cầm vịt giữa đồng, hai đứa tôi ôm rơm tùm lại nhóm lửa, đánh bài tiến lên, uống ít ly cho ấm người. Xong rồi ca khơi khơi vài câu vọng cổ. Tôi hay hỏi Sáng chuyện đồng bãi mùa màng này nọ, về những nơi mà anh đã đi qua. Sáng lớn hơn tôi chừng năm tuổi nhưng anh già dặn, chừng chạc trăm lạng hơn tôi, hơn cả tuổi của anh nhiều. Ban ngày, anh hay lội lại, khi thì xoắn tay xách lúa tiếp, lúc cho máy ăn để chúng tôi lua vộ bữa trưa, có khi giúp vác cái thùng suốt lội rông rã mười công đất gò. Tôi ngại lắm, nhưng Sáng chỉ cười, “Một mình cũng buồn, tôi phải kiếm một việc gì đó để làm để khỏi phải mơ biến thành vịt”.

Ai sống một mình cũng buồn hết, anh nhà văn à. Nhưng Sáng ngon hơn tôi nhiều, anh kể đã nuôi vịt chạy đồng bảy năm. Tính ra thì cỡ mười lăm, mười sáu tuổi anh đã dầu dãi giang hồ. Tôi ngẩn ngơ, “Sao ông hay vậy? Sống một mình? Tôi mà lúc cục một mình trên đồng khơi thế nào cũng điên”. Sáng cười, nhiều người ở cạnh tôi lắm chứ. Ai đâu. Không có ở đây, nhưng tôi luôn nghĩ về họ. Tôi hỏi Sáng nghĩ tới ai. Sáng chỉ cười. Anh để ý coi, những người ít nói thì hay cười, không phải vì vui mà vì để khỏi trả lời. Rồi tự nhiên Sáng hỏi ngược lại rằng tôi đang nghĩ tới ai.

Tôi nói tôi nghĩ tới Xuyến, tên của vợ tôi bây giờ. Cùng xóm mà, thương lúc nào cũng không nhớ, có thể hồi mười bảy hay hai mươi hay chừng tám chín tuổi gì đó... Tôi nói thiệt, hồi thương cô, tôi lội tới lội lui thiếu điều sạt bờ đê nhà ông già vợ. Tới lúc chiêm bao cũng thấy Xuyến là đậm lắm rồi. Mà chiêm bao ngộ lắm, lặp đi lặp lại hoài cũng cái cảnh tôi nắm tay em Xuyến xuống bến, nhưng không có chiếc xuồng nào, chờ một hồi thấy có người bơi lại, không thấy rõ mặt (thường thì chiêm bao ít thấy rõ mặt người), chỉ thấy cái lưng hơi khom, vai bè bè... giống như Sáng vậy, tới đó rồi thôi, giấc mơ đứt đoạn. Tôi kể cho Sáng nghe, hơi hồ nghi “Sao trong câu chuyện của tôi và Xuyến lại có ông vậy ta?”. Sáng chỉ cười, cái cười làm tôi quên mau, chuyện chiêm bao mà.

Sáng cũng biết Xuyến, chỗ anh cầm vịt ngang với hậu vườn nhà Xuyến. Sáng hay qua nhà uống trà, nói chuyện mùa màng chơi với ông già vợ tôi. Có bữa anh nằm tâm sự, “Cứ mỗi lần cặp ghe vịt vô bến thấy thím Hai khum cái tay che nắng hỏi ai in thằng Sáng, thấy cô Xuyến chạy ra cửa nhoẻn cười thấy lòng vui như được trở về nhà”. Cũng nghe nhiều người thắc mắc, thằng Sáng chắc có gì với con Xuyến, chứ không sao năm nào cũng cầm vịt ngay trên chỗ đó, năm nào cũng mua cho Xuyến khi thì khúc vải, lúc là cây dù... nhưng tôi ý y, cũng biết bao nhiêu người lui tới nhà Xuyến rồi, thấy tôi mài miết còn chịu hồng nổi dạt ra. Sáng thì một năm ở đây chừng ba mươi bữa, tôi đâu có ngán. Với lại tôi tin Sáng lắm, chính anh biểu tôi chỗ đó được, bước tới đi. Tôi bước tới.

Bữa nay, anh nhà văn về gấp quá, nếu không thì lại nhà tôi chơi, cho biết mặt vợ tôi. Cổ đẹp, giỏi mà hiền lắm. Hiền nhưng làm toàn chuyện động trời. Tôi bị một lần, bây giờ đang ngủ nhiều lúc còn bàng hoàng thức dậy, ngồi coi có đúng người nằm cạnh mình là Xuyến không.

Có lần, Xuyến băng đồng tìm tôi, cổ khóc, đã lỡ thương người khác rồi, nên không thể làm đám cưới, không thể lấy tôi làm chồng. Không có đám cưới nào vào rằm tháng Chạp này.

Anh nhà văn không biết cảnh này đâu. Tôi ngồi chết lặng. Cay đắng, bở ngỡ, đau đớn, bàng hoàng không sao tả được. Có gì bằng vợ sắp cưới của mình lại hồi hôn. Tôi cứ ngồi lặng, đầu thì tăm tăm cái câu hỏi, “Vậy là sao?”

Đâu biết. Tôi hỏi Xuyên vậy chứ em đã thương ai. Xuyên trả lời, “Anh Sáng”. Tôi thuận miệng hỏi bừa “Sáng nào?”, Xuyên nhìn tôi, “Anh biết mà...”.

Sao lại là Sáng?

Sao lại là cái người mà mới hôm qua thôi tôi còn rủ anh ở lại dự đám cưới, còn nhờ anh làm chú rể phụ cho bữa đó tôi đỡ run. Sao anh lại nhận lời, rồi bây giờ...?

Dung không tôi mất đi hai con người mà mình thương yêu nhất, đau lòng vậy mà Xuyên còn thút thít, “Anh đừng giận anh Sáng mà hại anh, tại em hết, chứ anh có nói gì đâu”. Dường như Xuyên đọc được trong mắt tôi những tia hằn học. Nhưng mà tôi đâu có tử tế, cao thượng dữ vậy, tôi không giận Xuyên, thương quá, không thể giận, nhưng Sáng thì khác...

Mà, anh nhà văn nè, theo anh thì con vịt nó có sinh mạng không? Bà nội tôi nói cỏ cây cũng có sinh mạng vậy là đúng? Anh biết không, có lần vì nóng giận mà tôi hủy đi cả thảy một ngàn hai trăm mười bảy sinh mạng. Anh nhà văn sừng sốt hả, ghê quá phải hôn. Tôi lúc đó cũng vậy, cũng cảm giác như mình đang gây tội ác.

Tôi nhớ hoài cái cảnh mình đứng trong một buổi sáng đầy sương. Xung quanh tôi vịt nằm chết sắp lớp, không khí nồng nặc mùi thuốc trừ sâu. Tôi giở một con vịt lên, dưới đôi cánh nó là một quả trứng vỡ be bét, chắc nó đã từng giãy giụa, đau đớn lắm mới đập nát cả trứng của mình. Sáng đứng tần ngần trong quây lưới, hơi ngơ ngác, như trong lòng bị đồ vỡ cái gì đó quý giá lắm.

Nhưng không phải vì ngủ một đêm thức dậy đã trắng tay, cái cảnh người làm nghề nuôi vịt chạy đồng không lạ. Dường như Sáng xúc động, đau đớn vì những lời tôi nói, cái cây bị đốn thường không ngã về phía có ngà búa, chắc Sáng cũng không ngờ rằng người bỏ thuốc vô mề lúa của bầy vịt là tôi, và vì Xuyên mà tôi làm việc đó.

- Nếu chuyện Xuyên thương tôi là thật, Sáng bảo, thì đó là chuyện buồn nhất đời tôi. Tôi không chờ đợi điều đó.

Tôi không tin. Có lẽ Sáng cũng biết tôi không tin, anh hỏi tôi có muốn nghe chuyện nhà anh không? Tôi bảo không, anh nhà văn biết, hoàn cảnh đó mà ngồi nghe chuyện gì nữa, nhưng Sáng cứ kể.

Sáng mồ côi cha từ mười tuổi, má anh cũng mất đã ba năm. Đó là người đàn bà sống hết đời không được mấy ngày vui, mấy ngày nhàn nhã. Cái xóm Rạch Giồng bé nhỏ này cũng đã giữ lại niềm vui nửa đời còn lại của má anh.

Sáng còn một người em gái (hồi trước anh hay đùa là sẽ gã em cho tôi). Nhưng hai anh em không ở chung nhà, cả một quãng dài không gặp, anh quên cả khuôn mặt của nó. Hôm cúng giáp năm má anh, bày đĩa vịt luộc phay với nải chuối chín lên bàn, lòng Sáng bất chợt còn cào. Sáng quyết định về Rạch Giồng. Vì nhớ má và vì muốn gặp em. Hôm gặp, em gái anh đi hái ổi cho một bầy em trai, em gái nhỏ. Nó giống má anh như tạc, giống từ vóc dáng đến cốt cách. Nhìn nó đứng chia ổi cho đám em mà thấy dịu dàng, nồng hậu biết bao.

Nhưng anh chỉ đứng xa xa nhìn. Như hồi còn mạnh giỏi, má Sáng hay xuôi ghe lại trước nhà, lén nhìn. Sáng hỏi sao không chạy lại nói cho nó biết. Má anh biểu, hồi xưa, má hứa là sẽ không trở lại. Sáng nói cần gì phải giữ lời. Má anh nghiêm mặt, “phải giữ chớ, làm người ai lại phản trắc”. Rồi má anh bảo, má nhớ em con thì buồn chút vậy, nhưng còn có thể nhìn nó lớn lên, còn không nhờ người ta, con nhỏ đâu còn.

Đó là đứa em mà Sáng mắc một món nợ lớn. Cái hồi nghèo không đồng xu cạo gió, không cục đất chơi chim, ba anh lại trốn quân dịch nên cả nhà Sáng bồng bế nhau xuống ghe trôi nổi làm mướn khắp nơi. Sáng còn bồng nèo nẹo bên nách thì má anh sinh em bé. Hoàn cảnh khó khăn, Sáng hồi đó ốm đói quặt quẹo, hay đau, mũi lúc nào cũng chảy nước chèm nhẹp. Em nhỏ lại bị sài đẹn, khóc ngằn khóc ngặt, không bú được. Không thể cứu một lúc cả hai, má anh buộc phải cho người ta đứa em gái nhỏ.

Nghe Sáng kể lờ mờ tôi nhận ra một sự thật. Là Xuyến. Không thể tin được, bàng hoàng quá phải không anh nhà văn. Giống như cái lương, ừ tuồng gì mà Vũ Linh đau khổ tới lặn ra đất vừa giãy vừa khóc đó, Hòn Vọng Phu, ờ, hơi giống Hòn Vọng Phu.

Vợ tôi hồi đó cũng khờ quá. Thương thâm Sáng mà không chịu nói thẳng, cứ nói xa nói gần. Hỏi Sáng sao không lấy vợ, anh trả lời, chờ cô Xuyến lấy chồng cái đã. Hỏi sao cứ mỗi lần về Rạch Giồng lại mua quà cho chi vậy, Sáng trả lời, tôi chẳng còn ai, cô Xuyến là người thân nhất. Thân nhất rồi mai một em có chồng, anh Sáng có buồn không, Sáng trả lời, Chuyện vui của cô mà, tôi nói buồn coi sao được, nhưng nói thiệt, tôi buồn, cô nhỏ đi rồi, đâu còn gặp nữa, năm tới tôi xuống buồn cho mà coi. Sáng trả lời thật lòng, nhưng cũng thật thận trọng từng chữ để khỏi

phải hớ hênh, Xuyên thì cứ tưởng Sáng gửi tình vào trong ấy. Rồi một bữa Xuyên đi gom củ ngoài hậu vườn, gặp Sáng, Sáng bảo, anh cầm vịt ở đây hết mùa này rồi chắc lâu lắm mới quay trở lại. Hết mùa gặt này, anh sẽ rã bầy để mua cái gì có giá trị một chút làm quà cưới cho Xuyên, anh hứa sẽ ở lại đưa dâu qua tới nhà trai.

Những lời nói đó là Xuyên mũi lòng khùng khiếp, cô quyết định không lấy tôi. Xuyên nói tôi buồn còn nhiều người an ủi, nhưng Sáng buồn chỉ có một mình, tụi vịt tôi ngày lạc cạc có biết gì đâu?

Nhưng sau cái hôm đàn vịt của Sáng lẫn ra chết không còn một con, Sáng đã đi khỏi Rạch Giồng. Tôi đứng nhìn chiếc ghe khuất mất sau doi dừa nước lặng lẽ làm một cuộc tiễn đưa. Tối lại, Xuyên tuyệt vọng hỏi tôi sao Sáng đi mất tiêu mà không từ giã gì cổ hết? Tôi bảo không biết. Cứ mỗi lần có chiếc ghe bầu nào đi ngang qua, Xuyên lại chạy chấp chới theo triền sông tới khi chiếc ghe khuất dạng mới thôi. Nhớ lại cái cảnh đó, tới bây giờ tôi còn thương.

Không giống như chuyện Mỹ Châu, Trọng Thủy, Sáng đã không còn con vịt nào để rút lông để lại để tôi với Xuyên lần theo dấu. Vậy mới vất vả.

Anh nhà văn à, anh đi nhiều, nghe truyện, tôi chắc anh lẫn lộn trong giới nuôi vịt chạy đồng dữ lắm. Nếu mai này anh còn tính đi tiếp, có gặp anh Sáng, nhấn giùm ảnh là vợ chồng tôi chờ ở Rạch Giồng. Hồi đó, Sáng đi là để cho vợ tôi nó khỏi đau đốn, bẽ bàng, để giữ lời hứa muôn năm với ông bà già vợ tôi. Nhưng bây giờ, hết thấy mọi người đều mong anh trở lại, thâm tình cũng như nước dưới sông, có chảy đi đâu, có chém vè ở đâu cũng hợp lại một dòng xuôi chảy mãi.

Truyện ngắn: MỘT MỐI TÌNH

Mưa vô mùa, nghĩa là hết một đợt dài lưu diễn, tôi về quê. Má tôi chặt lá, giúc nếp cặm cùi ngồi gói bánh cà bắp, nấu một nồi tám đầy vun bánh. Tôi hỏi má gói chi nhiều vậy, má cười: “Cho cha con thằng Bầu, tội nghiệp tụi nó, nhà không có đàn bà nên cũng có bánh trái gì ăn đâu...”. Tôi giành: “Chùng nào bánh chín, để con đem qua bên cho. Mà, má nè, anh Hai có tính bước thêm bước nữa chưa, hả má?”. Má tôi cười: “Chưa, má biểu nó hoài, mà, cái con này, lần nào về cũng hỏi có mỗi chuyện đó...”. Mình à? Mình sao? Lần nào cũng hỏi chuyện đó à? Ủa, hỏi hỏi nào sao mình không hay vậy ta?

Tôi ngủ lưng một giắc, bánh chín, một tay tôi bung rở bánh, tay kia xách cây dầm xuống bến. Có xa xôi gì đâu, từ nhà tôi bơi dọc theo rạch Ô Môi, ngược lên hướng mặt trời mọc chừng trăm thước là đã tới nhà Trọng rồi, nhà trồng nhiều thiệt nhiều

cây ô môi, bông đỏ, lá xanh, trái chín không ai ăn, tụi con nít móc xuống làm gươm đánh nhau chan chát. Hai bên đầu nhà trồng toàn vú sữa, cao lớn lắm, già lắm, cỗi cằn lắm, lâu rày không thấy có trái trắng gì hết. Dưới mé kinh còn nguyên một đám nga cao ngồng. Mà, hết cái xóm kinh này có ai có cái nhà vừa cũ, vừa xưa như nhà Trọng đâu.

Ở nhà Trọng, có nhiều thứ mấy chục năm rồi không thay đổi. Cảnh cũ giữ nguyên đã đành, tánh tình lớp người sau cũng y chang người trước, như từ một khuôn đúc ra. Như Trọng vậy, mười năm, kể từ ngày chị Ái tôi bỏ Trọng đi, Trọng vẫn giữ nguyên cái khăn choàng tắm treo đầu sào, chiếc nón lá quai nhung đã ngả màu thâm sì, cũ mèm, giữ cây lược sừng đã gãy mất mấy cái răng với cái kiếng soi để ở đầu giường như thể chị Hai tôi vẫn còn ở đâu đây, như thể chút nữa khi tắm xong, chị sẽ bước vào, chải đầu, rồi vừa nghiêng đầu, vừa quạt hong khô tóc bên cái cửa buồng trông ra hàng lơn nước, chỉ cần một cơn gió nhẹ, lá vú sữa khô nằm trên mái nhà sẽ tuôn xuống như mưa. Sao tôi lúc nào cũng thèm ngồi ở đó, ở cái vị trí yên bình đó, nhất là bây giờ, khi tôi vừa lang thang hết một mùa nắng. Nhất là khi nghe Trọng biểu thằng Bầu ở nhà bắc nồi cơm để anh đi nhổ vài cọng bông súng nấu canh với mấy con cá vừa thả câu được hồi hôm. Tôi hỏi, đám trái giác ngoài bờ liếp còn không, thằng Bầu nói còn. “Vậy anh Hai hái giùm em một mớ nấu chua ăn, thèm quá chừng”, tôi dặn với theo. Rồi Trọng quay lưng đi, không để cho tôi kịp nhìn anh kỹ; nhưng thật thà vậy, Trọng đứng lơ ngơ ở đây một hồi, thể nào không nén lòng tôi cũng ôm chầm lấy anh mà khóc. Trời ơi, cảnh này, người này, sao y chang như năm ngoái, năm kia, chỉ khác là thằng Bầu đã lớn bộn lên, và mớ tóc bạc trên đầu Trọng là thay đổi, nó trắng thêm, nhiều thêm. Tôi tự hỏi mình lòng đang nghĩ đến cái gì mà lòng đau quá vậy cà.

Chị Ái, tôi với Trọng cùng một đám con trai con gái nữa lớn lên cùng nhau trên cái xóm rạch Ô Môi này. Cỡ mười bảy, mười tám tuổi, thấy Trọng thương quá, tôi nói chơi chơi với chị Ái: “Em xí thằng Trọng”. Chị tôi cười ngất, xong trề môi như đưa đò “người ta mà em làm như trái bình bát chín cây vậy, bày đặt xí phần”. Ba Trọng mất sớm, má đi lấy chồng ít về, từ nhỏ Trọng sống với ông nội, mười tuổi, ông nội cũng mất, đang ở tuổi con nít chưa hết con nít, người lớn cũng chưa tới người lớn, anh đã gánh vác trọng trách lo hương hỏa cho gia đình. Một mình, với hai con chó, một con mèo, học xong, Trọng còn phải quần quật với chín công ruộng, một mảnh vườn đất cằn cỗi, già nua, lâu rày không thu được huê lợi gì, nhưng quý là trên đó chôn cả thầy chín cái mả ông bà, và ngôi nhà gạch đã có 3 đời, cất trên nền cao theo kiểu chữ công, ba gian nhà rộng mênh mông trông ra cái sân gạch trơn rêu, mút sân là cái hàng rào giăng ngang, đứng dưới mé sông nhìn

lên, dây rào che tầm nhìn, chỉ thấy thấp thoáng mái ngói lợp trái màu vừa xanh vừa mốc.

Nhà Trọng có một cái lạ nữa là trên bàn thờ lúc nào cũng chong đèn, ngày tháng này qua ngày tháng khác, năm này qua năm khác, ngọn đèn truyền thống từ đời có Trọng, nội rồi tới Trọng, không bao giờ được phép tắt. Chiều nào chị em tôi đi ngang qua cũng thấy Trọng lợ mọ ngời lau cái bóng đèn hột vẹt ám khói, châm dầu bằng cái vể mặt thành kính, nâng niu. Lúc đó, tôi ước thầm, phải chi Trọng ngộ lời thương, tôi sẽ làm hết thay công việc đó thay Trọng đến suốt đời, đến khi trở thành bà già cóc kiết, tôi giữ lửa thì hay phải biết. Nhưng Trọng thì lại thích chị Ái hơn tôi, Trọng thương thầm chị cũng nhiều như tôi thương thầm anh vậy. Vậy mà anh không biết, còn các có biểu tôi làm mai. Nên có bữa, tôi hỏi má cho hai chị em đi coi hát, tới cái đập vô xóm Chệt, Trọng đã bồn chồn chờ sẵn, tôi trao chị cho anh, giả dò đau chân để tụt lại đằng sau một khoảng xa xa. Tới sân ủy ban xã, Trọng với chị tôi mua vé vào coi hát, tôi ngồi ngoài đầu cầu, đập muỗi. Trọng không quên mua cho tôi một ly đá bào như để cảm ơn lăm lăm. Ngồi buồn, nghe hát văng vẳng trong kia, tuồng thì giấu nhau ong óng như gà kêu đẻ, nhưng nước mắt tôi chảy ròng ròng lúc nào không biết. Vài người trong đoàn hát thấy, họ hỏi, sao khóc mò vậy, tôi cười thưa, tại tuồng cái lương hay quá. Họ cười, sao nhay nước mắt vậy, đi hát đi, đem nước mắt mình ra để lấy nước mắt người ta. Tôi thưa má cho lên thị xã xin vô Đoàn Cải lương Bông Tràm, lang thang nguyên một mùa nắng, mùa mưa về thăm má. Cũng có lúc gặp Trọng, kêu anh Hai ơi, anh Hai à, tuồng như anh em một nhà thương nhau lắm (ai mà biết có thương thiệt). Cũng có lúc viện cớ qua nhà thăm nom thằng Bầu, ôm nó lên, nựng nịu, đả đót, coi nó giống Trọng ở chỗ nào, mà giống chỗ nào tôi cũng ưa. Cũng có lúc ngồi trăn trăn ngó chị Ái tôi mặc áo đỏ, chân xỏ guốc cao đi ngúc ngắc trong nhà, thấy không hợp mà cũng không muốn nói ra. Chị thì lại nhìn tôi, sẫm soi guốc giày, quần áo tôi rồi tằm tắc, “Em sợng thiệt...”. Tôi cười, “Chị cũng sợng thấy mờ, anh Trọng hiền khô, lại thương vợ...”. Chị cười nhẹ, “Thương thôi thì được cái gì. Chị không hợp với cảnh nhà này, thầy Thành nói vậy...”. Tôi hỏi, thầy Thành nào, chị cười, thầy mới về dạy ở trường xã mình nè, thầy hay lại nhà chơi, chưa vợ nên hay biểu chị làm mai, tưởng chuyện gì khó, con gái xứ này giỏi giang thiếu gì. Có lần, thầy thấy chị ngồi lau ống khói đèn thờ, thầy bảo, xứ này không hợp với chị, thầy nói câu nào nghĩ lại cũng trúng. Em gặp thầy một lần coi, thầy Thành nói chuyện hay lắm, thì người ta từ thành phố xuống mà. Nghe kể chuyện trên đó rồi, chị thấy sống ở đây chán thiệt, chán thí mờ đi. Gì mà ngày nào cũng giống y ngày nấy, hông thấy thay đổi gì hết tron”.

Vậy rồi tôi lại đi, một bữa má tôi lên thăm, mới bước chân tới cửa đã vừa nói vừa khóc: “Con Ái tệ quá, nó bỏ chồng nó theo người ta rồi. Biết nó hư thân vậy, má thà sanh cái hột gà, hột vịt còn hơn. Thôi, hết rồi, coi như đời này má không coi nó là con má nữa”. Rồi má hỉ mũi cái rột: “Con coi kỹ, có phải cái nhà thằng Trọng chỉ có đàn ông là sống được?”. Tôi không trả lời, Trọng mà rước tôi về bên ấy, chừng nào tôi bỏ đi.

Trời Ô Mối rộng vô cùng, đất thênh thang vô cùng bởi những khoảng trống mà chị Hai tôi bỏ lại. Má tôi xấu hổ vì con gái một dạ hai lòng, nhà có gì ăn cũng chắt chiu cho cha con Trọng, như bù đắp nỗi đau, nỗi thiệt thòi. Tôi cười thầm má tôi hoài, buồng chuối xiêm, trái mướp, nắm rau với mấy cái bánh con con làm sao bù đắp nỗi một con người, sao má tôi không đem tôi qua bên để đền, tôi hy sinh liền cho má coi. Nhưng từ lúc chị Ái tôi bỏ đi, cứ mỗi lần qua nhà, Trọng lánh đi chỗ khác. Tôi buồn, trách. Thằng Bàu mới sáu tuổi nhưng đã trở thành xướng ngôn viên cho ba nó, nó biểu: “Dì út đừng có giận, ba con nói dì giống má con quá, nhìn dì, ba con chịu hồng nổi”.

Mười năm rồi, không biết đã thay đổi gì chưa. Tôi hỏi thằng Bàu lúc rày ba nó làm gì mà đen thui vậy. Thằng Bàu nói, hết mùa, ba nó chạy xuống ra bến đò ngoài thị trấn chạy đò dọc. Nhiều công chuyện lắm, ba con nó còn coi sóc cái rẫy khóm ngoài liếp nữa.

Trọng không nghèo, nhưng cũng chưa đủ giàu để sửa lại ngôi nhà đã bệu rệu. Mỗi một, bù xè thi nhau tấn công vào những cây cột gỗ, bộ ngựa chân quỳ, mấy cái tủ thờ, trường kỷ. Tôi nằm nghe rõ ràng tiếng bù xè nhai cây treò treò. Thằng Bàu nói con mèo mướp càng già càng tệ, mỗi lần bắt được một con chuột là mỗi lần làm ngói rớt xuống, bể tan nát. Thật ra, với tài bơi chải, tháo vát, tần tiện, lại thêm má tôi giúp đỡ, Trọng có thể cất được một cái nhà khác, gọn gàng, vừa đủ để ở.

Tôi nói gần xa, chê chỗ này cây mục, chỗ kia kèo sắt gãy. Trọng nói anh cũng lo không biết căn nhà có qua nổi mùa mưa năm nay không. Không biết cha con anh có còn giữ gìn được những bức liễn chạm trổ cầu kỳ, những bức tranh vẽ cảnh đồng quê, trời đất, trâu bò, trẻ con hiền hòa, những tờ giấy dán tường vẽ truyện Trầu Cau, truyện Tấm Cám, rồi cái giường, căn buồng, cái ngạch cửa... Bữa nào mưa lớn, hai cha con cũng chạy xất bắt xang bang. Tôi hỏi chạy làm gì, thằng Bàu cười: “Chạy đi lấy đồ hứng nước dột đó, dì Út”. Tôi cười:

- Anh Hai à, để vậy hoài đâu có được, thôi, cất nhà mới cho rồi, ông bà mình rồi cũng hiểu cho mình chớ chấp nhứt gì. Trọng chỉ cười nhẹ, ngó ra khoảng sân nắng.

Thằng Bầu cười: “Dì Út giống hệt ngoại, biểu y chang. Ba con nói với con hoài, ba con hông muốn thay đổi gì hết, để má con nhớ được đường, nhớ được nhà mà về”.

Trời ơi, tới bây giờ, Trọng còn mong một ngày như thế, cái ngày mà chị tôi sẽ trở về. Chị sẽ về ư? Sẽ về à? Không biết! Chỉ biết anh giữ nguyên cảnh cũ nhà xưa là để chờ người đang sống. Tự nhiên trong bụng tôi thấy rầu. Bầu lại tròn con mắt: “Để con nấu cơm đãi dì Út một bữa, mà, chút xíu nữa cơm chín rồi, dì ở lại ăn cơm với hai ba con, trừ ngoại ra, lâu lắm nhà con mới mời cơm được một người”.

Càng lớn, thằng Bầu càng giống Trọng, tử tế, đàng hoàng lại pha thêm một chút gần gũi. Bữa giỗ, Trọng uống hơi nhiều, nó ngồi kế bên nhắc: “Ba, ông cố nói, uống rượu có chừng thôi, uống ít còn nhiều, uống nhiều là mất hết đó”. Cao hứng cỡ nào Trọng cũng ngưng lại ngay đó, ai cũng lạ khi thấy thằng con nói vậy mà cha cũng nghe.

Bây giờ, Bầu vừa bước qua tuổi mười lăm, chưa chắc nó nhớ chuyện cũ. Hai dì cháu lui hụi trong bếp, tôi hỏi, “Bầu, còn nhớ má hôn con?”, nó ngần ngừ một lúc, nhìn quanh, rồi nó thăm thì “Con cũng hông biết, chắc là không. Nhưng nói thiệt, con sợ ba buồn... Hồi má đi, con mới chút tởm chớ gì...”. Nó nói, có má cũng được, mà không có cũng được. Bây giờ quần áo rách, nó tự may được rồi, nhà cửa nó cũng dọn dẹp gọn gàng nhưng cũng có lúc nó cần có má, để hỏi vài chuyện... Tôi hỏi chuyện gì, nó cười, bẽn lẽn, dường như những câu chuyện đó người ta chỉ dành để nói với má người ta. Tôi thương nó chút nữa đã ghì đầu nó ôm vào ngực. Chợt nó hỏi: - Sao dì Út không lấy chồng, dì ở vậy hoài, bà ngoại rầu lắm đó. - Dì còn phải đi hát. - Đi hát vui hơn lấy chồng hả dì?

Tôi cười, lấy chồng vui hơn, nhưng phải lấy ngay trên người mình thương kia. Còn đi hát thì không vui không buồn, mơ hồ lắm, thấy cười ha ha chưa chắc là vui, thấy rạn ra một đồng nước mắt vậy mà hông phải buồn. Có lúc đang ở nhà lại muốn đi, có lúc đang hát trên sân khấu vậy tự nhiên thèm về nhà. Bầu hỏi tôi thường đóng vai gì, tôi kể, nhiều lắm, hiền có, ác có, mà toàn vai phụ không thôi... Tự dưng tôi nghe nổi buồn chao chất trong lòng, tôi bảo, nhưng có một vai dì thèm mà không ai cho đóng, vai gì hả, vai một người bình thường, có chồng, sống với nhau trong căn nhà xưa, cũ kỹ. Buổi sáng chở mớ rau vườn ra chợ, mua ít thức ăn mang về nấu bữa cơm trưa, chiều phụ chồng mần cỏ rẫy, chạng vạng chờ chồng từ ngoài địa vác một mớ bông súng bước vô nhà... Và để được nghe con trai mình nói với mình những câu chuyện chỉ để dành nói cho má nó nghe thôi. Ừ, dì chỉ ước có vai bình thường vậy...

Trọng đang nằm võng, tôi nghe nhịp đưa vùn vụt rồi cò kẹt dừng dằng chậm lại, tôi biết anh có nghe lời tôi nói. Căn nhà tự nhiên lặng lẽ đến kỳ lạ, nghe tiếng thằng Bầu thở ngồ ngàng, nghe cả tiếng ơ cá kho sôi tăm tăm trên bếp, tôi ngửi thấy đâu đây mùi bông súng Đà Lạt thơm dịu, ngọt thanh pha cái mùi tanh tanh của bún dưới đáy ao. Không lẽ im re hoài, tôi nói với Trọng, rằng anh có nhớ chị Hai thì cũng vậy thôi, người vẫn chưa về, thử thương tôi đi, tôi sẽ giúp thằng Bầu nấu cơm, vá áo, giúp anh lau ống khói, châm dầu cái đèn chong nhỏ, giữ cho ngọn lửa suốt đêm ngày le lói đỏ như giữ vạn truyền thống nhà mình đã trăm năm nay. Sau này, chị Hai có về, tôi sẽ trao anh lại, như ngày xưa vậy, tôi làm cũng được lắm mà, gọn bản chứ gì.

Mà, trời ơi, Trọng ác với tôi chi vậy, sao bắt tôi phải kìm lòng không được để nói ra, nhìn tôi mà không hiểu à?

Truyện ngắn: NGÀY ĐÃ QUA

Mồng hai Tết, Nguyên về quê. Khi chiếc xe tốc hành dứt dứt vô tới công cư xá, anh trèo lên mà bụng vẫn còn ngờ ngợ không biết mình có khóa nước trong nhà tắm chưa. Anh tự hỏi, mình gấp gáp gì, thời gian còn rất dài.

Nguyên quê Tân Thành nhưng làm việc ở Sài Gòn, một năm ba trăm sáu mươi lăm ngày anh chỉ gặp đám bạn bè ruột ràng được mấy ngày sau Tết. Rồi tiếp tục guồng chân chạy như điên với thời gian. Thành lệ, năm nào cũng vậy, bọn Hòa, Chi, Thi, Tiệp cũng chờ anh về rồi kéo nhau đi dọc dọc giảng giảng như bày kiến đi thăm hết thay nhà thầy cô, bạn bè cũ. Nhà Thi sẽ đến cuối cùng. Đến Thi thì cả bọn đều say ngà ngà, vì ngà say nên chỗ này chơi vui nhất.

Nguyên về, từ con đường Hoàng Diệu nhà Hòa đã mở ra một ngõ nhỏ ăn xéo qua ngã Đậu Đỏ nhà Thi. Nguyên không biết nên anh chạy lòng vòng qua mấy cái bùng binh. Xe cộ ken cứng. Cánh Hòa Chi cùng chung xe chắc đã tới nhà Thi lâu rồi. Mà, Tiệp ngồi đằng sau không nói gì về con đường mới. Chị sợ cứ mở miệng nhắc lại, lòng sẽ đau.

Rồi Nguyên chạy xe qua đầu hẻm, chạy dưới tán cây bàng cành cội xơ rơ. Bây giờ là mùa lá rụng nhiều. Mùi nước cốt dừa ngầy ngầy là đà bay ra từ quán đậu đỏ bánh lọt thơm bụng mũi. Nguyên nghe thềm còi còi còn lòng Tiệp thì cuộn đau. Mùi thơm quen thuộc dây theo Tiệp đến chỗ quẹo trái. Tiệp ngao ngán nghĩ, “nó còn hành hạ mình đến chừng nào?”.

Tiếp không định về đây. Chị không muốn nhìn lại con đường nhỏ lát gạch quanh co mỗi trưa chiều tan sở đi về, ngôi nhà có hàng rào bông trang đỏ, gian bếp ngày hai ba lượt âm lửa, nước chảy lon ton xuống chiếc thau rửa rau... Và một đứa con trai, và một người chồng mới đây thôi đã trở thành chồng cũ. Nhưng Nguyên bảo, tội mình chơi với nhau từ nhỏ, hồi đó hứa làm sao, dù có chuyện gì cũng không bỏ nhau. Tết nhứt mà không về đốt hai nén nhang cho ông bà già là bậy. Chị nói một câu đầy ý nghĩa, “không có Tiếp làm sao vui được”. Tiếp gật đầu, chị bảo:

- Nghĩ lại, thì đâu có thù oán giận hờn gì mà không thèm nhìn mặt.

Thi thấy có Tiếp theo Nguyên thì mừng lắm. Anh cứ sượng sượng cười cười hoài, “cứ tưởng là Tiếp không tới...”. Tiếp lừ mắt ý bảo thôi đi. Nguyên dừng xe tắt máy, như muốn được hưởng cái thâm nghiêm của con hẻm ngày xưa. Nhưng quả khác trước nhiều, anh dựng cái chân chói xe, ngó muốn trẹo cổ mới thấy được vạch trời xanh thẳm. Thi vò đầu Nguyên, “Trời đất, làm gì mà mới mấy tháng tóc mày rụng thê thảm vậy. Ôm, già quá?”. Nguyên cười xòa:

- Thì tóc mày cũng bạc trắng. Suy nghĩ gì nhiều vậy?

Thi nói nhanh:

- Tao có suy nghĩ buồn phiền gì đâu. Tại tao xấu máu mà. Ngủ một đêm thức dậy soi kiến thấy mình già, đâu cần lâu lắc gì mọy.

Rồi Thi đẩy Nguyên, bảo Tiếp vô nhà. Nguyên dừng lại tháo giày ở ngạch cửa, lòng bảo lòng, bữa nay hãy vui như trước đây đã từng vui. Thi thì nghĩ, hoàn cảnh như vậy, còn đủ sức để trợn trạo vui. Chỉ không biết Tiếp nghĩ gì, chị ngẩng cao đầu khi qua cửa. Chị hỏi trống không:

- Nhện Con đâu rồi?

Thi trả lời:

- Hồi sáng nay anh Trục Tết cơ quan, chở nó qua bên thì nó buồn, anh điện thoại biểu cô út Nhện Con rước nó đi chơi. Chắc tới chiều mới về.

Nguyên ngồi xuống chiếc võng lưới sát tường:

- Cha, tao nhớ Nhện Con quá. Chắc bây giờ nó ớn bộn hen?

- Ủ, hình nó mới chụp kìa

Nguyên buột miệng:

- Sao mặt thẳng con chúng ta buồn vậy?

Rồi anh chợt giật mình, hoàn cảnh như vậy sao đứa trẻ có thể vui. Anh hồi hận nhìn Tiệp cắn hột dưa. Khuôn mặt xinh đẹp của chị toát ra cái vẻ lơ đãng một cách đau lòng.

Hòa, Chi ở đằng sau vừa tăng lẳng túu lúu đóng tủ này, mở tủ khác dọn đồ ăn, vừa nói chuyện với lên:

- Đường bằng gang tay hai người không muốn đi, lại lòng vòng cho phí cuộc đời. Tủ này làm cá xong rồi. Hai người có sổ sung sướng thiệt.

Rồi không đợi Tiệp trả lời, Chi đã quay sang nhìn Thi sao mà để ngay trên sàn nước một đồng chén đĩa dơ vậy, không rửa chén đâu mà ăn. Quần áo thì nùi ghê gớm. Trên bếp đầy vụn cá khô đã khét nghet. Chi thắc mắc giọng rất ư chị hai (tất nhiên không phủ nhận chị lúc này cực kỳ...bè thế)

- Không hiểu ông Thi này vắng con Tiệp rồi sống làm sao?

Thi cười:

- Thì cũng cố lên. Mà, bình thường cha con tui ngon lành lắm à. Tại Tết nhứt Chi phải cho người ta bê bối một tí.

Hoà, Chi tỉ mỉ một cách thiệt thà. Nhà Thi có món gì hai vợ chồng đã bày đủ món đó. Tiệp sắp xếp tiệc trên sàn gạch. Ngoài mấy món năm ngoái, năm kia, năm kia năm kia thấy hoài là tôm khô, củ kiệu, dưa chua, dưa hấu, còn có cái lẫu cá lóc nhúng cơm mẻ. Khi mọi người ngồi quây lại, trong lòng chợt nghe rung rung một mái ấm nồng nàn. Đâu phải dịp nào, lúc nào muốn cũng đông đủ như vậy. Chi giục:

- Cái con Tiệp này, mày khách sáo quá đi, cầm đĩa lên chớ, mày đang nghĩ là ngồi ở nhà ai, hả? Còn anh Thi, rót rượu ra, tụi ta chúc mừng năm mới.

Thi rót rượu ra mấy cái ly nhỏ như trứng cút. Uống, chúc mừng năm mới, chúc tụi ta vạn sự như ý, an khang thịnh vượng. Nguyên cười, “Sao người ta lại có tật chúc toàn chuyện không có, cụ thể lại đi”. Vậy thì phải chúc như vậy, chúc Thi vui vẻ, làm công tác thanh tra, vô việc không đối mặt với bạn cũ để khỏi lâm vô cảnh đánh cũng lơ mà lùi cũng dờ. Tiêu chí vậy thôi. Chúc Hoà, Chi buôn may bán đắt, cuối năm trời xui đất xui có một đứa con. Hoà nói dễ ợt, đợt này bỗng bế nhau đi Từ Dũ lần nữa mà vô phương thì xin một đứa con nuôi về. làm gì làm cũng có một đứa con gái, gả cho Nhện Con. Sau này già, khỏi sợ thẳng rể diên điển. Cạn nữa đi chớ,

trăm phần trăm, chúc Nguyên mau... về hưu để có thời gian ở lại quê chơi với bạn bè. Cuối cùng chúc Tiệp hạnh phúc, thăng tiến, thể nào cũng lên chức giám đốc chi nhánh thời trang Bình San. Tiệp liếm môi:

- Cảm ơn nhiều, nhưng đừng chúc mất công. Em sẽ chuyển đi thành phố.

Thi rót tràn ly rượu. Có vẻ đã kiềm chế, nhưng anh không giấu được sự thắng thốt. Nguyên cũng ngạc nhiên không kém:

- Bất ngờ vậy? Tiệp tính từ bao giờ?

- Lâu rồi. Nhưng em muốn mọi người bất ngờ. Năm mới em muốn mình sẽ mới.

Hòa cười ặc ặc trong cổ, đưa cái ly lên ngang đầu:

- Tụi mình là chim trời. Có đứa muốn bay đi, có đứa muốn bay về. Mà chọn đi hay về thì cũng vậy, như thằng cha Nguyên này nè, mười chín năm rồi với tụi mình có gì khác đâu. Dzô cái nữa đi, chúc tụi ta sống hoài, sống lâu trăm tuổi để còn chơi với nhau dài dài.

Có lẽ đã uống nhiều trước khi đến đây nên Nguyên cạn ly này, mặt anh xanh xao và nhợt nhạt. Anh thất thần:

- Lại chúc chuyện với không tới. Làm sao chắc sống tới trăm năm?

Thi khẽ cười, rót cho Nguyên không đầy như ly của những người khác. Hòa nói Thi thiên vị. Nhưng Tết nhứt uống không so đo, cho bao nhiêu uống bấy nhiêu. Thi nói: “Ông Nguyên phải luôn luôn tỉnh táo để chặn dất đám say tụi này. Hồi nào giờ vậy, mai mốt cũng vậy”. Nguyên tự dưng thấy lòng mình trĩu nặng. Anh đề nghị đánh bài. Ủ thì đánh bài, để có cớ cho vợi hơi rượu đi, để hò hét cho xôm tụ nhóm. Hồi còn đi học, ở ký túc xá, không tiền, rảnh rỗi, đâu dám đi chơi ở ngoài, thấy cái gì cũng thèm chịu gì thâu. Vậy là ở nhà đánh bài. Không máu me, không nặng đở đen. Lúc trẻ thua thì quỳ gối, trét lọ nghe, búng lỗ tai, lỗ mũi. Lớn rồi thì chuyển qua uống rượu, phạt ca. Mà ca thì không ai muốn Chi thua, chị có giọng hát cực kỳ tệ. Sau này đổi lại đánh bài ăn có, người ta hỏi cái gì, người thua cũng chịu “có”. Hồi đó Hoà với Chi hục hặc như chó với mèo, có lần Thi cất có hỏi Chi có yêu Hoà không, Chi quạu quọ “Ừ”. Thua ván nữa, Tiệp hỏi Chi đang tính lấy Hoà làm chồng phải không, Chi tức thiếu điều khóc nhưng cũng bảo “Có”. Ai mà biết được ra trường anh chị lại câu tay nhau làm đám cưới. Có đứa than, cách chơi này độc tài quá, Nguyên đề nghị ai thua chỉ bị hỏi một câu. Muốn trả lời sao cũng được nhưng phải thực lòng. Cho nên có lần Tiệp hỏi Thi có đi bia ôm không, Thi bảo

“Có”. Tiệp giận từ mừng hai tới mừng năm mới xả căng. Những khi rồi rã, Nguyên nằm nhớ lại thời đã qua và anh nhận ra rằng bọn anh đã chơi rất nhiều ván bài định mệnh. Mười một năm trước, Hòa hỏi Tiệp có thương Thi không. Tiệp gật. Vì cái gật đầu đó mà Nguyên ở lại làm ăn tại thành phố, anh biết mình chẳng còn hy vọng gì nữa rồi. Có lần Thi hỏi lại:

- Tao cưới Tiệp, mày có buồn tao không?

Anh lắc đầu. Rồi có lần Chi hỏi:

- Không cưới vợ, ở vậy chờ ai?

Lần đó, Nguyên nói dối, bảo là chờ duyên tới. Mà duyên thì đâu phải muốn gặp là gặp. Cũng có yêu hai ba lần đó chứ, nhưng hết thấy tréo căng ngổng hết, biết làm sao. Ai cũng biết là Nguyên nói dối, anh không quên được Tiệp chớ gì. Họ phạt anh uống liền một hơi ba cốc rượu đầy. Nước mắt anh trào ra, anh nhắm mắt, rượu gì mà cay dữ vậy. Chỉ Thi, mà không, có khi cả Tiệp nữa hiểu được ý nghĩa những giọt nước mắt kia.

Năm nay phải bắt phe lại. Chi với Thi một phe. Tiệp với Hòa một phe. Nguyên ngồi cạnh Tiệp buông rèm chấp chính cho tiệp. Những lá bài còn bóng giấy được chia ra. Hòa lơ đãng nói:

- Y chang năm ngoái hen.

Trời đất, thời gian mà, sao mà giống năm ngoái được. Năm ngoái Chi còn thon thả chớ đâu có phì ra như cái eo bánh mì, năm ngoái Hòa còn sáng sáng ra đá cầu với đám trẻ chớ đâu có tự dung trở chứng muốn chơi chim, chơi cây cảnh tao nhả như mấy ông già đâu. Năm ngoái Nguyên đâu co gầy rạc, xệch xạc. Năm ngoái, Thi ngồi đằng sau Tiệp làm cô vấn an ninh chớ đâu phải Nguyên. Năm ngoái, họ còn là chồng vợ. Nhưng ai dám chắc, trong lòng họ hết thương nhau?

Nhất là khi bắt bài lên tay, Thi bảo: “Ông Nguyên phải coi chừng em Tiệp, cái tánh bốc đồng ngẫu hứng không bỏ được đâu, từ đây ông phải chăm sóc Tiệp dài dài”, nhưng Nguyên đọc trong mắt Thi lời gửi gắm khác. Anh vẫn nhớ khi chuyện Thi đổ vỡ, Thi đi công tác có ghé anh, hai đứa kêu bia về uống. Nguyên hỏi Thi tại sao lại tới nông nổi vợ một nơi, chồng một ngã. Thi bảo tại không hợp nhau. Đừng hỏi tại sao, không thể kể tỉ tỉ chuyện lụn vụn trong cuộc sống vợ chồng được đâu. Nguyên hỏi có người thứ ba không, Thi bảo phải chi có để căm ghét nhau cho đỡ khổ. Rồi khi Nguyên đã say mềm, Thi hỏi lại anh có còn yêu Tiệp không. Anh đã không nói dối, với Thi. Hai thằng từng ngủ chung giường, từng ăn chung mâm khi

Nguyên ra thị xã trọ học. Má Thi hiền, thương hai đứa như nhau, chủ nhật Nguyên về quê, cõng ra một túm gạo lứt, má giận. Suốt một thời thơ ấu, Nguyên lớn lên bên Thi, thì làm sao có thể nói dối. Nghe anh, Thi chồm qua mấy chai bia lỏng chỏng lấy tay câu lấy vai Nguyên, nghen ngào:

- Phải chi hồi đó tao đừng cưới Tiệp, Tiệp sống với mày biết đâu đỡ khổ hơn với tao.

Nguyên không nghĩ vậy. Thi không hiểu đâu. Bây giờ anh càng không nghĩ đến điều đó. Anh không có thời gian nữa, anh không còn chút gì để cho mình nữa. Anh gấp gấp lắm.

Bắt đầu từ tháng Năm rồi, Nguyên mắc cái bệnh bồn chồn. Anh muốn làm cái gì đó, trước khi không kịp nữa. Làm cho những người mà anh yêu thương. Một lần điện thoại về, anh Bảo Thi, nhắn với Hòa, Chi, Tiệp, anh sẽ tạo ra một mẫu nhồi bông mới, không phải thú mà là người. Hòa ồm, cao, mặt chữ điền, cạnh nào ra cạnh đó. Chi ú na ú núc, cái miệng rộng, cái mũi to bè bè nhưng đôi mắt rất đẹp, đôi mắt tròn xoe. Thi dong dong người, lưng tôm, trán cao, mũi thẳng, miệng mím lại cương quyết. Tiệp tóc dài, khuôn mặt tròn dĩnh, miệng lúc nào cũng như cười, mắt lúc nào cũng như hỏi. Và anh sẽ tạo anh...

- Nhồi bông tụi mình để làm gì? Để khi không còn bên nhau nữa thì tụi bông gòn đứng kề nhau à?

Thi để con ách cơ xuống, trông như một trái tim son, mắt anh ngầu lên. Nguyên nhìn vào nét mặt thi bối rối, anh muốn nhìn đi chỗ khác mà không biết nhìn đâu. Hòa bỏ xuống từng lá bài cho một sảnh dài tràng giang đại hải:

- Thăng Thi đúng à. Tụi mình mà đem nhồi bông thì y chang con thỏ ăn củ cải của Nhện Con, làm sao đánh bài, rồi làm sao mà uống rượu. Xong – Hòa khoan khoái – Tao về nhút, đã thiệt.

Thi quăng bài ngang, khàn khàn giọng mũi biểu nghỉ chơi. Anh nói anh say lắm rồi, say muốn khóc luôn đây. Chi nhần, thấy tướng mạnh dạn vậy mà có tật không bỏ, hề say là đòi khóc. Thi mơ màng, “Hồng hiểu sao muốn quên mấy chuyện mà càng uống nhiều, càng nhớ đứt ruột”. Hỏi chuyện gì, Thi nói chuyện của ngày xưa. Nhớ một đêm ba mươi ba má Chi đã vượt biên bỏ một mình chị ở lại sau một năm giải phóng, nhớ Hòa ở tù bốn tháng mười chín ngày vì tội cho dân phá rừng để sống khi còn làm việc ở lâm trường, nhớ Nguyên ngày đầu lập nghiệp, cái xưởng sản xuất đồ chơi tẹp nhẹp như ổ mèo, khói bụi mịt mù. Nguyên buổi sáng ăn bánh

mì không, chiều ăn bánh mì uống nước lã. Nhớ Tiệp hồi sinh Nhện Con, thai ép tim, phải chuyển viện tận thành phố để cứu mẹ, cứu con, số tiền dành dụm từ ngày cưới, dành dụm từ những buổi chiều tan sở, Thi gò lưng đi đồ cơm cặn về cho Tiệp nuôi heo đã lo thầy thuốc tan tành... Những ngày khổ đau, khó khăn cũng qua rồi. Chi thắc mắc:

- Biết bao nhiêu chuyện bự bự vậy mà tụi mình cũng vượt qua hen. Sao hay vậy không biết?

Có thể vì họ chưa bao giờ ngừng chiến đấu và hy vọng về một ngày mới tốt đẹp hơn. Có thể vì họ tin và yêu biết bao nhiêu cuộc đời này. Nguyên nghĩ khác:

- Bởi vì chúng ta chưa bao giờ bỏ nhau – Anh bắt đầu nổi hứng văn chương - Bởi vì chỉ có cái chết mới chia lìa được mấy đứa mình.

Thi nhìn Nguyên chăm chăm:

- Mà bệnh hả?

- Không, tao khỏe.

- Chắc không?

- Chắc như bấp lộc – Nguyên cười.

Thi nhăn mặt:

- Vậy mà mở miệng ra là nói chuyện chết. Hồi còn học tiểu học, mày còn nhớ trường Nguyễn không? Trường nằm đầu lưng với chùa, bữa nào tụi mình cũng leo rào qua chơi bắn đạn dưới gốc bồ đề. Thấy người ta vái, mấy đứa cũng bày đứng vái, cho tụi con chơi với nhau hoài, tới một trăm tuổi luôn. Mà năm nay bao nhiêu rồi, Nguyên? Bốn ba. Tụi tao cũng tròm trèm. Còn lâu tụi mình mới chết. Còn năm mươi bảy cái Tết nữa mà, Nguyên.

Nguyên nhìn ra cửa. Trời đang lặn xuống cái vạch trời thăm thẳm. Đêm xằng xái lại buông màn. Anh thấy thích cái cảnh chiều qua như thế này, anh thấy yêu cuộc sống này, cái cuộc sống mà anh hít được, thở được. Anh bảo:

- Chắc mừng sáu tao quay về thành phố. Công chuyện quá trời...

Không ai lên tiếng cầm anh lại. Thi nhìn Tiệp, Tiệp lên tiếng, “Em sẽ đi cùng để lo thủ tục chuyển việc”. Chi nói bây giờ hứng sáng rồi, Chi mắc ca, chị muốn tặng Nguyên một bài. Cả bọn khùng khiếp quá nhưng trợn trạo biểu ca đi. Chi ca “Đừng

tuyệt vọng, Tôi ơi, đừng tuyệt vọng...” Tự nhiên như cái đập òa vỡ, trừ Nguyên, cả bốn đều nghẹn ngào, nước mắt.

Aha, vở kịch đời đã hạ màn khi chưa hết vở. Thử uống từng ấy rượu, coi có ai kìm nén được mình không. Đã cố lắm rồi, Tiệp đi Sài Gòn cũng nằm trong kịch, Thi kể chuyện xưa cũng nằm trong kịch suốt, la lối cho to, cười làm như hể hả, nói chuyện cười, cụng ly chan chất... Cũng đừng để nghe trong nhau mỗi người cuộn lên ngàn tiếng thở dài. Làm sao vui được như những ngày cũ. Làm sao vui được như những ngày cũ. Cả bốn người kia chưa xót nghĩ, mình diễn được tới đây là vĩ đại lắm rồi.

Chỉ có Nguyên, anh dở, “Trời ơi mới mừng ba Tết mà khóc kiêu này cả năm xui lắm đó. Mà, chuyện gì vậy, có gì không?”

Đâu có gì, lúc sáng, khi Nguyên còn tắm trong nhà Hòa, điện thoại cầm tay Nguyên reo. Hòa nghe máy, lại đùa mình là Nguyên. Cái giọng nữ đó (Hòa mô tả là khủng khiếp hơn giọng Chi), mắng té tát, hỏi tại sao không xạ trị đúng thời kỳ, ung thư phổi thời kỳ giữa rồi chớ giỡn sao. Tìm trong công ty, thư ký nói không có, gọi máy thì tắt máy. Cổ hỏi gằng gằng rằng anh còn yêu sự sống không? Hòa chết lặng đi, rất lâu, lâu lắm...

Vậy mà Nguyên bây giờ tỉnh rụi, anh đang cố hết sức mình để diễn cho mọi người vui. Hòa bậm môi lại để cười:

- Có rảnh thì gọi điện thoại về cho bác sĩ Phương. Ở Phương hay Dương ta? Nói với cô, mong sáu ông về, mà thôi, đừng thêm nói, ông hát vô mấy câu này nè “Tôi là ai, là ai, mà yêu quá đời này”. Phải chiến đấu chớ Nguyên, chiến đấu tới cùng. Bữa nay nữa thôi, ông không nhậu nhẹt nữa, để sống, coi như đây là bữa rượu cuối cùng của ông.

Hình như thời gian lắm lẫn, mà số phận cũng lắm. Đối với những người như thế, ngày hôm qua đã ở lại mãi, trong lòng.

Truyện ngắn: NGÀY ĐUA

San có điện thoại. Chẳng sung sướng gì khi phải chạy công cộc qua hai mươi tư bậc thang lên tầng hai, mở cánh cửa kiếng mới vào được văn phòng nhà văn hóa huyện. Giọng bên kia máy hơi đứt quãng, nhura nhura:

- San ơi!

San thở cái phào:

- Chuyện gì đó, Phương?

- Anh nhớ em.

- Ừ!

- Nhớ thật. Anh thương em thật là thương.

San nhăn mặt:

- Đang tập thoại đoạn kịch nào vậy? Nói cứ y như thật.

San nghe Phương thở ngắn, rồi lặng đi, rồi thở dài:

- San nhớ uống thuốc ghen!

- Trời đất, bệnh gì mà uống?

- Dẫn trước, mai mốt bệnh thì uống. Mai mốt bệnh, anh không dẫn nữa.

- Trời đất – San bật cười - Không còn nữa em thôi ghen.

- Ừ ... thôi. Vĩnh biệt. Anh từ giã em, anh chết. Anh thương em nhiều lắm thật mà, San.

San nhún vai, gác máy. Chị quay ra. Sao vậy ta? Phải mười năm trước, nghe được câu này của Phương, thể nào San cũng cảm động phát ứa nước mắt luôn cho mà coi. Bây giờ nghe buồn cười không chịu được. San nghĩ, tay Phương này hôm nay chắc rảnh rang, đem cả chuyện chết chóc ra đùa.

San nhận được một vở kịch cho nhà văn hóa huyện để đưa đi dự liên hoan văn hóa quần chúng toàn thành. Chị đã bỏ nhiều xô diễn ở thành phố. Không hiểu vì sao mình làm vậy. Có thể vì trả cái nghĩa ngày xưa, từ nơi này chị đi lên hoặc có thể chị muốn thay đổi không khí. Vì vậy mà chị bỏ cả máy di động ở nhà.

San và đám diễn viên đã tập đến đoạn kết. San làm việc cật lực, giọng khàn đi. Chị không có trong tay những diễn viên nổi tiếng, hiểu nghề, điều đó làm cho công việc của chị càng khó khăn hơn. Nhưng họ truyền cho chị niềm hứng thú từ cách diễn chân chất, mộc mạc, từ sự lẩn xả bất chấp nhọc nhằn. Nhìn họ, chị nhìn thấy mình mười năm trước, đầy đam mê, khát vọng nhưng khờ dại, ngây thơ.

Mười năm trước, San gặp Phương cũng ở đây. Phương nổi tiếng và tập tễnh làm đạo diễn. San gọi Phương là thầy. San ngưỡng mộ Phương thiếu điều chiêm bao cũng thấy. Con người Phương hết thấy đều phiêu lãng, phong trần. Tóc dày lấp lánh bạc, hơi dài, mái trước vuốt ngược ra đằng sau. Thành ra đám tóc đó không

bám vào đầu được, nó nằm bồng bênh. Mắt Phương sâu róm (San tin rằng người nuôi tóc dài, móng tay dài sẽ yêu một tình yêu lâu dài). Miệng Phương cười khinh bạc. Nón quay ngược ra đằng sau. Quần áo bụi bặm. Móng tay dài. San hồi đó hay cười, hay nói lú lờ. Hồn hậu, trẻ con. San trầm trồ:

- Làm nghệ sĩ nổi tiếng chắc sướng lắm hen, thầy?

Phương cười:

- Không, họ tội nghiệp lắm. À không, Phương đính chính lại, có một vài người tội nghiệp, như tôi.

San cười khi, “em không tin đâu, thầy sướng thấy mô”. Phương bảo, khi nào San trở thành người nổi tiếng rồi San sẽ tin. Có lẽ, Phương là người đầu tiên nhìn thấy tài năng nghệ thuật tiềm ẩn trong San. Ba năm sau, San khẳng định mình trên sân khấu thành phố.

Rồi y như lời của Phương, San bắt đầu thấy tội nghiệp mình. San sống rất mệt mỏi vì không phân biệt nổi đâu là sàn diễn, đâu là cuộc đời. San thương Phương nhiều, nhiều lắm. Phương thì lúc nóng, lúc lạnh, lúc xa, lúc gần. Ấu yếm nhau trên sân khấu, bước xuống hậu trường Phương than mà giọng chao chát nghe khẽ như hơi thở, “ước gì tôi nắm được tay em”. San chìa tay ra, cười, thì có ai cản đâu. Phương nhả mặt, “Tôi mà chạm vào người em thể nào tôi cũng lạc lòng.” San cười mà lòng nghe xót xót, như chừng Phương khao khát yêu mà không dám yêu, khao khát sống mà không dám sống. Phương trả lời phỏng vấn báo Sân khấu rằng: “Tôi thèm hạnh phúc nhưng không cho phép mình hạnh phúc. Một tâm hồn đầy đủ sẽ không thể diễn được một tâm tư giằng xé. Vì nghệ thuật, tôi hy sinh cả cuộc đời mình.” San biết rằng đó là lời anh dành cho San. Nó cực đoan một chút. Có nhiều người hạnh phúc vẫn diễn rất hay. Nhưng diễn như ma ám, như điên, như say như Phương thì chưa một người nào làm được. Ở bất cứ vai nào, anh cũng diễn bằng sự giằng xé, bằng sự khao khát bị kìm nén. San vẫn còn nhớ tháng hai năm chín mốt, sân khấu thành phố dựng vở “Đền không hất bóng”, khi xua đuổi người yêu – San, viên bác sỹ cao ngạo, tội nghiệp của Phương đã lặng người quay đi, rơi nước mắt. Giới phê bình đánh giá khoảnh khắc xuất thần đó của Phương bằng hai từ “quái kiệt”. Lâu lâu, linh cảm hỏi San, có phải những giọt nước mắt ngày xưa ấy phải chăng dành cho mình.

San bắt đầu tập quên có Phương trong cuộc đời. Đó là lúc tự dưng San thấy mình kiệt sức. Cứ chịu đựng một vài lần như San đi rồi biết. Diễn xong Phương rủ San đi ăn cháo gà, San rồi rít tẩy son phấn, ulla ra cửa, Phương đã về rồi. Phương hẹn lại

nhà San chơi, San tắt đèn ngoài cổng ánh ỏi chờ cả ngày, Phương không tới. Gọi tìm Phương, Phương hỏi “Ừa, tôi có hứa sao?”. Từ Phương, San rút ra kinh nghiệm, thay vì phải ngồi nghĩ ngợi điên cái đầu, lời nào thật lời nào giả, tách bạch rõ ràng ra, mệt lắm, thôi đừng tin nhiều, hy vọng nhiều đỡ thất thất vọng, mất mát.

San sống như vậy riết rồi quen. Không tâm huyết, kỳ vọng vào cái gì, không mơ một xa vời, không rút ruột ra tin ai, yêu ai. San thấy mình không vịn vào ai để sống và cũng không sống vì ai. San sấm sủ được cái vẻ lạnh lùng, khinh ngạo. Không còn nghe đau xót khi ngửi thấy mùi rượu, mùi thuốc lá phả ra nồng nàn từ Phương, không buồn khi Phương cà rồn, âu yếm với cô gái khác, không nhớ khi một tuần chẳng gặp nhau. Thực lòng, chị nghĩ, Phương vẫn còn đó chớ mất mát đi đâu. Chỉ có lần, tìm San thốt lên nhói một cái khi thấy Phương ôm một nam diễn viên trong bóng tối. Ánh đèn sân khấu đã tắt. Có lẽ Phương thấy cô đơn lắm. Thương chút đó rồi thôi. Khi quên mất tiêu con San ngày xưa, về đây, chị bỗng gặp lại mình.

Buổi tập sáng San cho diễn viên nghỉ sớm, bụng San hơi cồn cào, San đổ thừa tại mình đói. Giờ nghỉ trưa, San không ngủ được, bồn chồn chờ đến đầu giờ chiều. Chị muốn lao vào làm việc ngay để quên một chuyện mơ hồ nào đó.

San lại có điện thoại.

San nhăm nhẩn nghĩ trong lòng, “Đâu có bao nhiêu người biết mình đang ở đây?”. Nhắc máy, giọng Ngạn, “San ơi, đang ở đâu vậy?”. San cười: “Gọi tới đây rồi mà không biết à? – San lấy giọng nghiêm khắc – Mình đang ở “ngoài vùng phủ sóng”. Giọng Ngạn hơi run rẩy, “San à, Phương chết rồi “. San cười ngằn ngặt.” “Ừ”. “Thiệt mà”. “Ừ”. “San về ngay nhen”. San dập máy.

Xuống sàn tập, San dựng cảnh cuối của vở. Trúc, cô diễn viên đóng chính đang cô khóc để diễn cảnh cô con gái hư hỏng thương tiếc người cha vừa qua đời. San không nói khái niệm, định nghĩa gì hết, chị bảo:

- Em phải xuống nước mắt thật mềm, không có loại nước mắt nào dịu mềm bằng nước mắt chảy ra từ lòng hối hận.

Trúc khóc lại lần thứ hai thì San lại có điện thoại. Bên kia máy là Mai, người gọi có khác nhưng nội dung không khác. Mai bảo, Phương chết rồi. San vẫn ừ hử nhưng đã thôi cười. Vì bức mà thôi cười.

San tự hỏi, bữa nay là ngày gì vậy nè. Đám học trò diễn ồ lên, “Bữa nay là ngày Cá Tháng Tư, người ta được quyền nói dối thoải mái mà chị”. San bật cười. Xem lại ngày hiển thị trên đồng hồ, ngày Một Tháng Tư. Cha mẹ ơi!.

Ngày này, năm ngoái, cũng đám Ngạn, Mai báo Phương chết. San thiếu điều lộn ngược ruột gan chạy lại nhà Phương, nhìn thấy Phương đang sần sấn ngồi Karaoke, San tức không há miệng nói được tiếng nào. Phương biết chuyện, Phương nhìn San lâu lắm.”Tôi vẫn còn ở trong trái tim em sao?”. San bật cười, gờn gợn hỏi lại mình câu ấy. Nhìn Phương cười cười, chắc Phương lại nói chơi. Bởi vì, San và Phương ai lại không diễn một vai trong cuộc đời này.

Nhớ chuyện năm ngoái, San đỉnh ninh, năm nay mình sẽ không bị lừa nữa đâu. Nhưng chỉ lát sau, San có điện thoại. Lại công cộc chạy lên hai mươi bốn bậc thang, San nói trước “Đừng giỡn nữa mà”. Nhưng bên kia máy là đạo diễn Lưu, San giật mình hỏi lại.”Có chuyện gì không thầy?”. Thầy Lưu bảo, Phương chết rồi. San biết thầy mình không bao giờ đùa. San đứng sững trong văn phòng nhà văn hóa. Một nhân viên trong phòng gọi San rất to, San tuyệt vọng đẩy cửa, nhưng cánh cửa vẫn im lìm. Có tiếng người nhắc, hãy kéo cửa về phía sau. San chen ra.

Trúc dẫn xe máy đưa San ra cổng. Trúc dặn chị chạy phải thật cẩn thận, đường đây về thành phố thì xa, đây trở ra ngã tư là quốc lộ, xe cộ nhiều ghê lắm. San chạy đến ngã tư. Chị không biết ngã nào về thành phố. Chị chống chân xuống đường giữ cho chiếc xe được thăng bằng. Một nỗi gì đó chột ứ đầy trong chị, muốn khóc mà không khóc được. Bao nhiêu nước mắt đã dành cho vai diễn, cho công chúng hết rồi, chị không còn giọt nào cho mình. Chị hiểu rằng vậy là vai diễn cuộc đời mình vừa hoàn tất. Bình sinh, không lúc nào chị hít thở, chị hóa thân mà trong chị không có một tình yêu cũ, không có Phương. Nó chìm lặng giữa muôn ngàn nỗi đau, nỗi thương tổn yêu thương chẳng được đền đáp bởi yêu thương. Lòng chị dừng đọng bởi Phương bao giờ cũng còn ở đó. Nhưng bây giờ Phương mất rồi, mất thật rồi. Sẽ không còn được thấy Phương phong trần, mệt mỏi, không nhìn thấy Phương cười, nghe Phương nói... Sẽ không được ôm Phương trong vòng tay dù chỉ là vai diễn. Chị dẫn ga cho xe vọt lên và nấc nhọc nhằn. Đã có nước mắt. Chị thấy trước mặt mình nhòa đi, kiệt sức, chị gục xuống giữa đường. Con đường Trúc dặn, xe cộ nhiều lắm.

Ở nhà Phương, bọn Ngạn, Lưu tụ lại đã rất đông, họ đang chờ đoạn cao điểm nhất của một ngày vui. Nhà Phương dọn dẹp sạch sẽ, trang hoàng lại. Không còn vỏ bia lon lổn nhổn, tàn thuốc lá bết vào bàn chân. Phương ngồi trên băng đá trước nhà, chỗ này khi San về, anh sẽ thấy San trước tiên khi chị vòng qua nhà ông già dân phố ở góc đường và rẽ vào đây. Anh sẽ tặng một bó hồng đẹp nhất cho San và nói với San rằng, mười năm, anh hy sinh San cho nghệ thuật là một điều không công bằng, rất không công bằng. Bởi San là tất cả cuộc sống của anh. Lẽ ra anh không

nên đùa như thế nhưng trò đùa mới có ý nghĩa làm sao rằng một người đã sống lại vì tình yêu một người.

Nhưng San đã không bao giờ về nữa.

Hôm ấy là ngày một tháng Tư. Ngày này, người đời hay đùa lắm.

Truyện ngắn: NGƯỜI NĂM CŨ

Khi Hiên thôi học ở thành phố về, mướn căn nhà, treo cái bảng kẻ bằng bút lông lên giấy các tông “Viết hồi ký thuê” thì Hiên gặp lại người thương của má.

Bảy năm rồi, Hiên mới gặp ông. Ông ốm, xanh, ông không già đi bao nhiêu nhưng tóc đã rụng nhiều để lại cái trán rộng như sân bay Trà Nóc. Hiên luôn luôn thấy ông gần gũi và thân thuộc, cái cảm giác ông luôn luôn có mặt trong đời của Hiên mặc dầu chẳng thâm tình gì nhau. Cứ nói với một đứa bé mười, mười hai tuổi rằng cái ông đang nói trên ti vi hồi đó thương má mày đi, nó sẽ dõi theo ông ta bằng một sự quan tâm nào đó không lý giải được. Ngay từ khi còn vào tại chức, ông luôn xuất hiện trên mặt báo, trên ti vi với sự chân thật toát ra từ đôi mắt, một vẻ mặt trần trụi, đấu tranh. Hiên cho rằng đôi mắt thể hiện được con người. Ông từ chức chủ tịch trước nhiệm kỳ hồi cuối năm rồi với lý do sức khỏe kém, không đủ năng lực để làm việc. Hiên cố làm như mình chẳng bao giờ quen ông. Bảy năm, đủ để ông già đi và Hiên bỏ bộ dạng đứa học trò quê cũ. Hiên hỏi ông muốn viết hồi ký ở dạng nào. Hẳn nhiên là có nhiều cách viết khác nhau, để lại cho con cháu thì đào sâu về đạo đức lối sống, về buổi đầu lập thân cực nhọc ra làm sao để lại cho đời sau cơ ngơi, sự nghiệp này. Nếu xuất bản hàng loạt thì chú trọng những công việc, thành tích trong đời... hoặc chỉ viết riêng cho một mình ông thôi, sống giấu kín, chết mang theo. Ông cười rất đẹp (đôi lúc có những nụ cười như thế làm cho tim Hiên thót lên một tiếng hít hà).

- Tôi muốn cháu viết cho người tôi yêu. Và viết thật.

Hiên thưa rằng Hiên sẽ viết thật nếu như ông nói thật. Ông lại cười. Má ơi?

Hiên thêm được viết thật dữ lắm chớ. Hiên vừa học vừa làm thêm việc viết hồi ký non hai năm. Hiên đã gặp nhiều khách hàng nghe họ kể về cuộc đời của họ. Ai cũng làm tí tí điều tốt, điều cao thượng hơi giống nhau, bày tỏ lòng nhân ái với thế giới, lòng thương mến với tất cả mọi người. Hiên nhận ra một quỹ đạo nhằm chán là không ai kể về những lỗi lầm của mình dù là từ thuở ấu thơ đã ngắt đuôi con chuồn chuồn đỏ nhét vào cọng cỏ hay về chú dế lửa bị mình nhốt trong cái lồng đất đã chết vì chật và buồn. Mà, Hiên cho rằng, hồi ký là phải thật, ai đời người ta lại

gian dối với cả chính mình. Đôi khi cầm quyền hồi ký do chính tay mình viết ra, trình bày sạch sẽ, bìa đẹp, lật từ trang đầu tới cuối thấy người ta sống sao mà tốt quá, tốt thiệt, tốt đến không ngờ. Bạn bè cười vào cái ý nghĩ ngớ ngẩn của Hiên: “Thì tất con người ta vậy mà...”. Hiên biểu tin Hiên đi, thấy cuộc đời kiêu này không ham, không thấy vui đâu.

Ông không vậy, ông thủ thủ với Hiên như một người bạn bên một người bạn thân thiết. Hiên cảm thấy cái quý giá nhất của hợp đồng này là được ông tin cậy. Ông nói với Hiên về tuổi thơ, về quê hương, về tất cả nhưng chiến công và những lỗi lầm. Những nơi ông đến rồi đi và ấn tượng những người ông gặp. Buổi tối, trở về căn nhà vuông vức như cái bánh chưng, Hiên mở máy ghi âm để ghi lại giọng nói đầm đạm như thể dề dặt của ông và chợt nhận ra mình viết cái hồi ký không phải cho riêng ông. Hiên viết cho những đồng đội đã hy sinh xương máu để giúp ông lập nhiều chiến công. Hiên viết cho những người cộng sự cùng ông đưa cái địa phương này đi lên, được biểu dương thành tích. Và Hiên hạnh phúc viết về một bóng hình mơ hồ nào đó mà ông đã chia tay quá khứ nhưng luôn biểu hiện bên ông. Hiên không chắc đó có phải là má Hiên không. Thường thì đàn ông không nhớ sâu sắc và yêu sâu sắc như người đàn bà.

*

* *

Ông sống một mình trong một căn nhà rộng, mặt ngó ra một con đường nhỏ chạy vòng vèo quanh một hồ rộng nhân tạo. Vợ ông qua đời gần tròn bốn năm. Họ không có những đứa con trai, con gái. Ông bảo bà yếu ớt, hay đau bệnh lắm. Ông cũng đang bệnh, mỗi sáng, mỗi trưa và tối, Hiên thấy ông uống một vốc thuốc. Hơi thở của ông cũng phảng phất mùi kháng sinh. Hiên hỏi thăm ông bệnh gì, ông cười, bệnh nhỏ thôi, mai mốt hết. Hiên hơi bần thần. Cô vẫn cần mẫn đến nhà ông như mọi ngày. Sáng nào ông cũng rang cơm và chừa cho Hiên một chén. Ông rang cơm rất ngon. Hột cơm se lại, giòn tan. Mùi tỏi vàng trong dầu nóng xộc vào mũi.

Hiên thường bung chén cơm ra ăn ngoài khoảng sân hẹp rụng đầy bông điệp đỏ và ngồi xuống cái băng đá đặt dưới bệ cửa sổ. Màu của buổi sáng trong ngôi nhà này mới trong trẻo làm sao, Hiên bảo:

- Sống một mình khổ thiệt. Cháu sẽ làm mai cho chú một cô. Thím cũng mất lâu rồi, phải không, chú?

Ông lấy tay vỗ vỗ đầu gối Hiên, tay ông to, nhưng mềm và lạnh lẽo:

- Thôi, cháu. Trẻ quá rồi.

Hiên cười, chú vẫn còn trẻ chán. Ông chắc lười, “tự nhiên thêm gặp một người” rồi quay sang hỏi Hiên có muốn nghe chuyện tình của ông không. Hiên còn chờ đợi gì mà không gật đầu. Hiên nhận thấy con người này luôn luôn vất kiệt mình trong đám bùng nhùng thiện - ác, đúng - sai, giả - chân... Cả trong tình yêu cũng vậy. Hai người ngồi trong cảnh buổi sớm đang vãi nắng lên cao.

Hiên tưởng như mình đang đi trên con tàu cuộc đời ông và đã qua bao ngoặt trái ngoặt phải, leo bao đồi dốc, băng qua những cây cầu sang sông rồi một ngày, Hiên nhìn thấy má mình như một ga xép hiện rõ dần lên trong đêm tối. Một ga xép với đầy đủ vẻ đẹp của nó: thâm lặng, đìu hiu, nhưng rất trân trọng đón đưa những con tàu xuôi ngược.

- Đó là thời đạn bom ác liệt, nhưng sáng nào cổ cũng chèo xuồng ra chi khu Rạch Ráng bán trà. Tôi thương cổ từ ộp tràu cổ bó. Ốp tràu chắc nùi, hai đầu cong cong như mái đình làng. Những lá tràu xanh đầm lên nhau khăng khít không chèn lẫn một lá úa nào. Tôi thương cổ từ ngón tay cái bấm tràu đã mòn khuyết như trăng mùng tám. Tôi hoạt động trong vai một thầy giáo, “con” út của một bà má tiền bộ. Con trai má đi lính cho Ngô Đình Diệm đã bị tử trận, bà má đó quả quyết là con trai bà bị chính lực lượng cộng hòa đập pháo và bà muốn trả thù. Sáng nào tôi cũng ra bến chợ, xuồng xuồng của cổ mua một ộp tràu cho “má”. Cổ không đẹp lắm, ừ, giống như cháu vậy, ở cổ luôn luôn lộ ra một nét duyên ngầm, càng nhìn càng thấy lạ, thấy thương. Cổ cũng thương tôi thiệt lòng. Ngặt cái cổ là con gái xã trưởng Ba Chi khét tiếng ác. Gia thế cổ là vậy. Cổ chấp nhận thương tôi mặc dầu cũng đoán được tôi ở phía nào trong cuộc chiến tranh này. Cháu cũng biết thân phận của tôi mà, ông nội tôi, ba tôi, các chú bác đều thoát ly đi làm cách mạng. Gia đình tôi phản đối dữ lắm. Tổ chức cũng không đồng ý. Nhưng lúc đó tôi còn trẻ, trẻ như cháu bây giờ, tôi nghĩ, tình yêu sẽ vượt lên tất cả.

- Cháu cũng nghĩ vậy, chú à. - Hiên gật đầu.

- Nhưng cháu còn trẻ, cháu có hiểu không? Chiến tranh vốn đầy bất trắc. Nó để lại cho tôi một niềm đau, lâu quá rồi mà còn đau hoài.

Hiên cũng vậy. Hiên biết buồn nỗi buồn chiến tranh từ ngày còn bé. Tụi bạn chơi trò “Việt cộng đánh quốc gia” bao giờ cũng đẩy Hiên về phía giặc. Thằng Đen lớn nhất, nó chống nạnh cười khì khịt; “Mầy phải ở “bên nó”. Má tao nói hồi đó ba mầy đi lính quốc gia”. “Bên mình”bắn “bên nó” phăng phăng. Hiên cũng bắn lại phăng phăng nhưng Hiên phải chết. Có khi nằm trên ổ kiến lửa để chết, Hiên giết

nảy lên, giãy dụa, thằng Đen đứng vỗ tay cười chưa xong đã khóc mướt: “Con nhỏ này chết y hệt ba tao”. Hiên cũng khóc. Những đứa trẻ như thằng Đen, như Hiên mới tí tuổi đầu đã bị súng bập dừa bắn vào trái tim thơ ngây. Đen thôi hồn nhiên và Hiên thì ngơ ngác chết.

- Người ta mong hòa bình một, tôi mong tới chín mươi, cháu à. Sau Mậu Thân, cơ sở bị lộ, tôi rút vô cứ. Định ra sức đàn áp phong trào cách mạng. Tề ngụy gom dân vô áp chiến lược, trong đó, nhà cô đi đầu. Người xuôi kẻ ngược, cô chỉ kịp đầm đìa nước mắt và hẹn nhau hai tiếng “hòa bình”. Coi lại, cả đời chúng tôi chỉ rượt đuổi nhau. Cô bỏ nhà ra áp chiến lược mới chín tháng thì chúng tôi mở rộng căn cứ về xóm quê cô. Tôi dọn dẹp căn nhà đầy váng nhện và bỏ hóng của cô để làm nơi làm việc. Hôm một bà má đi chợ về ghé báo con út Xuyên nó lấy một thằng lính ngụy, đêm đó bom nổ vụn căn nhà. Tới bây giờ, tôi cũng không hiểu làm sao mình còn sống được, nhưng hôm đó, trong cái hầm nước lỏng bỏng, tôi tìm được trong hốc đất một cái khăn trắng thấm hai con chim đậu trên cành mận nở đầy hoa, và một dòng thấm dờ: “Đường dài ngựa chạy biệt tăm...”

... “Người thương có nghĩa trăm năm cũng về” - Hiên buột miệng, rồi giật mình, cô quý quá thêm - Cháu đã đọc câu ca dao này ở đâu rồi, chắc là trong trường học.

Ông gật đầu, dường như chớm bàng hoàng, ông nhắm lại “người thương có nghĩa trăm năm cũng về”. Mặt ông hơi tái đi.

- Vậy tôi không phải là người thương có nghĩa rồi, cháu ạ. Tôi đã có thật nhiều cơ hội nhưng rồi đã bỏ qua. Năm tám hai, tôi chuẩn bị làm bí thư huyện thì nghe tin chồng cô vượt biên.

- Và chú phải lựa chọn, hoặc làm bí thư hoặc phải từ bỏ tất cả không ai chấp nhận chú lập gia đình với một người đàn bà đã có một đời chồng là lính ngụy.

Ông nhìn Hiên kinh ngạc, trong mắt ông ánh lên một niềm đau xót:

- Cháu biết nhiều như vậy để làm gì, cháu gái?

Hiên có muốn biết nhiều đâu, đời dạy cô vậy mà. Cô không trả lời câu hỏi, chỉ thốt lên:

- Trời đất ơi, sao chú lại có thể đem tình yêu ra mà bì với mấy cái đó. Cháu mà yêu ai, cháu sẽ vượt qua mọi trở ngại để tới với người ta.

- Cháu đã làm thử chưa?

- Rồi - Hiên quả quyết.

- Có một lần, tôi cũng đã làm như vậy. Tôi về thăm căn cứ. Chiếc tàu hì hụi về tới xóm đã chạng vạng. Tôi lúc đó không nghĩ tới chuyện gì khác ngoài chuyện tôi sắp gặp lại cô. Khi tàu ghé dưới bậc kinh nhà Tám Muốt, tôi thấy cô bơi xuồng đi đặt đó. Xuồng nhỏ, bóng cô nhỏ, một mình. Nhìn tôi, cô mừng tới xuồng nước mắt. Tối đó, sau khi ăn đã đòi bữa cơm bông súng nấu canh chua cá nâu, mắm sống, tôi chống xuồng qua sông. Hôm đó, tôi hơi say. Chắc tôi ngộ lắm nên đưa con gái nhỏ của cô cứ nhìn tôi hoài. Tôi ngả mình trên võng mà khói cứ bay nồng mũi. Tôi còn nhớ mình nói rằng không chấp chuyện đã qua, tôi không ngại đưa con gái lên sáu tuổi của cô. Tôi nói rằng con mưa xưa đã đem nguồn nước cũ về đầm. Cô nằm trên một cái võng khác, giăng xéo qua hai cây cột, đưa con gái ngủ. Cô chỉ khóc, khóc thật nhiều mà có nói được gì đâu. Vậy mà hai đứa thức, thở vắn thở dài tới sáng. Bữa sau, tôi đi thăm những bà con trong xóm căn cứ cũ. Vườn sau sân trước hố bom chẳng chịt hố bom. Bảy năm sau giải phóng mà xóm rất nghèo. Những gia đình cách mạng ngày xưa hết mình nuôi nấng, che giấu chúng tôi cuộc sống rất khó khăn, mặc dầu bông súng đã nở trắng hố bom, bầy vịt ta lội ngừng ngẵng. Cạnh nhà tường đạn bom cháy xém bà con dựng lại căn nhà lá. Tôi về than, bà con mình nghèo quá. Cô nói với tôi rằng dù có chính tay họ làm hay không nhưng cha cô, chồng cô đã gây biết bao nhiêu tội ác, làm cho cái quê nhỏ này trở nên như vậy. Mà, có còn ai để giúp cô trả món nợ này cho bà con, cho làng xóm, để cho cô được ngẩng đầu lên nhìn cuộc đời mà không thấy mình có tội, ngoài tôi. Tôi thương cô lắm, tôi quay lại, tự hãm nóng mình. Thời đó tôi sống tràn đầy hoài bão, tràn đầy thương yêu như cháu bây giờ, cháu gái à. Tôi chưa biết ham mê tước vị, quyền lợi. Rồi từ từ tôi mới biết cân nặng nhẹ, biết so đo. Tôi lấy vợ, mà, tội nghiệp tôi lắm, lấy vợ mà cũng so đo. Ông già vợ tôi là cán bộ tổ chức của tỉnh. Tối một ngày chợt nhận ra, quyền lực đối với tôi càng giống như cục mỡ rệu trong veo trong nồi thịt kho tàu ngày Tết, nhìn thì thèm, ăn quá ngán mà bỏ thì tiếc. Ông cười sùng sục. Tiếng cười nghe xao động như quây dừa rụng xuống hào ranh giữa buổi trưa vắng. Nhưng Hiên giật mình vì ánh mắt không hề có một niềm vui, nó sâu hun hút. Hiên thấy lòng mình lạnh hẳn. Cái nhìn ông lạnh như cái ao sâu phủ kín lục bình.

- Chú à, bây giờ cô ấy ở đâu?

- Cháu có biết xóm Trầu? Một cái xóm đẹp. Căn cứ cũ của chúng tôi. Tôi nhớ hoài, trước mặt xóm là một cái đầm nước gió ới là gió...

Và một hàng dừa nước bên sông nghiêng mình soi đáy. Những ngày gió chướng về, nước trong vắng vặc như thấy rành rành từng số lá. Trên bờ kinh, dây choại mọc đầy, đọt choại xanh non nhuột lú ra lú rú núa bước chân người. Hàng bông búp trước sân nhà nở đỏ. Con heo cỏ bụng bự đầy đất sục mũi vào đám rau diệu, rau chay. Sau vườn, dây trầu già leo cây cau ồm. Bầy kiến vàng liêu xiêu bò ra bò vào trên nhánh chanh giầy de ra mé ao. Và ở đó có má Hiên, một đời thâm lặng, hiền lành. Sớm sớm, ngồi xắt chuối quét nát trộn vôi cám cho bầy vịt xiêm ăn. Xẩm tối, má đốt nhang lên bàn thờ ông bà ngoại, đóng cửa, sập rèm. Má Hiên bị bức phải lấy ba Hiên tháng chín, tháng tư năm sau giải phóng miền Nam. Cái khoảnh khắc đó so với cuộc đời ngắn ngủi biết bao nhiêu nhưng đã trì núa cuộc đời má Hiên xuống. Mấy mươi năm, cuộc đời má như hủ sành bể nát, không mảnh nào ráp được với mảnh nào, phải làm hai, làm ba còn lấy keo chắp vá. Niềm vui chỉ những ngày cuối tuần, má Hiên trông từng chuyến tàu trưa, coi Hiên có về không? Một người quen cũ có về không? Khi ba Hiên đi học cải tạo ba năm, Hiên lớn lên không hề có ba mà không thấy tủi. Ba Hiên về, năm sau xuống tàu vượt biên, Hiên đã là một con bé lạ lùng, Hiên có thể rạch rời chuyện từng chuyện một. Hiên nghĩ rằng ba ra đi là lỗi của ông, vì ông nghĩ rằng đất này không cưu mang, không liên quan tới chuyện mỗi tình xa gì gì đó của má. Hồi đó, mỗi tình đó chỉ là một ngọn lửa le lói cháy trong mắt má Hiên. Lạ sao, đến bây giờ, ngọn lửa vẫn không tắt và chưa bao giờ tắt. Có lẽ, người đời luôn luôn nuối tiếc những gì không tròn vẹn. Hiên vẫn không tin được, chỉ những lời hứa hẹn và một đôi lần nắm tay nhau (Hiên tưởng tượng cùng lắm thì hôn lên má nhau, nếu có thể) lại làm cho người ta nhớ lâu, nhớ sâu đến vậy. Mỗi lần xem ti vi, nhìn thấy ông thoáng qua, trên màn hình, má Hiên luôn cười rất nhẹ, kín đáo âm thầm. Cái cười nhỏ nhưng tràn đầy tình. Hiên có lần bảo, "Con mà thương ai thể nào con cũng lặn lội lại nói với người ta liền". Má Hiên cười, "Con còn trẻ, má già rồi. Mà, má có xứng gì đâu...". Hiên chợt nhận ra, thế hệ của mình đã khác, thế hệ mình sống nhẹ nhàng hơn thời của má nhiều.

Không biết bây giờ xóm cũ có còn như trước, cũng ba năm rồi tôi không về...

Ông trầm ngâm. Hiên nói với lòng mình. Không, cái xóm đó không bao giờ thay đổi được. Người ở xóm đó vẫn vậy. Chắc nó không khác được đâu, lúc nào nó cũng soi mình xuống đầm. Thấy mình khác một chút đã sửa lại.

- Lẽ ra bây giờ chú phải về xóm Trầu. Cháu chắc chắn là có người vẫn chờ đợi chú, chờ đợi tới trăm năm.

Ông bòn chôn ngược lên nhìn Hiên.

... Hai hôm sau, khi Hiên quay lại nhìn ông, nhà đã khóa cửa ngoài. Hiên quay về chỗ trọ thì nhận được lá thư nhỏ. Thư của ông. Hiên cứ cầm thư mà xuống nước mắt. Ông viết: “Cuộc đời đã tàn tiện chai sót lại cái cơ hội cuối cùng của chú, cũng bởi vì chú đã hoài phí nhiều. Chú đã nhận ra cháu rồi, cháu gái à. Chú chuyển lời xin lỗi đến má cháu. Chú bệnh, bệnh nặng. Không còn ham hố, vương bận gì nữa, chú cũng không thể trở về, bởi vì chú không muốn làm một gánh nặng cho má con cháu lúc cuối đời... Chú thương cháu nhiều, con gái nhỏ...”

Chỉ vậy mà họ có thể bút khỏi nhau ra được sao, trời đất quỷ thần ơi, những người lớn... Đường đời gang tấc mà vì nỗi gì mà đi vòng cho xa hoài, xa mãi. Hiên lặng người, tới bây giờ Hiên cũng không biết ông bệnh gì, nghiêm trọng ra làm sao? Hiên không biết. Má ơi!

Truyện ngắn: NHỚ SÔNG

Mỗi lần qua sông Cái Lớn, Giang lại nghĩ chắc tới già, tới chết, mình sẽ chẳng bao giờ rời chiếc ghe nhỏ này đâu. Cũng khúc sông này, năm Giang mười tuổi, má Giang chết. Hôm đó, trời mưa nhỏ nhưng gió nhiều, gió bạt tay chèo liêu xiêu. Nước từ vàm sông cuộn cuộn đổ ra. Chiếc ghe bạt nước tấp vô sà lan chở cát. Ông Chín, ba Giang, chống đàng mũi; má Giang, chống đàng lái. Giang ngồi trong mũi ghe, ôm con Thủy vào lòng. Giang thấy rõ ràng lúc cây sào trong tay má đang chỏi vào thành sà lan trượt hướn lên, má ngã xuống, đầu má đập vào cái gờ sắt, đôi chân còn bấu vào ghe. Rồi má cong lại như chiếc võng, hụp vào sông. Giang khóc điên, bỗng con Thủy lồm cồm bò về đàng sau lái, Giang còn kịp nhìn thấy mái tóc má trôi lòa xòa liêu phiêu trong làn nước rồi mất hút.

Giang không hiểu tại sao mình nhớ hoài, nhớ ràng ràng cái ngày đó. Cho nên qua vàm lần nào Giang đều kéo con Thủy ra, Giang chỉ: má chết chỗ này nè. Con Thủy ừ hử như không. Giang hỏi: không nhớ à? Thủy lắc đầu.

Cũng phải, lúc đó con Thủy còn mềm xèo, nhỏ xíu như con mèo mướp. Hệt như Giang, nó lớn lên trên ghe. Lúc buôn bán, lúc nấu cơm, ông Chín không bỗng được, Giang buộc sợi dây dù vô chân nó, đầu kia Giang buộc vô mũi ghe. Con Thủy bò chán bò chê rồi nằm ngửa ra, ngó những trái cà, trái khóm, trái bí, bầu ông Chín treo lúc lỉu trên nhánh chà đàng mũi ghe. Có lẽ nó biết thân mình mỗ côi mẹ nên nó dễ chịu, dễ tánh.

Gia đình ông Chín sống hằn trên ghe. Cảnh của ông cũng buồn lắm. Nhà nghèo, ra riêng, gia đình chỉ cho hai công đất. Năm Giang ba tuổi, Giang lên sới. Ông Chín bán đất cứu con. Số tiền còn dư lại, ông mua chiếc ghe nhỏ đi bán hàng bông. Cả

nhà dất dúi nhau linh đình sông nước. Có lúc vừa ghé lại bờ, chưa kịp buộc dây ghe vô gốc mắm, do quần chân lâu ngày Giang đã chạy lên bờ, chạy cuống chạy cuống như điên trên đất. Má Giang rót nước mắt: “Con nhỏ thiệt thòi...”. Ông Chín an ủi: “Vì miếng ăn mà, mình ơi”.

Sau này khi vợ chết, không hoàn toàn vì miếng ăn mà cả nhà ông Chín trôi dạt hết dòng sông này đến con kinh kia. ở đây con sông nào đó còn là nơi gởi gắm xương thịt của người đàn bà xấu số - má Giang. Những buổi tối, buộc ghe vô gốc tra bông nở vàng cặp mé sông, ông Chín dạy chị em Giang học. Có được chút vốn học hành nhỏ nhoi, ông dạy bằng hết. Giang lanh lợi hơn con Thủy, học ít mà tính rợ cực kỳ giỏi. Buôn bán lu bù mà nó tỉnh như không. Nó tính toán hết, mua rau trái, đường đậu tạp phẩm cho chuyến đi, chở than, chở củi chuyển về. Nhiều chuyến bốc than còn nóng chất dưới sạp ghe, chị em Giang nằm trên đó mà ngủ, sáng ra lưng phồng rộp. Ông Chín ứa nước mắt, cắn răng biểu: “Lần sau thôi nghen, con Hai”.

Bây giờ hỏi lại Giang nói không có con kinh, con rạch nào mà ghe chưa đi qua, không có đường ngang ngõ tắt nào mà ông Chín không biết. Xuôi dòng, ngược dòng, con nước kém, con nước ròng... Không ai nói với ai, nhưng cả nhà ông đều nghĩ, chắc là sống như vậy hoài, như vậy mãi thôi. Chị em Giang đùa nhau sau này lấy chồng, ra riêng, ba cho mỗi đứa một chiếc ghe. Con Thủy nói nó không lấy chồng, nó ở vậy đi bán với ba, nó nói mà giọng hơi buồn. Ông Chín nghe rồi như gió ùa về, lòng tự dưng nghe đau xót. Rồi khi hai đứa con gái ông sinh ra những đứa con, chúng lại phải sống cuộc đời lênh đênh như má chúng, ông nghĩ vậy, đâu có được. Những buổi chiều ghé đi qua thị trấn, qua phố huyện, giờ tan học nhìn đám học trò túa ra cổng trường, đám học trò áo lem mực, tay kẹp sách cái cặp, tay mang bình nước, con Thủy lớn lên lén lén lút lút nhìn lên, mắt ông Chín cháy âm âm một nỗi gì đau đáu.

Giang gặp hoài đôi mắt đó, Giang thương ông quá đi thôi. Giang lấy chồng. Chồng Giang tên Thuấn ở Đập Sậy. Những lần đậu ghe lại buôn bán, Thuấn đều mời ông Chín lên nhà uống rượu. Nhà Thuấn không giàu nhưng cũng đủ mặc đủ ăn, có đất làm ruộng, gần trường xã. Ông Chín chọn Thuấn trước, ông hỏi Giang có ưng không. Giang ngồi chải tóc, chải tới rát da đầu, vuốt ra từ cây lược mớ tóc rối (như lòng mình rối). Giang gật. Giang lấy chồng hôm mười chín tháng hai, khi dọc những triền sông, trên những đám chùm gọng, những rặng rặng... loài chùm gởi to hồng phủ lên một màu vàng óng, rồi chỉ chút những bông hoa trắng con con như hột tằm mẩn. Mấy chiếc ghe bạn kẻ lại thành bè, đậu phía ngoài đập. Đám đàn bà con gái bê những cái cà ràng nhóm củi nấu ăn trên bờ. Hiện - bên ghe bạn - cũng

bày đặt đi đón là dứa về bể vòng nguyệt trên mũi ghe nhà Giang. Ngày vui của Giang mà Hiện lâm li, có cười cười cũng héo xèo. Nửa đêm nhóm họ, rượu uống sương sương, Hiện ca Tình anh bán chiếu mà nước mắt rùng rùng. Hiện lấy mu bàn tay quạt nước mắt, trộn trạo biếu: “Rượu xú này cay dễ sợ”. Rồi dòm trong ghe thấy Giang ngồi xếp quần áo với con Thủy, Hiện kêu: “Chắc sau này mình hồng gặp được nữa, cô Hai hen”. Giang ngược lên cười buồn. Con Thủy thày lay: “ảnh thương chế đó”. Giang vỗ đầu em: “Thương khổ khô gì mà không chịu nói, hả?”. Con Thủy cười: “Chế hỏi cái bộ như em là ảnh vậy”. Sáng sau, Giang mặc áo dài từ dưới ghe bước lên, ông thợ chụp ảnh chụp được một pô đẹp ơi là đẹp, đẹp nhất là quanh Giang mớ bông tra vàng rụng toi bởi lừng lững như hàng trăm cái chuông.

Giang ở nhà chồng rồi, con Thủy buồn lắm. Nó thay Giang buôn bán cho ông Chín nghỉ ngơi sau bao ngày lèo lái. Nó lanh lợi, mau mắn không bằng Giang nhưng được nước siêng. Ngày nào nó cũng lật lịch coi, tới con nước ba mươi đi bán vùng xóm rẫy về, ghe ghé Đập Sậy thăm chị nó. Có bữa dọn cơm nó vô thức dọn thừa đôi đũa, cái chén, ông Chín rày: “Mai một bay lớn bay cũng lấy chồng, chị bay đâu ở được với bay hoài”. Nói vậy mà sao lòng ông cũng cồn cào nhớ.

Ghé Đập Sậy, Giang đòi ông Chín ở lại một đêm, cho Giang xuống ghe ngủ với con Thủy. Giang than nức nở: “Trời ơi, con nhớ ghe quá trời đất đi”. Xuống ghe, Giang đưa tay sờ rầm từng món hàng, từng miếng sạp. Trên nhà, ông Chín ngồi uống rượu với Thuận. Thuận uống dữ, anh toàn tọt nguyên ly. Uống xong rồi lè nhè than: “Con nuôi con Giang như nuôi con sáo, hồng biết giờ nào nó xô lồng nó bay. Con Giang là vợ con, nó ở đây mà lòng dạ nó ở đâu á...”. Ông Chín lặng người.

Thường thì cơm nước, quét dọn xong hể hờ ra giờ nào Giang lấy xuống chèo đi giờ ấy. Trời đất, nó đi đâu? Thuận cười chua chát: “Hồng biết, nó chèo khơi khơi vậy đó ba à, con cũng nghi bậy trong bụng, có bữa con rình đi theo, vợ con chèo đã đòi rồi nó buông chèo lụi vô đám lá, lấy tay vịn, ngồi ở đó. Rồi chèo về, vậy à”. Ông Chín thở dài.

Đêm đó Giang nằm dưới ghe. Giang hỏi con Thủy: vậy chớ ghe mình bán có đất không, bây giờ ghe mình thường về đậu ở bến nào, ba còn buồn, còn uống rượu ban đêm không... Thủy trả lời muốn mệt. Con Thủy nói:

- Anh Hiện gởi lời thăm chế. ảnh hỏi em hoài à, hỏi vậy chớ chế lúc này vui hông? Em nói em hồng biết. Sao mà em thấy ảnh tội nghiệp thiệt. Phải chi... - Con Thủy

lúng búng dừng lại rồi then thò nói tiếp - Phải chi có cái gì thường được, mình thường cho anh.

Mắc mớ gì mà phải bồi thường - Giang cười rồi giật mình. Con Thuỷ năm nay mười tám tuổi, nó lớn thiệt, lớn mau quá. Giang nhớ cái ngày con Thuỷ có kỳ kinh nguyệt đầu tiên, nó lúi đầu giấu vô mớ cốm gạo treo lưng lẳng khóc mướt. Giang bảo không sao đâu, không sao đâu mà chực rơi nước mắt. Giang nghĩ phải chi còn má. Thuỷ còn có chị nó, chớ ngày đó của Giang, Giang cũng khóc mà không thể hỏi ai. Ông Chín tinh ý biết, ông lặng lẽ qua bên ghe nhà Hiện, nhờ má Hiện. Ngồi hút thuốc như ông khói tàu, lần đầu tiên ông thấy mình bất lực, vô dụng và bồi rối trước đứa con gái đáng thương.

Nhớ lại nhiều chuyện quá, Giang không ngủ được. Con Thuỷ bày ra chuyện lắc ghe, lắc như là ghe đang bị sóng vẩy, nó biểu “chắc là chế quen ngủ vậy rồi, êm êm hồng chịu”. Giang thiếp đi, thấy mình đang ở trong một con mơ mà giấc mơ cũng tròn trành.

Khi ra về, nhìn bóng Giang xơ rơ đứng tiền bên hàng me, ông Chín dặn lòng, thôi, sau này có nhớ thì lâu lắm mình mới ghé thăm. Rồi nó sẽ quen, sẽ quên đi. Nó phải biết cách sống với đất để nghĩ về tương lai những đứa con của nó.

Nhưng chưa đầy con trăng đã thấy Giang khăn gói về bên Xã Xiêu. Giang lần theo mấy chiếc ghe bạn hỏi thăm rồi quá giang họ về. Ông Chín thấy Giang lòng đau bầm. Ông gần gần hỏi: “Con Hai! Bay đi đâu?” Giang cúi mặt: “Con nhớ ghe quá hà, con nước rồi ba không thềm ghé thăm con”. Giang nói thêm, nói Thuấn cho Giang đi, chừng nào muốn về thì về, “ảnh dễ ghê vậy đó, ba à”. Ông Chín đâm sầm ra ngồi đằng lái, vắn thuốc rồi bập bập trên môi mà không buồn đốt. Con Thuỷ sợ ông giận Giang, nó men ra nói khơi: “Lâu lâu có con gái về thăm, sướng thấy mồ, ba đừng giận ba ha”. Ông không trả lời, lúc đó ông đang nghĩ về một người đã khuất, lòng ông chua chát: “Tui biết tính sao bay giờ, bà ơi. Tui tính làm một lần này rồi”. Nghe con Thuỷ cười với Giang rộn rã: “Chế ngủ trên nhà riết rồi cũng quen mà, ngủ ghe vừa chật vừa nực thí mồ - Con Thuỷ nói hoài, nó thích có đất, có vườn như bên chồng Giang - Có đất để làm gì hả? Để trồng cây, ừ trồng cây ăn trái, trồng mít và trồng rau”. Giang nhắc: “ờ phải em ham đất lắm, hồi nhỏ ghe đậu bến nào chế cũng coi em bắt mệt, cứ xoay lưng là em chống hông cạp đất ăn ngon lành. Ăn đất hoài bụng ổng bụng eo luôn, nhớ chưa? “.

Ông Chín lần vào trong, vệt mớ bánh kẹo, giỏ hũ gạo ra, moi dưới đáy một chiếc hộp sắt sơn đen. Ông gọi chị em Giang lại, ông mở hộp ra, trong hộp một túi vải

dây gút miệng. Ông ngồi xếp bằng, trịnh trọng, trang nghiêm như thể ông sắp đánh đổi cái gì thiêng liêng nhất trong cuộc đời. Ông từ tốn lấy từ trong túi ra từng chiếc khâu vàng óng ánh, nói: “Ngày mai ba đưa con Hai về, thằng chồng bay chắc đang trông...”. Giang ngược nhìn trôn ông rồi cụp mắt, cúi đầu. Dốc ngược cái túi, ông Chín bảo:

- Dành dụm cả đời ba chỉ có bao nhiêu đây thôi. Ba sẽ bán chiếc ghe này, về quê nội mua một miếng đất, rồi ba với con Thuỷ cuốc đất trồng rau, có gì ăn nấy. Ba đi cả đời, ba cũng mệt...

Con Thuỷ ngơ ngàng nhìn vào mớ vàng rồi nó lặng lẽ bỏ ra ngoài mũi ghe. Nó sợ còn ngồi trong đó, chút nữa thôi nó sẽ bật khóc vì thương mình, thương ba. Con Thuỷ biết khi bỏ lại sau lưng hơn nửa đời sông nước, ông Chín hẳn sẽ buồn lắm, đau lòng lắm. Trong này ông Chín biểu Giang: “Ngủ đi. Rồi ngày mai...”. Ông chờ Giang quay đi rồi mới đốt nén nhang cắm trên cái trang thờ treo trên vách: “Còn bà, bà đã thành nước, thành đất, thành cỏ thành cây, cha con tui ở đâu, xin bà theo đó. Đám cháu chắt chít của mình rồi sẽ chẳng phải chịu lên đênh”.

Giang ngồi ở đầu vòm mũi nhìn ra đằng trước. Con Thuỷ không biết mình đang vui hay đang buồn, nó thần thờ buông chân xuống nước, khoả bì bõm, mắt hướng về chiếc ghe của Hiện đang đậu sát bờ lá. Hiện biết Giang về nên Hiện nằm ca sang sang.

Con Thuỷ lầm bầm: “Chắc là sau này em không gặp được anh đâu”.

Đêm nay cũng có gió nhiều, cà bắp trong đám lá dậy hương, cái mùi dân dã không chịu được. Gió làm sóng chao ghe mà sao khó ngủ quá vậy nè.